

BÁCH KHOA

SỐ 69 — NGÀY 15.11.1959

Trong số này :

- LÊ-LINH Văn đề sử-dụng đất đai tại Việt-nam.
- HOÀNG-MINH-TUYNH Tinh-thần Tôn-giáo tại Liên-Bang Xô-viết.
- PHẠM-HOÀNG Thắc mắc : Im lặng.
- NGUYỄN-VĂN-HÀU Về.
- TRƯƠNG-VĂN-CHÍNH } Bàn về vấn-đề phân
và NGUYỄN - HIẾN - LÊ } từ loại Việt-ngữ trong
cuốn « Le parler Viet-namien » (Lê-Văn-Lý) .
- NGUYỄN-TOẠI Bàn về mấy bản đồ xưa in trong quyển « Việt sử Tân biên ».
- NGUYỄN-TRINH-DZOANH Đề tìm hiểu khoa-học hiện-đại.
- NGUYỄN-HUY-KHÁNH Luận nhân-vật đời Tam-quốc.
- NGUYỄN-PHÚ Diềm-sách : Trăng treo đầu súng (thơ Trương-Linh)
- PHẠM-TĂNG ; ÁI-LAN } Ý-kiến về truyện ngắn
DOÃN-QUỐC-SỸ } Việt và ngoại-quốc.
THIÊN-GIANG }
LÊ-V-SIÊU, NG.-HIẾN-LÊ }
- NGUYỄN-HIẾN-LÊ Con Vịt (tùy bút).
- TRẦN-NGUYỄN ANH-CA Tôi đóng phim tại Pháp.
- CHU-MINH-THỤY Song hành (truyện ngắn).
- KIỀU-YIÊU Hằng-Nương (dịch Liễu trài).
- NG -V.-XUÂN Cây đa đôn cũ (truyện ngắn).

RƯỢU : — Rượu Âu mạnh "Eau de Vie cũ" 40° và 50°
— Rượu Tàu "Lão-Mạnh-Tửu"
— Rượu Tàu "Tích-Thọ-Tửu"

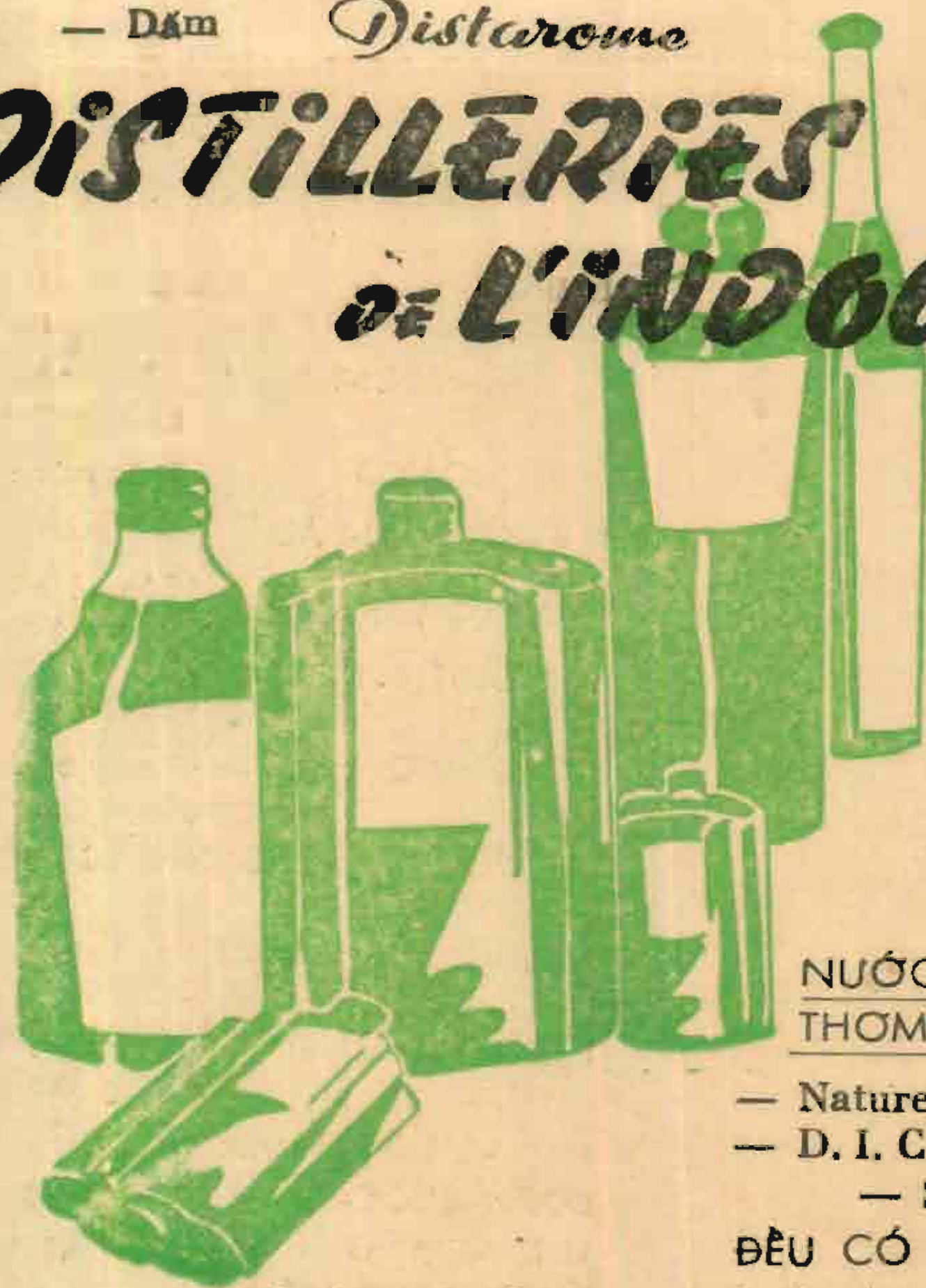
SI-RÔ "Verigoid" :

— Si-rô Cam, Quýt, Chanh, Bưởi.

DẤM THẬT NGON 6° :

— Dấm *Distarome*

DISTILLERIES **DE L'INDOCHINE**



NUỐC HOA và DẦU THƠM « D.I.C. » :

— Naturelle — Fougère
— D. I. C. 5 — Lavande
— Stella

ĐỀU CÓ BÁN KHÁP NƠI

Mọi glass dịch về thương mại, xin do :

ở **NAM-PHẦN :** HÃNG RƯỢU BÌNH-TÂY (S.F.D.I.C.)
135, đường Pasteur — SAIGON

ở **TRUNG-PHẦN :** CÔNG TY THƯƠNG MẠI, KỸ NGHỆ và TIÊU CÔNG NGHỆ
(S.I.C.A.) — 32, Bến Bạch-Đằng — ĐÀ-NẰNG
HÃNG RƯỢU NHIỀU-BÁ
6, đường Hoàng-Hoa-Tham — NHA-TRANG

SẢN PHẨM CỦA HÃNG THUỐC



COTAB

VIRGINIE





NHỮNG GIẢM GIÁ ĐẶC BIỆT
TRÊN NHỮNG ĐƯỜNG BAY TRONG XỨ
CỬA

VIỆT - NAM HÀNG - KHÔNG

- 1) *Giảm giá gia-đình 15 %* trên vé bay cho hành-khách trong một gia-đình đi chung nhau và gồm có ít lắm :
 - 3 người lớn
 - 2 người lớn và 2 trẻ em từ 3 đến 12 tuổi
 - 1 người lớn và 4 trẻ em từ 3 đến 12 tuổi

- 2) *Giảm-giá cho các đoàn nghệ-sĩ và thể-thao :*
 - 15 % trên giá vé khứ-hồi cho những đoàn ít lắm là 5 người
 - 20 % trên giá vé khứ-hồi cho những đoàn ít lắm là 10 người
 - 25 % trên giá vé khứ-hồi cho những đoàn 15 người trở lên

XIN HỎI CHI TIẾT NƠI :
Tổng Đại-Lý VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG

116, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — SAIGON

Đ. T. : 22.446-47, 21.624-25-26

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

(HỘI NẶC DANH VỚI SỐ VỐN 400.000.000 QUAN)

Chi-nhánh tại SAIGON

29, Bến Chương-Dương

Điện thoại: 23.434/35/36 — Địa-chi Điện-tín : Fransibank

Chi-nhánh phụ : Hẻm Eden, Saigon



TẤT CẢ CÔNG VIỆC NGÂN - HÀNG



Đại-diện các Ngân-Hàng trên thế-giới



*Ngân-Hàng thừa nhận do Viện Hối-Đoái
Quốc - Gia Việt - Nam*

Mở các khoản tín-dụng về

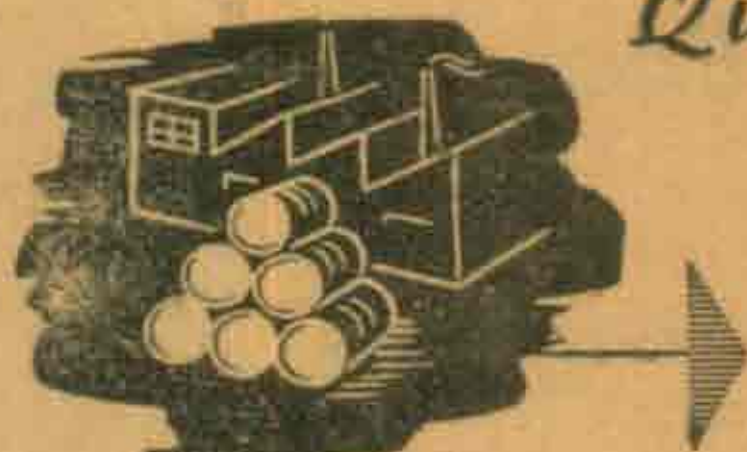
Xuất-cảng — Nhập-cảng



Để dùng vào
KỸ-NGHỆ
NÔNG-NGHIỆP
và **TRONG NHÀ**

CÔNG-TY SHELL VIỆT-NAM

xin giới thiệu cùng
Quý Ngài những hoá-phẩm
do dầu hỏa chế ra.



Chất để pha trộn,
Acétone, glycérine, toluène



Xà-bông nước hoá-học



Thuốc sát-trùng bột như Dieldrin,
Aldrin, Endrin, trừ các loài
sâu bọ cắn hại mùa màng



Hơi Butagaz để đun bếp
vừa sạch-sẽ, vừa tiện lợi



Thuốc sát trùng Shelltox, mùi
dễ ngửi, giết ruồi, muỗi... rất nhậy

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74 Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boite Postale N° 40 — SAIGON

BUREAUX AUXILIAIRES

SAIGON-MARCHÉ: 178, đường Lê-thánh-Tôn

Tél. : 22.142

CHOLON : 386, Đại-Lộ Đông-Khánh.

Tél. : 621

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE

VIETNAM : SAIGON

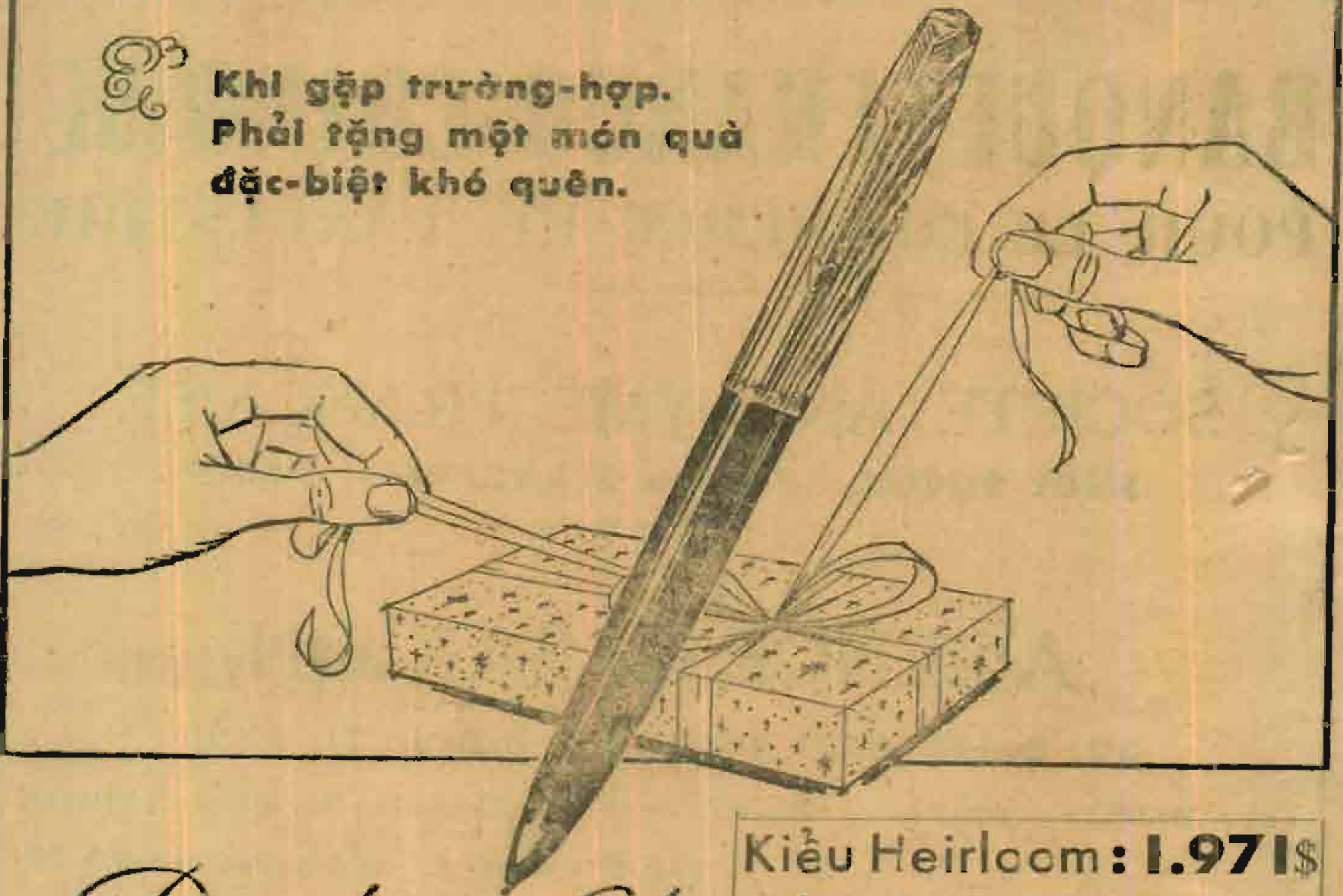
CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

Location de Coffres-forts par l'Agence de Saigon
Toutes Opérations de Banque et de Change.



**Khi gặp trường-hợp.
Phải tặng một món quà
đặc-biệt khó quên.**



Parker 61

Kiểu Heirloom: 1.971\$

Kiểu Custom: 1.613\$

Cây viết máy tự-động lấy mực

**Bốn lần đặc-sắc hơn những
viết máy thường:**

**Bền-bỉ chịu đựng trước đụng-
chạm:**

Phần mực dự-trữ (nhốt kín) không thể nào
chảy ra khỏi nơi chứa.

Không thể rỉ ra được:

Một nơi chứa riêng kiểm soát lúc mực đến.

Áp-dụng đơn-giản:

Không có bộ-phận vận-dụng, nên khỏi sợ
hao mòn, hư hỏng.

Tự hút lấy mực:

Lấy mực hoàn-toàn đầy đủ, sạch sẽ,
không sợ da tay. Mực vào nơi dự-
trữ cây Parker 61, do sức tự-động
lấy mực.



Có kỷ-niệm quý báu nào bằng
một ngày bất-hủ, tặng một vật
đồng nghĩa với thành công?
Cây Parker 61. Sự trang-nhã,
xinh đẹp và cách cử-động khó bì của nó sẽ
làm quý Ngài thỏa-thích, khen ngợi và tỏ
rõ sự khéo lựa chọn đúng sở thích của quý
Ngài.

Đây là một cây viết máy hoàn toàn tân-
kỹ, một phát minh mới nhất trong địa-hạt
viết lách... cây Parker 61 tự hút lấy mực,
khỏi cần vận-dụng, không có những bộ-
phận rời, nên không thể hao mòn hay hư
hỏng. Tuy nhiên, nó hút mực hoàn toàn
dưới sức hút tự nhiên: Sức tự-động lấy mực.

Đề tỏ lòng cầu-chúc hay khen tặng, nên
chọn món quà được ái-mộ nhiều nhất...
cây viết ký lạ Parker 61.

SẢN-PHẨM CỦA  THE PARKER PEN COMPANY

**Société Indochinoise de Documentation
et de**

Représentations Commerciales

(S. I. D. E. R. C. D.)

Exclusivités :

Whisky « BALLANTINE'S »

Cognac « COURVOISIER »

Sardines « LES Océanides »

Champagne « HEIDSIECK & C^o
MONOPOLE »

Vins de Chianti et Vermouth
« MIRAFIORE »

Vin Rose Valpolicella Chiaretto
« MNOTRESOR »

Huile d'Olive « ADOLPHE PUGET »

18, Bến Bạch Đằng
SAIGON

Tél : 20.055

La Société Urbaine Foncière

(S. U. F. D.)

18. BEN BACH DANG — SAIGON

BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI-TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International 3rd Edition

Bentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES
GRANDES VILLES DU MONDE

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632-21.633

Agence à Cholon :

448-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20. Boulevard Norodom (Ex 20, Bd Doudart de Lagrée)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers

CÓ DẦU TRONG ĐỜI SỐNG CỦA TA

Nhiều thực-phẩm của ta do dầu cung-cấp. Dầu chuyên chở thực-phẩm đến cho ta bằng tàu thủy, bằng máy bay, bằng xe hàng hoặc bằng xe lửa.

Dầu lại giúp ta nấu nướng bằng bếp điện, bếp hơi hoặc bếp dầu hơi.

Dầu góp một phần quan trọng vào đời sống của ta.



HÃNG DẦU STANVAC

Giúp Ta Sống Đời Vui Tươi



BÁCH-KHOA

Số 69 — Ngày 15 - 11 - 1959

	Trang
LÊ-LINH	Văn-đề sử-dụng đất đai tại Việt-nam, 3
HOÀNG-MINH-TUYNH	Tinh-thần Tôn-giáo tại Liên-bang Xô-viết 9
PHẠM-HOÀNG	Thức-mắc : Im lặng 17
NGUYỄN-VĂN-HẦU	Vè 18
TRƯƠNG-VĂN-CHÍNH và NGUYỄN-HIẾN-LÊ	Bàn về văn-đề phân từ loại Việt-ngữ trong cuốn « Le parler Vietnamien » (Lê-Văn-Lý) 23
NGUYỄN-TOẠI	Bàn về mấy bản đồ xưa in trong quyển « Việt sử tân biên, I » 27
NGUYỄN-TRINH-DZOANH	Đề tìm hiểu khoa-học hiện-đại 33
NGUYỄN-HUY-KHÁNH	Luận nhân-vật đời Tain-quốc. 38
NGUYỄN-PHÚ	Điểm-sách : Trùng treo đầu súng (thơ Trương-Linh) 42
PHẠM-TĂNG — DOÃN-QUỐC-SỸ Bà ÁI-LAN — THIÊN-GIANG LÊ-VĂN-SIÊU — NGUYỄN-HIẾN-LÊ	Ý-kiến về truyện ngắn Việt và ngoại-quốc 48
NGUYỄN-HIẾN-LÊ	Tùy bút : Con Vịt 61
ĐÔNG-XUYẾN	Qua nhà cũ của Đỗ-Phủ (Thơ dịch) 65
TRẦN-NGUYỄN ANH-CA	Tôi đóng phim tại Pháp 66
Yã-Hạc NGUYỄN-VĂN-TRUNG	Điu hiu (thơ) 70
CHU-MINH-THUY	Song hành (truyện ngắn) 71
ĐOÀN-THÊM	Tiếng vọng bên kia (thơ) 77
KIỀU-YIÊU	Hàng-Nương (dịch Liễu Trai) 80
NGUYỄN-VĂN-XUÂN	Cây đa đồn cũ (truyện ngắn) 87

BÁCH-KHOA

Trong những số tới

- HOÀNG-MINH-TUYNH : *Tinh-thần tôn-giáo tại Liên-bang Xô-viết : Tân truyện « Bức ảnh làm phép lạ của » Tendriakov.*
- NGHIÊM-PHÚ-LƯU : *Trên đường xây-dựng kinh-lĩ...*
- THANH-THUYỀN : *Giá-trị của Kinh Dịch.*
- LÊ-NGỌC-TRỤ : *Nỗi thắc-mắc của bạn đọc về bản Chính-phụ ngâm.*
- TRẦN-VĂN-KHÊ : *Nhạc-sĩ Beethoven và giao-hưởng khúc số 9.*
- VÓ-ĐỨC-DIÊN, GIẢN-CHI,
Cả TRÚC-LIÊN, NG.-V.-CỒN,
VŨ-KÝ, PHẠM-CAO-CÙNG } *Ý-kiến về truyện-ngắn Việt và ngoại-quốc.*
- NGUYỄN : *Phát đạn (truyện dịch).*
- LÊ-TÂY-SƠN : *Lời thú tội (truyện dịch).*
- TRANG-THẾ-HY : *Giả đờ yêu (truyện ngắn).*
- VŨ-HẠNH : *Cuôi Ba-dùm (Truyện ngắn miền Thượng).*
- VŨ-PHIẾN : *Tuổi thơ đã mất.*
- PHAN-DU : *Một món nợ (truyện ngắn).*
- KIỀU-YIÊU : *Tương-quần (dịch Liêu-trat).*

THẺ LỆ MUA BÁO DÀI HẠN

6 tháng 12 số : 90\$00 — 1 năm 24 số : 180\$

Ở ngoại quốc xin gửi thêm cước phí.

BÁO QUÁN : 160 Phan-Đình-Phùng — SAIGON — Đ. T. 25.539

Nhà in : 412-414, đại lộ Trần-Hưng-Đạo — SAIGON

Thư từ và bài vở xin gửi cho : Tòa soạn BÁCH-KHOA
hộp thư số 339 Saigon

Bưu phiếu xin đề tên : Ô. Huỳnh-Văn-Lang

160 Phan-Đình-Phùng — SAIGON

VẤN ĐỀ SỬ-DỤNG ĐẤT ĐAI TẠI VIỆT-NAM

☆ — LÊ-LINH

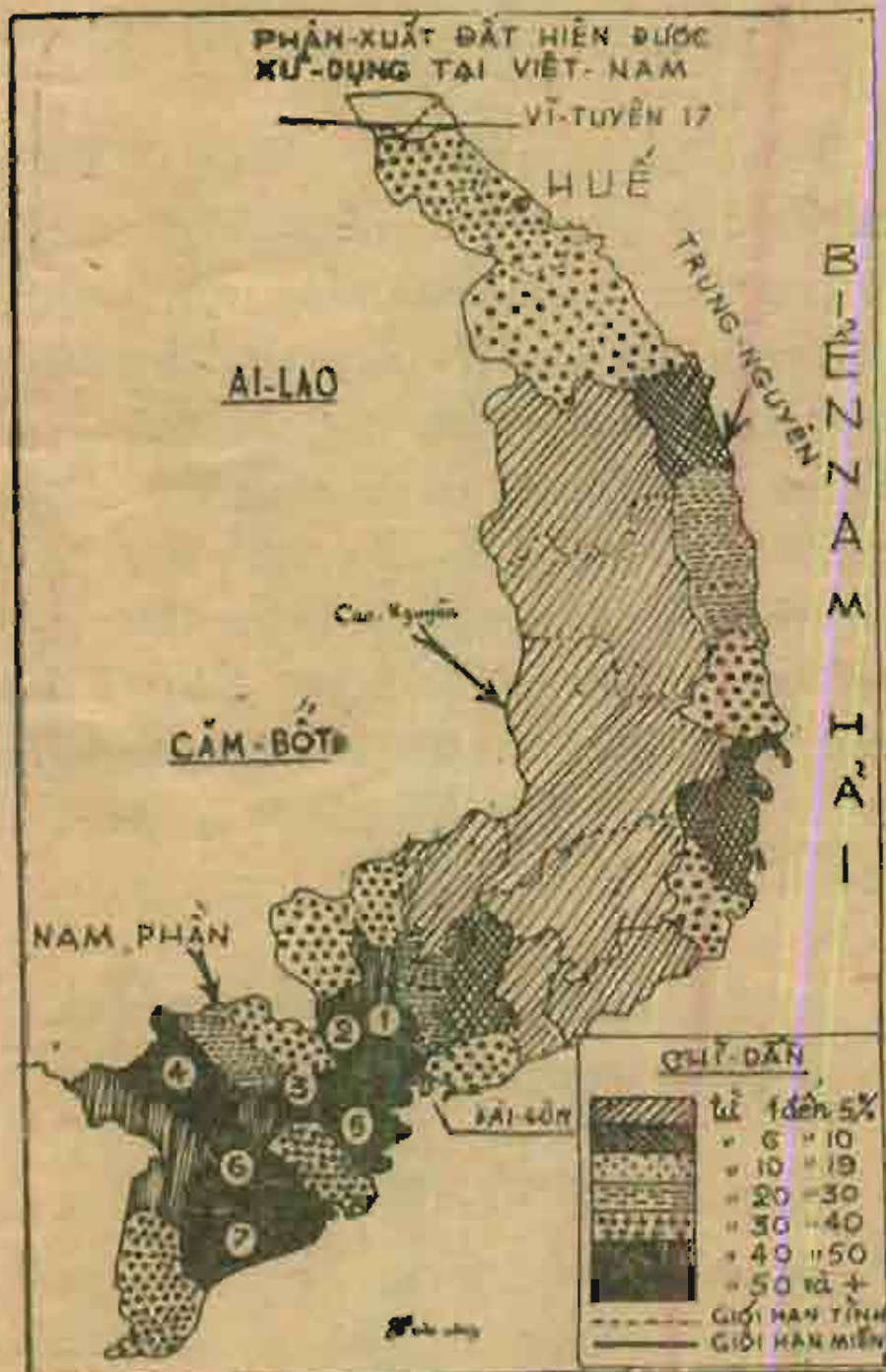
Trong số trước (B.K. số 68) chúng ta đã nghiên-cứu về phân-xuất đất được sử-dụng chung cho từng miền, sau đây ta tìm hiểu về đất đai sử-dụng theo từng tỉnh trong toàn thể lãnh-thổ.

Trong các loại cây canh-tác, có loại với diện-tích hẹp nhưng đất cung cấp năng-xuất kinh-tế cao, có loại với diện-tích rộng mà chỉ cho sản-ngạch thấp. Ta có thể nhận thấy trong bản đối chiếu diện-tích canh-tác và năng-xuất tính theo số lượng (quantité) và phẩm chất (qualité) sản-ngạch đối với giá thị trường thương-mại và tiêu thụ như sau :

BẢN ĐỐI CHIẾU DIỆN-TÍCH CANH-TÁC VỚI GIÁ-TRỊ NĂNG XUẤT

Diện-tích canh-tác bằng %		Trị giá năng xuất bằng %
92 %	Lúa	75,81
2,24	Cao-su	10,11
2,00	Khoai Sắn	3,7
0,65	Mía	2,39
0,27	Trà	1,83
0,27	Thuốc lá	0,77
0,12	Cà-phê	1,80
2,45	Linh tinh	3,55

Xem trong đồ-biểu trên giúp ta nhận thấy rằng : Đất trồng lúa chiếm diện-tích nhiều mà sản-ngạch kém, như % đất trồng lúa 92% chỉ cho sản-ngạch + 75% trong



1 = 74%, 2 = 68%, 3 = 85%,
 4 = 77%, 5 = 86%, 6 = 76%,
 = 61%.

VẤN ĐỀ SỬ-DỤNG ĐẤT ĐAI TẠI VIỆT-NAM

khi % đất trồng Cao-su chỉ có + 2% mà cho năng-xuất tới + 10% hay Mía 0,65% mà cho năng-xuất + 2%.

Tuy-nhiên không phải căn cứ vào đó mà có thể thay đổi giống trồng trọt. Vì các loại cây được trồng cần-thiết phải thích hợp với từng miền đất, khí hậu, thời tiết và độ-cao. Như các miền đất trồng cao-su, cần phải ở những miền đất đỏ, đất xốp ngoại trừ những miền nhiều đất sét. Ngoài ra cũng cần phải ở những miền để giữ nước cho đất, để cho rễ cây Cao-su có thể hút được mầu đất nuôi thân cây. Đất còn cần phải có chất đạm (azote) a-xít lân-tinh (Acide phosphorique) và bột tạp (Potasse) nếu phải là những khu rừng hoang như một vài địa điểm ở Cao-nguyên Ban-mê-thuột, Pleiku, thì đất càng tốt.

Ngoài cơ-cấu đất-dai, nước cũng rất quan-trọng, không những cần có nước, mà còn cần phải ở gần những sông hoặc suối có nước ngọt ra vào trong đồn điền, vì cây Cao-su cũng cần sinh sống bằng chất nước (H₂O).

Về thời tiết, miền đất trồng Cao-su cần ở vào vùng xích đạo, miền nhiệt đới với nhiệt-độ trung bình 25° thì tốt. Những miền có mưa nhiều như Cao-nguyên Ban-mê-thuột cũng rất thích hợp cho sự trồng tía Cao-su, nhưng những miền nhiều gió lại có hại. Về độ cao, cây Cao-su cần trồng ở những miền đất có độ cao trung bình như sau :

- Vùng gần mặt trời 600m
- Xa mặt trời 400m

Các miền đất trồng trà trồng cà-phê v.v... cũng cần những điều-kiện thời tiết, khí hậu, độ cao như Cao-su. Chẳng hạn như

trà càng được trồng ở những miền có độ cao thì phẩm chất trà càng tốt. Ở những vùng xứ lạnh cũng rất thích hợp cho sự trồng tía cây trà. Hiện nay Việt-nam ta có 4 đồn điền trà đáng kể trong đó một đồn điền cao nhất là đồn điền Entre - Rays Dalat, với độ cao 1.600m có thể so sánh với độ cao của đồn điền ở Java (Ceylan). Những miền trồng trà có độ cao thường trồng loại giống Assam và độ trung bình thì trồng Shan.

Việt-nam có các miền đất tốt, thích-hợp với sự trồng trà như sau :

- Tuyên-đức (Dran) độ cao 1.600m
- Lâm-đồng (Djing et Blao) 800m
- Pleiku (Catecka) 900m

Trong phạm-vi bài này chúng tôi không thể đi quá nhiều chi tiết, sau đây chúng tôi xin đưa ra các loại trồng trọt chính có liên quan đến sự thích hợp với từng miền đất. Tuy nhiên chúng tôi chỉ chú ý tới những miền đất tốt thuộc từng tỉnh. Như canh-tác lúa thì diện-tích canh-tác chỉ kể tỉnh nào đất cho năng-xuất trung bình + 80 gia hay 1T600 một mẫu tây. Còn các loại trồng trọt khác cũng chỉ kể những miền đất thích hợp với loại trồng trọt ấy, hoặc có thể đặt giá trị sau này.

A) Các miền đất thích-hợp với ngành trồng lúa tại Việt-Nam

I) — Trung-nguyên Trung-phần

Các miền đất trồng lúa thuộc miền Trung nói chung là xấu, vì năng xuất trung-bình một năm hai hoặc ba mùa, mới thu được cao nhất 80 gia và trung-bình chỉ được giữa 40 và 50 gia hay là 0T800

LÊ-LINH

hoặc IT000, tuy-nhiên các cánh đồng bằng sau đây của miền Trung tương đối phì nhiêu hơn.

- Quảng-nam
- Bình-định
- Phú-yên

II) — Cao-nguyên,

Miền đất Cao-nguyên tốt, nhưng chỉ thích-hợp với các loại trồng cây kỹ-nghệ,

ngành trồng lúa rất khó khăn, vì thiếu nước, không có phương thể dẫn thủy nhập điền v. v... Tuy-nhiên, vấn-đề khai thác theo đất Cao-nguyên để trồng lúa, đất cũng có thể cho năng-xuất cao. Hiện nay đồng bào thiếu-số chỉ làm rẫy theo phương-pháp lạc hậu; nhưng một mẫu rẫy trồng lúa, năng-xuất trung-bình cũng cho 50 gùi (1) IT250,

a) Miền Tây-Nam :

- Long-an
- Định-tường
- Kiến-hòa
- Vĩnh-bình
- Vĩnh-long

b) Miền Hậu-giang :

- Phong-định
- An-giang
- Kiến-giang
- Kiến-phong
- Ba-xuyên
- An-xuyên

B) Các miền đất thích-hợp với ngành trồng Cao-su (những miền có đất đỏ và đất xốp)

- Phước-long
- Bình-long
- Bình-dương
- Tây-ninh

- Long-khánh
- Phước-tuy
- Ban-mê-thuột

C) Các miền đất thích-hợp với các loại cây thương-mại và kỹ-nghệ

Khu vực	Trà	Càfé	Thuốc lá	Dừa	Bông gòn	Rau	Hoa màu phụ (Bắp, Khoai sắn v.v...)	Trái cây
Những miền đất thuộc các tỉnh.	Pleiku	Kontum	Quảng-nam	Quảng-ngãi	Phan-thiết	Dalat	Quảng-ngãi	Biên-hòa
	Dalat	Pleiku	Phú-yên	Bình-định	Phan-rí	Djiring	Bình-định	Bh.-dương
	Djiring	Banmeth.	Bình-định	Phú-yên		Dran	Phú-yên	Định-tường
	Blao	Bình-long	Bh.-dương	Khánh-hòa		Gia-định	Biên-hòa	Vĩnh-long
		Long-khánh	Vĩnh-bình	Vĩnh-long		Định-tường	Gia-định	Phong-định
			Gia-định	Vĩnh-bình				An-giang
		Kiến-hòa					Kiến-hòa	
			Rạch-giá					

(1) Bâi Hottes des Montagnards là Đơn-vị đo số lượng lúa của đồng bào Thượng. Một gùi bằng 25 kilos.

Đối với những miền đất trên đây trong năm 1957, Diện-tích canh-tác của mỗi loại cây thương-mại và kỹ-nghệ đã được sử-dụng theo bản thống-kê dưới đây :

Đất canh-tác theo các tỉnh năm 1957

Tỉnh	Diện-tích lúa (Ha.)	Cao-Su (Ha.)	Mía (Ha.)	Dừa (Ha.)	Thuốc-lá (Ha.)	Cà-phê (Ha.)	Trà (Ha.)
VIỆT-NAM	2.719.020	62.900	30.947	31.540	9.398	4.700	9.393
Trung-phần	489.151		15.151	2.970	4.241	1.300	953
Cao-nguyên	105.000	1.100	—		480	3.480	7.650
Nam-phần	2.124.869	61.800	15.796	28.570	4.668	920	790
NAM-PHẦN							
An-Giang	237.443		1.200		1.030		
An-Xuyên	105.565		404	462			
Ba-Xuyên	300.122			200			
Biên-Hòa	33.650		1.650		633	150	650
Bình-Dương	30.360		1.976		1.570		120
Bình-Long	1.250						
Bình-Tuy	3.004						
Định-Tường	146.848		764	3.040	235		
Gia-Định	37.709		2.586		200		20
Kiến-Giang	111.365		819	1.649			
Kiến-Hòa	266.544		825	21.000			
Kiến-Phong	121.148			553	600		
Kiến-Tường	13.929						
Lông-An	143.241		2.040				
Long-Khánh	1.200					620	
Phong-Dinh	190.296		470	600			
Phước-Long	2.600						
Phước-Tuy	13.098						
Tây-Ninh	61.697						
Vĩnh-Bình	210.000						
Vĩnh-Long	143.800			1.067			
TRUNG-PHẦN							
Bình-Định	131.200		1.000	2.260	344		33
Bình-Thượn	17.500						
Khánh-Hòa	15.000			460	300		
Phan-Rang (N. T.)	15.539				1.250		
Phủ-Yên	54.000		1.000	250	450		
Quảng-Nam	124.635		2.900		1.000	300	400
Quảng-Ngãi	59.000		10.651		650		
Quảng-Trị	32.950						
Thừa-Thiên	39.327				247		120
CAO-NGUYỄN							
Darlac	30.000				130	3.000	2.500
Lâm-Đồng	14.000					360	3.150
Kon-tum	25.000				100		
Pleiku	36.000				250	120	2.000
Tuyên-Đức							

VẤN ĐỀ SỬ-DỤNG ĐẤT ĐAI TẠI VIỆT-NAM

Ta có thể căn-cứ vào Mật-độ dân-chúng của từng miền, để hiểu rõ cơ-cấu đất-đai của ta hiện-tại. Như ở Pháp, mật độ dân-chúng trung-bình chỉ có 78 người trong một cây số vuông và ở thôn quê không quá 25 người cây số vuông. Ở nước ta, ngoài miền Cao-nguyên, tỉnh nào ít người nhất cũng tới 170ng/CSV. đất trồng lúa Mật-độ trung-bình 600ng/CSV và các tỉnh đông nhất mật-độ dân-chúng lên tới 1.500 ng/CSV nhất là ở về Trung-Việt.

Muốn cho ngành Nông-nghiệp phát-triển đồng đều phù hợp với nhu-cầu dân chúng,

khi nào mật-độ trung-bình của dân chúng sống với nghề nông ở vào 250ng/CSV canh-tác, mới tạm đủ đối với những nhu-cầu tối thiểu của họ và như vậy đời sống căn-lao sẽ được nâng cao, suag-túc hơn.

Một khi đất đai của ta được sử-dụng hợp-lý không những năng xuất kinh-tế sẽ cung-cấp đủ đối với nhu-cầu dân chúng mà tài sản quốc-gia càng ngày càng phồn-thịnh.

LÊ-LINH

Danh ngôn, danh lý

CƯƠNG QUYẾT

★ Cương-quyết là một phương-thuật chỉ-huy rất hay, nhưng phải kiên quyết một cách kiên trì; cương-quyết từng hồi một, thường không đem lại kết-quả gì.

Ta có quyền đòi hỏi, song nên tránh những cơn nóng giận đột ngột và cố giữ cho tâm thần được bình tĩnh.

★ Tâm phải cho vững vàng để chống lại với biến cố trong thiên-hạ.
(Lã-Khôn)

★ Người có tính khí bất thường, suốt đời không làm nên được việc gì. (Tăng-Quốc-Phiên)

★ Người chỉ-huy phải làm sao được tiếng là người biết rõ điều mình muốn, và khi đã muốn thì muốn đến cùng. Song người ấy vẫn biết để tai nghe ý-kiến phải lẽ của người dưới và biết sửa chữa lại những sai lầm trong quyết-nghị hay trong chỉ-thị của mình.

★ Nghe cho nhiều, rồi lựa điều phải mà cố làm cho kỳ được (Luận ngữ)

★ Làm nhà bên đường, gặp ai cũng bàn thì ba năm không xong (Tào-bao truyện).

Cách sử-dụng đất-đai hiện-tại theo từng miền

1) Miền Nam chỉ trồng nguyên một thứ (monoculture) như các cánh-đồng trồng lúa, chỉ trồng mỗi năm một mùa, và chỉ trồng lúa, không thay đổi loại cây nào khác. Trong khoảng đất đai trồng trái cây hoặc các cây kỹ-nghệ khác cũng vậy, ít khi được săn-sóc và bảo-vệ, ngoại-trừ miền Bình-dương.

2) Miền trung lại sử-dụng đất quá nhiều, đất không khi nào được nghỉ; hết vụ mùa này tới vụ mùa khác, nhiều nơi trồng lúa làm tới ba mùa như Thừa-thiên, Quảng-nam Phú-yên, Bình-định. Nhiều miền lại trồng chung một lúc nhiều loại cây trên một thửa đất (culture associée) và đất được bảo-vệ hơn.

3) Cao-nguyên coi như còn hoang-vu quá nhiều, đất-đai cần được khai-thác sử-dụng.

Các miền đất có thể đặt giá-trị trong tương-lai

Với 19% đất canh-tác trong tổng số diện-tích của nước ta, thiết tưởng đất đai ta còn bỏ hoang rất nhiều. Điều đó không có gì đáng bi-quan, bởi lẽ trong thời-kỳ bảo-hộ, thực-dân không giúp ta khai-thác, tiếp theo là gặp giặc giã nên đất đai ta mặc dầu phì-nhiều phong-phú, nhưng cũng mới sử-dụng được phần nào, ấy là chưa nói đến chính-sách cải-cách điền-dịa và kế-hoạch thiết-lập các địa-điểm dinh-diện từ mấy năm nay để phát-triển sự sử-dụng đất-đai. Một mặt khác, vì khi nhìn trên bản đồ nước Việt, ta thấy ngoài miền Nam, kể từ Đèo Blao

ngang vĩ-tuyến 11°5' trở ra phía Bắc, toàn là núi ở giáp phía đông (Biển Nam-Hải) và Cao-nguyên ở về phía Tây, là những khu rừng dày đặc, không ai cư-trú. Tuy-nhiên trong các miền đất có thể đặt giá-trị, thì Cao-nguyên là miền quan-trọng nhất. Đất Cao-nguyên vừa là miền đất xốp, đất đỏ nếu ta có đủ phương-tiện biến các khu rừng thành những khu đất trồng trọt. Như ở Pleiku, có rất nhiều khu đồi thấp, ít cây cối hoặc có những miền đất khá bằng phẳng có thể khai-thác được, cũng như nhiều địa-điểm khác ở Banmethuot hoặc Kontum. Đối với miền Trung, vì quá thiếu đất-đai canh-tác, nên dân-chúng đã trồng lúa phải làm tới ba mùa, mặc dầu làm lụng vất vả hơn miền Nam nhưng năng-xuất vẫn thấp kém. Việc di-chuyển một số dân-chúng miền Trung nguyên Trung-phần chẳng hạn như miền Bình-định, Quảng-nam, Quảng-ngãi, Thừa-thiên, Quảng-trị v.v... đến Cao-nguyên và được áp-dụng những phương-pháp tân-tiến khai-thác cho ngành trồng cây kỹ-nghệ như Cao-su, Trà, Cà-phê là một vấn-đề rất cần-thiết. Đồng-thời tại các khu-vực đồng Thấp, khu-vực Cà-mau, Rạch-giá, và một vài khu-vực khác như Kiến-giang, An-giang, cũng có thể đặt giá-trị cho sự khai-thác đất-đai ở những miền còn bỏ hoang được. Những miền này nếu được khai-thác cũng sẽ nuôi sống được một số đông dân-chúng sống về nghề nông. Tin-tưởng rằng trong tổng-số diện-tích Việt-Nam tự-do, kể từ phía Nam vĩ-tuyến 17; nếu được khai-thác sẽ có thể tăng thêm từ 8 đến 10% trong tổng số diện-tích kể trên.

TINH-THẦN TÔN-GIÁO

T A I

LIÊN-BANG XÔ-VIỆT

★ — HOÀNG-MINH-TUYNH



TẠP-chí *Osteuropa*, do Hội nghiên-cứu các vấn-đề Đông Âu của người Đức (*Deutsche Gesellschaft fuer Osteuropakunde*), xuất-

bản tại Stuttgart, có cho đăng trong số 5/6 năm 1959 một bài của ông Alexander Steininger bàn về « lòng tin-ngưỡng của người dân tại Liên-bang Xô-viết. » Tác-giả căn-cứ vào những nhận xét của ông trong báo chí, nhất là trong một tân truyện vừa mới xuất-bản, nhan đề là : « Bức ảnh làm phép lạ ». Chúng tôi xin tóm lược dưới đây hiến quý vị độc-giả một tài-liệu khảo-cứu công-phu và khá đầy đủ về hiện-trạng tin-ngưỡng của người Xô-viết, coi xem chế-độ đã đạt tới chỗ tận diệt tinh-thần tôn-giáo của người dân Nga chưa, và dưới sự khủng-bố, tinh-thần ấy đã biểu thái và nảy nở mãnh liệt thế nào.



Báo chí Xô-viết trong đại thể, và nhất là các bài phê-blah Xô-viết, chính là một lợi khí quan trọng trong bộ máy tuyên-

truyền và giáo-dục của nhà nước, nhưng đồng-thời nó cũng được dùng vào việc chỉ vạch những nhược điểm của chế-độ. Nhiệm-vụ thứ hai này là nhiệm-vụ thiết-yếu, không thể thiếu được, vì thiếu nó, kết-quả của nhiệm-vụ thứ nhất sẽ trở nên vô hiệu.

Từ hai năm nay, trong số các đề-tài thường được đưa ra thảo-luận trên báo chí Xô-viết, có đề-tài rất phức-tạp là đề-tài « tôn-giáo ». Cách-thức người ta nêu ra các câu hỏi và trình bày các sự trạng, có thể cho ta có một ý-niệm khá chắc-chắn về tình-hình thật hiện đang diễn biến tại các nước trong Liên-bang Xô-viết. Và ta có thể coi các sự kiện ấy là những sự kiện chính xác, vì người Xô-viết không có lý gì « bịa » ra những sự kiện « tiêu cực » như thế ; trái lại thiết-tưởng họ lại cần làm dịu và giảm bớt tầm quan trọng đi mới phải.

Nguyên việc họ phải lưu tâm quá nhiều đến vấn-đề tôn-giáo hay vấn-đề tin-ngưỡng, đủ tỏ ra hiện trong nhân-dân Xô-viết đang có một phong trào trở về tôn-giáo rất mãnh liệt. Tuy nhiên, Cộng-sản với tôn-giáo vốn là hai kẻ thù « không đội trời chung », dù là đoàn-thề tôn-giáo

nào, Ki-tô-giáo, Hồi-hồi-giáo hay Phật-giáo nữa. Trong mọi nước Cộng-sản đã nắm giữ được chính-quyền, tôn-giáo hay giáo-hội nào cũng đều bị coi là trung-tâm chủ-não của một đoàn-thể tín-đồ lớn nhỏ tùy đó, một đoàn-thể ngoại cục, chỉ được dung tha cho tới khi chế-độ đã trở nên khá mạnh có thể loại trừ được, ít là loại trừ trong những nghi thức biểu diễn bề ngoài. Vì vậy cho nên mỗi bước tiến của các lực-lượng tôn-giáo trong nhân-dân có ý nghĩa là một bước thoái trong tiềm lực của chế-độ Cộng-sản.

Thường thường, người ta vẫn nhận xét thấy người dân khi vô-thức theo một lễ-nghi tôn-giáo là bắt đầu ý-thức một hành-vi tín-ngưỡng. Trong Tạp-chí Molodoi Kommounist (Thanh-niên Cộng-sản) — số 1/1957, J. Ouskov thuật lại nơi phần đầu bài báo một chuyện rất có ý nghĩa. Ông thuật lại đã gặp trước ngày Lễ Phục-sinh, trong một vùng thuộc Mạc-tư-khoa, một lũ trẻ mang bánh đã được làm phép (Koulitch) từ nhà thờ về.

Lũ trẻ gồm toàn những « thiếu-nhi cốt cán » nói với ông rằng, chúng lấy bánh như vậy không có gì là lạ, vì đứa trẻ nào cũng đều lấy bánh như chúng cả. Đối với Ouskov, thái-độ đó không thể coi là một thái-độ trẻ con, « vô hại » vì một « sở thích » như thế có hại cho giáo-dục và mâu-thuẫn rõ rệt với các điều giảng dạy ở học-đường.

Ouskov cũng thuật lại nhiều học-sinh không chịu tham-gia các tờ-chức « thiếu-nhi cốt cán », vì bị cha mẹ ngăn cấm. Ông nêu thí dụ đặc biệt ở miền tây vùng Biélorussie. Nhiều cha mẹ đặt điều kiện tuyệt đối : cưới gả con cái phải làm theo lễ nghi tôn-giáo tại các nhà thờ, cho đến nỗi (theo lời Ouskov) « nhiều đôi thanh-niên

bị các hình-thức lễ nghi quyến rũ, rút cuộc, đã tự ý xin chịu phép bí tích hôn phối một cách thành thật, nhiệt tình ». Theo ông, tại nhà thờ và nhà nguyện, mọi sự đều như đời mới, khác xưa, kêu gọi tính tò mò của con người, cho nên không lạ gì, nếu thấy « thanh-niên ngày nay vẫn còn muốn đi nhà thờ ». Cũng vẫn theo ông, trong nhiều làng, nhiều đô-thị, thanh-niên không biết làm sao để khỏi buồn chán: « Câu lạc-bộ thì hoặc đóng cửa, hoặc hoàn-toàn ngưng hoạt-động, không-khí tẻ ngắt, không có gì thích thú để làm... Mỗi khi nghe tiếng chuông nhà thờ vang lên là các thiếu-nữ theo các bà già mộ đạo, tuôn đến nhà thờ và các thanh-niên cũng lần lượt theo sau... Người ta cũng thấy, buổi chiều, trong các gia đình, nhiều tay tuyên-truyền của các giáo phái tới diễn-thuyết, giảng đạo, tổ-chức những buổi tranh-luận về các vấn-đề tôn-giáo và cùng nhau hát những bài hát tôn-giáo... » (tr. 77).

Khó mà xác định được tiến-bộ tín-ngưỡng của người dân Nga hiện nay rộng lớn thế nào, vì thiếu yếu-tố cần-thiết để xác-định một cách đúng đắn. Tuy-nhiên ta có thể căn-cứ vào một số sự kiện ai cũng biết, và có thể do đây, quyết đoán chắc chắn rằng : sự tiến-bộ về tín-ngưỡng của người Nga hiện nay rất rõ rệt và tương-đối quan-trọng, nhất là sự tiến-bộ ấy lại thấy thâm-nhiễm vào trong cả đầu óc của những kẻ giữ những địa vị khá cao trên bực thang xã-hội Xô-viết. Như tác-giả một bài báo đăng trong tạp chí Molodoi Kommounist (số 5 tháng Năm 1957) viết :

« Cuối năm ngoái, một giáo-sĩ lưu-động đã rửa tội cho một số thanh niên và thiếu nhi quan-trọng tại khu Ljagkomino, trong số có cả bí-thư và phó bí-thư Komsomol (tr. 37).

Hiện nay gần như ngày nào cũng thấy báo chí Xô-viết đăng thuật những chuyện, những tin về lễ rửa tội, lễ hôn-phối theo tôn-giáo, về lễ bái và lễ nghi của tôn-giáo, v.v... những bài tường thuật thường bao giờ cũng tiếp theo sau một đoạn chỉ trích kịch-liệt các sự kiện trên, trách vấn nặng lời các cơ-sở đảng địa-phương, và cổ võ tăng-cường, cải thiện guồng máy tuyên-truyền chống tôn-giáo. Trong một bài báo nhan đề : « Luận về tuyên - truyền vô-thần - khoa - học » đăng trong tạp chí Partinaia Jizo, số 12, tháng sáu 1957, ký-giả S. Khoudiakov lên tiếng than trách tuyên truyền chống tôn-giáo hiện nay quá lợi lả, khi trong nhiều tầng lớp dân-chúng, thành-kiến về tôn-giáo vẫn còn tồn-tại và ăn sâu vào nhiều đầu óc « hủ bại ».

Càng ngày càng thấy nảy ra nhiều nhận xét về tinh-thần tôn-giáo của thanh niên, như nhận xét sau đây : « Trong số những ẽ lui tới nhà thờ và tham dự các lễ nghi tôn-giáo, có một phần thanh niên và thiếu nữ... » (bài trên, tr. 29).

Ký-giả V. Rouskoulis nói tiếp trong tạp chí Molodoi Kommounist (số 5, tháng Năm 1958) : « Công cuộc giáo hóa thanh niên trong nước Cộng-hòa (Le tonie) của chúng tôi vấp phải sức kháng cự quyết-liệt của đám giáo-sĩ... Các tổ-chức căn-bản của Đảng lo lắng tự hỏi mỗi thanh niên và mỗi thiếu-nữ liệu có tìm thấy được con đường đi tới Komsomol không, hay sẽ rơi vào ảnh-hưởng của Giáo-hội... » (tr. 57.)

Càng ngày càng thấy có những lời phàn nàn về lễ nghi do các đoàn thể Cộng-sản tổ-chức tế lạt và chán ngắt, nên không lôi cuốn được thanh-niên, và có những đề nghị cải tổ cấp thời nội dung của những

tập tục cũ. Ký-giả Rouskoulis viết : « Chẳng ai còn lạ gì điều này, là một cặp nam nữ sở dĩ lui tới nhà thờ không phải là bởi tại họ tin có Thiên-Chúa, mà chỉ bởi tại họ nghĩ có quyền được dự một lễ nghi vừa rục rờ vừa trang-nghiêm. Nếu các Komsomols tổ-chức được một lễ cưới vui vẻ, thì cặp thanh-niên chắc hẳn không cần phải đến nhà thờ ».

Ký-giả Ouskov (Molodoi Kommounist, số 1, tháng Một 1957) cũng có ý-kiến tương tự ; ông cho rằng lễ cưới theo tôn-giáo xưa có nhiều vẻ uy nghi, dễ quyến rũ hơn. Ông viết : « Cặp vợ chồng trẻ chắc chắc không còn tinh-thần tôn-giáo nữa, nhưng vẫn thích đến nhà thờ để làm phép cưới... » Trái lại, tại phòng hộ tịch, hết mọi sự đều có vẻ « thâm sì, buồn tẻ, công-thức ».

« Hôn phối theo lễ nghi tôn-giáo » nhiều khi trở thành một « vấn-đề » được nêu lên trang đầu trong các báo chí. Dưới nhan đề : « Chuông nhà thờ », tờ Komsomolskaia Pravda ngày 30 tháng Năm 1958 đăng bài phóng-sự về lễ cưới theo tôn-giáo của một cô gái tên là Lida Vichrona, mới 17 tuổi, có chân trong ủy-ban quận bộ Komsomol, trước khi lấy chồng, đã từng đứng đầu cuộc thi đua cải thiện sản-xuất sữa tươi. Bò giao cho cô chăn dắt thường vắt được một số sữa kỷ lục... Thành tích của cô lừng lẫy khắp quận và cô được rất nhiều huân chương, bội tinh, tưởng lệ. Thế mà rồi bỗng nhiên cô đi làm phép cưới ở nhà thờ, với một áo trắng toát, có « khăn voan » dài thườn thượt, cầm thêm ở tay một ảnh tượng (theo lễ nghi của Giáo-hội chính-thống Nga).

Trong hết mọi trường hợp, các chỉ-trích Xô-viết đều qui nguyên-nhân phục-hưng

của các tập-tục tôn-giáo này đều do ở chỗ tôn-giáo biết cách tổ-chức và bài trí những lễ nghi khiến cho lễ nghi đượm một màu vẻ thần bí, u huyền để làm cho thanh-niên ưa thích, say-mê. Tuy-nhiên, phàm người có tôn-giáo, đều hiểu rằng, yếu-tố hình-thức bề ngoài đó dù hấp-dẫn đến đâu, cũng không phải là yếu-tố duy-nhất. Nguyên một sự kiện các lễ nghi và tập tục tôn-giáo trong suốt bốn mươi năm dòng bị bài trừ một cách kịch-liệt như tại Liên-xô, mà vẫn còn có thể tái sinh và nảy nở được như thế, tưởng cũng là điều đáng cho chúng ta lưu-ý. Và ngoại trừ một vài trường-hợp đặc-biệt không kể, chúng ta có thể tin một cách gần như chắc-chắn rằng nguyên nhân cơ-bản sâu xa của sự phục-hưng tinh-thần mộ đạo ấy là : thật tế thường ngày của cuộc sinh-hoạt Xô-viết, với ý-thức-hệ duy vật, đã làm cho tâm-hồn của con người trở nên khô-khan và đã đi ngược lại với nguyện-vọng căn đở của con người muốn vươn lên tìm đời những chân-lý siêu-nhiên ở ngoài thật tại.



Giáo-hội chính-thống trở nên mềm dẻo hơn

Từ ít lâu nay, người ta thường thấy báo chí Xô-viết khoác một bộ áo mới, mỗi khi tuyên-truyền chủ-nghĩa vô-thần để chống đối lại Giáo-hội chính-thống Nga... Từ Outchitelskaia Gazeta ngày 24 tháng Sáu 1958, viết : « Những kết-quả khoa-học chúng ta thu lượm được đã khiến cho bọn giáo-sĩ ngày nay đòi chiến lược và tuyên-bố họ vừa là bạn của khoa-học vừa là bạn của tôn-giáo. Và họ cố gắng đem khoa-học phụng-sự thần-học. Thật ra thì khoa-học và thần học đối lập nhau, và

không thể dung hòa. » Các cuộc tấn-công chống Giáo-hội ngày càng mãnh liệt, và nhiều khi trong cuộc đấu tranh, người ta không từ dùng tới cả những « dẫn chứng » đã quá xưa, cho rằng tôn-giáo chỉ căn-cứ vào một vài cở-tích huyền hoặc có tự ngàn xưa và vào một mớ dị-đoạn không một óc khoa-học nào ngày nay còn có thể thừa nhận được. Tôn-giáo chỉ làm cho lương-tâm con người trở nên tối tăm, biến họ thành thụ-động trước các mãnh-lực thiên-nhiên và làm tê-liệt mọi sáng kiến. Luận-diệu trên là luận-diệu bài tôn-giáo đặc-biệt của đài phát thanh của quân-đội « Radio-Volga »

Gần đây, những chuyện va chạm trên mặt trận tôn-giáo lại gia-tăng thêm nữa. Từ Literatournaia Gazeta, ngày 10 tháng Một 1959, mặt sát kịch liệt những việc tai hại, làm mất thì giờ, trong những lễ nghi tôn-giáo. Nhiều khi cấp chỉ-huy của những nông-trường hợp-tác-xã, và có khi cả của những nông trường tập-thể địa-phương, còn đi tới chỗ biến những ngày lễ-bái thành những ngày nghỉ chính thức. Thậm chí người ta còn tổ-chức những cuộc « rước kiệu » từ làng này qua làng khác (tỉnh Belgorod), cuộc rước kiệu có lẽ tổ-chức sau dịp người ta bảo là đã tìm thấy một bức ảnh làm phép lạ.

Mỗi làng thay phiên nhau châu kính bức ảnh. Từ Komsomolskaia Pravda ngày 8 tháng Một 1959 cũng có một bài của phóng-viên báo ấy từ Pskov gửi về, phàn nàn về tình trạng bỏ phở công việc tại địa-phương rất quan-trọng và sự đình trệ công-tác do các lễ bái tôn-giáo gây ra. Tại một quận trong tỉnh ấy, tính ra có 260 ngày lễ kính các thánh « bầu chủ » và — theo báo ấy —

nông-dân đi từ làng này sang làng khác để dự lễ. Từ ít lâu nay, người ta còn thấy cả các Komsomols cũng dự lễ nữa.

Tờ Komsomolkaia Pravda ngày 3 tháng Một 1959 nhận xét thấy có sự buôn bán ảnh tượng, có lẽ là mới chế tạo gần đây. Sự buôn bán này do các tư-nhân và những người mà báo ấy gọi là bọn « đầu cơ chợ giời hay chợ lạc sơn ». Mọi người cũng có thể mua được ở chợ đủ hạng ảnh tượng, thánh giá, bình hương, sách đạo, v.v... Hiện tượng này thấy xuất phát ở trong những đô-thị xa cách nhau như Stalino, Ivanovo, Barnaoul, Voronej, Dniepropetrovsk, « và trong nhiều thành phố khác nữa ».

Gần đây, người ta còn bảo « trường hợp mộ đạo » trên xảy ra tại thôn quê, song đến bây giờ người ta công nhận có xảy ra tại thành thị nữa. Tờ Komsomolskaia Pravda ngày 26 tháng Mười hai 1958 có đăng bức thư của một độc-giả ở Jitomir. Một công nhân thuật lại các bạn đồng-nghiệp trẻ làm việc cùng sở với anh ta tận tình khuyên anh ta nên đem đứa con mới sinh đi rửa tội vì « một người Nga xứng đáng nhất định phải chịu phép rửa tội ». Anh công-nhân ấy cho rằng tuyên truyền chống tôn-giáo hiện nay rất kém sút và nhận thấy trong các buổi diễn-thuyết về chủ-nghĩa vô thần chỉ có những người vô tín-ngưỡng tới dự. Theo anh ta thì không thể nào rửa được một người có tín-ngưỡng tới dự. Nhiều thợ và tư-chức có khi từ chối không nhận cả giấy mời.

Tờ Outchitelskaia Gazeta ngày 8 tháng Một năm 1959 thuật lại một chuyện rất thương tâm. Một bà mẹ rất mộ đạo, bắt cô con gái vô thần tên gọi Nikitina phải

đọc kinh, khiến cô này tức giận tự tử. Em cô, trái lại, mẫn trường cuối niên-học, mộ đạo đến mức suốt ngày chỉ đọc kinh, và cô em gái khác, sau khi thôi học, bị khai trừ khỏi đảng. Lý do là cô nhất định tin có Thiên-Chúa.

Người thuật lại câu chuyện trên trong tờ báo, kết-luận bằng một câu, cho ta thấy trường hợp của cô không phải là trường hợp hiếm có : « Tai hại một điều là trường hợp Nikitina thấy diễn ra luôn ».

Xin đơn cử một vài trường hợp khác chúng tôi ước vọng của nhân-dân muốn đạt tới một sinh-hoạt siêu-nhiên rất tha-thiết và thâm sâu ; họ khao khát bầu vùi lấy bất cứ cái gì có thể thỏa mãn được nhu cầu của họ. Báo-chí Xô-viết vẫn thường cho đăng những thiên điều tra, phóng-sự, thuật lại những vụ tựa như những vụ « thánh nhân xuất hiện » và cố nhiên là những vụ ấy được trình-bày, phô-diễn dưới hình-thức những vụ lừa gạt, bịp bợm. Có thể trong số những « thánh nhân xuất hiện », có một vài kẻ lưu manh lộn sòng, đội lốt, song những « thánh nhân xuất hiện » ấy chắc chắn đã gây được những ảnh hưởng rộng lớn trong nhân-dân và sở dĩ có ảnh hưởng ấy, phải chăng là lòng mộ đạo của nhân-dân vốn đã sẵn có trong thâm tâm họ, và hiện tượng ấy cũng chứng minh được phần nào nguyện vọng rất sâu đậm và mãnh liệt của các tầng lớp nhân-dân muốn đạt tới tín-ngưỡng tôn-giáo, họ tín-ngưỡng bất luận tôn-giáo nào, miễn là có một hình-thức tôn-giáo.

Tờ Komsomolskaia Pravda ngày 23 tháng Mười hai năm 1958 thuật lại một trường hợp hay hay, đáng chú ý, dưới nhan đề : « Chúa Ki-tô chính thức xuất

hiện ». Một người tên là Nikolaï Alexeievitch Jibanov tự nhận là Chúa Ki-tô giảng thể, (tại nước Nga xưa cũng đã từng xảy ra những vụ như vậy) xuất hiện trên một bờ suối trong vùng Mạc-tư-khoa và đặt đại bản doanh tại Lenigrad. Những giảng-thuyết của y được một số đông quần-chúng quần tập lại nghe một cách mê say.

Và tác-giả kết-luận :

« Chúng tôi không thuật lại vụ này nếu thanh-niên học sinh các trường trung-học, và có khi cả các trường đại-học, không tham dự vào những buổi trình-diễn bịp bợm của Jibanov. »

Sau nữa, xin kể đến một số giáo phái và đoàn thể tôn-giáo lớn nhỏ đủ cỡ, cũng được dân chúng tin theo phần nào. Nguyên Giáo-hội chính-thống Nga từ bấy lâu nay, trong bôn đạo, ít người được « ơn kêu gọi » nên số giáo-sĩ rất hiếm hoi, số nhà thờ, nhà nguyện do đấy cũng không thể tăng - gia, khiến dân - chúng muốn thỏa-mãn nhu-cầu tín-ngưỡng siêu-nhiên của họ, phải tự-động đặt lại những giáo phái cũ và có khi lập hẳn ra những giáo phái mới nữa. Đứng đầu các giáo phái ấy, nhiều khi chỉ là những người bôn đạo, thầy giảng thường, nhưng bởi không thể làm hơn được, họ cứ phải làm liều để thỏa-mãn nhu-cầu coi như cấp bách trước sự khao khát siêu-nhiên của quần-chúng — nhất là thêm vào đó, họ còn có ý muốn tỏ ra có tư-tưởng độc lập đối với chế-độ. — Nhiều người có chân trong giáo phái trở nên những kẻ cuồng tín rất nguy-hiêm và trường-hợp ngày một gia-tăng của họ trở thành một vấn-đề khá gay-go cho chế-độ. Từ Krasnaïa Zvezda, cơ-quan của quân-đội, thuật lại ngày 28 tháng Mười

hai 1958 trường-hợp những phụ nữ sĩ-quan thuộc các giáo phái.

Từ Sovietskaïa Rossiïa ngày 5 tháng Sáu 1958 cho chúng ta biết giáo phái « những kẻ làm chứng về đấng Jéovah (Jahvé) » hoạt-động qui mô trong khu vực Taïechet (tỉnh Jrkoutoh) thuộc Sibérie, — và hình như, « những kẻ làm chứng về đấng Jéovah » cũng thấy xuất hiện cả trong vùng Biélorussie nữa (Sovietskaïa Biéloroussiïa ngày 25 tháng Năm 1958).

Tại làng Novo-Jvanovka (quận Kedabeksk), theo báo Bakinskiï Rabotchiï ngày 13 tháng Mười hai 1958, có năm giáo phái : « Prigouny (những kẻ nhảy vọt) — Malokane (những kẻ uống sữa) — những kẻ rửa tội — những Subbotiki (những kẻ theo lễ sabbat Do-thái) — và những người thuộc phái Cơ-đốc phục-lâm (adventistes). Mỗi giáo phái đều có nhà nguyện riêng. Theo tờ báo trên thì các giáo phái này không chỉ mê-hoặc được nông-dân già nua tại các nông trường, mà còn mê-hoặc được cả thanh-niên trong làng nữa : « Hai thanh-niên Vasili Morosov và Alexeï Cholistov đã trở thành giáo-sĩ ». Tại Novo-Saratovka, cách Novo-Jvanovka bảy cây số, tình trạng cũng giống in vậy.

Đảng chính-thức lên tiếng

Vòng chân trời chúng tôi vừa tạm phải họa trên, tạp chí Kommounist, số 17 tháng Mười hai năm 1958 (tr. 91-98), xác nhận trong một bài nhận - định tổng - quát tình-hình dưới nhan đề : « Cần phải tăng-cường tuyên-truyền khoa - học để vun trồng chủ-thuyết vô thần », trong đó, tác-giả phàn nàn công nhân Liên-xô hiện nay chưa cởi bỏ được cái não tin tưởng thần thánh tai hại. Chúng tôi xin trích dưới đây một vài

đoạn chính, ý nghĩa nhất, đề độc-giả có một ý-niệm rõ rệt về các lời tố cáo của chính-phủ Liên-xô đối với Giáo hội chính-thống hiện nay thế nào.

Về phát-triển tôn-giáo

Cổ nhiên tôn - giáo là một ý - thức hệ phản-dộng và phản khoa-học, nhưng càng ngày nó càng trở nên tinh-tế hơn để che đậy sự trượng đó. Thí dụ như ngày nay, nó không ra mặt phản-đối khoa-học nữa, mà lại liên-minh với khoa-học, coi sự liên-minh ấy là một cái gì hết sức tự nhiên.

« Những tín-đồ mới của tôn-giáo cho rằng tôn-giáo là yếu-tố tiến-bộ của sinh-hoạt nhân-loại, có « thân thích » với chủ-nghĩa Cộng-sản, và Chúa Ki-tô là người thứ nhất đứng lên đòi hỏi bình-quyền, bình-đẳng cho mọi người, thuyết-minh về nghĩa huynh-đệ bác-ái cùng tự-do ». (tr. 92)

« ... Bọn giáo-sĩ khôn khéo trình-bày những hình - thức mới của vật - chất và những chủng loại mới của tinh lực là bằng chứng tỏ ra vật-chất do tự tinh-thần mà ra và giải-thích « vật-chất sẽ đi tới chỗ tiêu diệt ». Có một vài kẻ trong chúng còn cố sức trình bày tinh lực nguyên-tử là một hình-thức thần minh dùng để biểu lộ ra với nhân-loại. Họ bảo tiếng « ngày » trong câu : Thiên-Chúa dựng nên vũ-trụ trong sáu ngày, của Thánh Kinh, có ý nghĩa tượng - trưng, và tiếng « ngày » ấy chỉ một thời đại hàng triệu năm, v.v. » (tr. 93)

Về cuộc sống ở trần-gian

Trong những bài giảng thuyết, bọn giáo sĩ không còn nói rằng cuộc sống ở trái đất hiện nay và của cái vật-chất ở đời này là một thứ phù vân chóng qua chóng hết, và tín đồ chỉ nên lo đến sự đời sau để được

hưởng thiên-dàng ở bên kia thế-giới nữa. Bây giờ, họ giải thích rằng ở bên sự tìm đối hạnh phúc tinh-thần và nước Chúa thiêng-liêng, người ta không nên lãng quên sự tìm đối hạnh-phúc trần-thế và sự mở mang nước Chúa ở trần-gian phỏng theo hình-ảnh nước Chúa ở trên trời (tr. 93).

Về hoạt-động của Giáo-hội tại Liên-bang Xô-viết :

Bọn giáo-sĩ và các giáo phái đang tìm cách uốn nắn lý-thuyết của họ cho thích-hợp với hoàn-cảnh hiện tại bằng cách hiện-đại - hóa nó đi và bằng cách cải - thiện phương-pháp và hình-thức hành-động trong dân-chúng. Do đấy, hoạt-động của các giáo sĩ ngày càng gia tăng. Họ tổ-chức những buổi diễn trình bịp-bợm để lừa gạt dân-chúng, họ bày đặt nào là « Đức Mẹ hiện ra », nào là « nước suối chữa bệnh » nào là « mộ thánh tử đạo »; họ lợi dụng lòng mê tín của dân-chúng để làm tiền. Tại các nước Cộng-hòa Tiều Á và các nước Cộng-hòa Xuyên Cô-ca-diêng, họ còn tổ-chức những buổi lễ tôn-giáo tại những nơi họ gọi là « đất thánh » và mời cả những tín-đồ Hồi-giáo tới dự.

« Trong một vài quận, Giáo-hội Công-giáo hoạt-động rất mãnh liệt... (tr. 93).

Tờ Kommounist nhận xét một cách căm giận : « Một vài tổ-chức tôn-giáo đã đi ra ngoài phạm-vi hoạt-động tôn-giáo. Nhiều giáo phái tổ-chức những buổi trình diễn nghệ-thuật, những cuộc du-ngoạn thăng-cảnh, lập ra những quỹ tương-tử, những hội văn-hóa, v.v... Nhiều tổ-chức còn dám hoạt-động coi thường cả luật pháp Xô-viết, bí mật dựng nên những xã - hội, những giáo phái mà Nhà nước đã cấm chỉ. » (tr. 93)

Nơi khác, thấy nói đến những tu-
viện (1) dùng công - nhân, trả tiền công
bằng giá bóc lột.

Một đoạn khác kể lại một chuyện có
ý-nghĩa đặc-biệt : bàn về những kẻ lừng
khung : « Ngoài một bên là những kẻ
« vô thần » và một bên là những kẻ
« tín-ngưỡng », chúng ta hiện nay lại
thấy nảy sinh ra những kẻ lừng khưng
khá đông đảo. Họ đã từ bỏ hẳn tôn-
giáo mà họ nhìn nhận là vô dụng, họ
không đi nhà thờ, và không tuân giữ
các lễ-nghi nữa, nhưng họ không có một
lý-thuyết ăn nhập với bản-chất của xã-
hội. Vì quá trình từ bỏ tôn-giáo không
phải là một quyết-định tức thời và phải
trải qua một thời-gian lưỡng lự, hoài nghi,
bọn giáo-sĩ, giáo-phái và tín-đồ thường
lợi-dụng để rủ rê những người này trở lại
tôn-giáo của họ, nhất là tại những nơi mà
tuyên-truyền khoa-học không làm đầy đủ sứ
mệnh của mình.

Về đạo đức

« Những ngày gần đây bọn giáo-sĩ và
các giáo-phái có chiều như coi quyền giáo-
dục công-dân Xô-viết về đạo đức là quyền
đặc biệt của họ. Họ dùng đủ mọi cách để
mòi móc những khuyết điểm, nhược điểm
của ta. Họ ngăm bảo người Xô-viết rằng
nguyên nhân của mọi sự hèn yếu của ta là
do bởi chúng ta đã từ bỏ tôn-giáo, cắt đứt
với tôn-giáo cổ truyền. Nghĩa là họ cho
rằng không thể có đạo đức nếu không có
tôn - giáo, và Cộng - sản chủ - nghĩa là một
chủ-nghĩa thiếu đạo đức ». (trg 96)

Về thời-gian đấu-tranh chống tôn-giáo

« ...Muốn vượt qua tôn-giáo, không thể
làm trong một thời-gian ngắn, cần phải

tranh-đấu, tuyên-truyền một cách kiên trì,
mềm dẻo, khôn khéo ». (trg 96)

Về ảnh-hưởng tâm-lý của tôn-giáo và các biện-pháp phải dùng để đối phó

« Trong mọi công cuộc tuyên-truyền chống
tôn-giáo, phải lưu-tâm đặc-biệt về yếu-tố
tâm-lý và tình-cảm của quần-chúng. Giáo-
hội, nhất là Giáo-hội Công-giáo, sở dĩ
gây được ảnh-hưởng sâu sắc trên tâm-
lý và tình-cảm tín-đồ, là bởi họ khéo
dùng âm-nhạc, ca hát, ánh sáng, hình
ảnh, y-phục, đèn nến rực rỡ trong các
lễ nghi để đập vào đầu óc các kẻ đến
dự. Tại sao người Cộng-sản chúng ta
không nghĩ đến cách làm cho sinh-hoạt
của chúng ta được huy-hoàng, xán lạn,
uy-nghi hơn, và làm cho phong thái, hội
hè, liên-hoan, nghi thức của chúng ta
linh-động hơn nữa ? » (tr 97).

✱

Chúng tôi thiết nghĩ bài đăng trong
tờ tạp-chí Kommounist (trước gọi là
Bolchevik) chúng tôi trích-thuật trên có
tính-chất quan-trọng về hai điểm. Trước
hết đó là một bài của cơ-quan Trung-
Ương Đảng Cộng-sản Liên-bang Xô-viết.
Sau nữa đó là một bài có tính-chất biên-
tập, xác-định một đường lối cho toàn
bộ Đảng phải tuân-hành. Những nhận-
định đó là những căn-cứ chắc-chắn chúng
tôi có thể vin vào mà đoán được rằng
hiện nay những biểu-diễn quan-trọng về
tinh-thần tôn-giáo của nhân-dân Nga đã
trở thành một phong-trào rộng lớn khiến
cho chế-độ phải quan-tâm không ít và
được coi như nguy-hiểm cho chế-độ vậy.

HOÀNG-MINH-TUYNH

KỶ TỬ: Tân truyện: « Bức ảnh tâm
phép lạ » của Tendriakov.

thác mắC

IM LẶNG

TRÊN đường tranh-dấu, tôi cảm thấy im lặng, nhiều khi, trở thành một nhu-cầu khẩn-thiết.

Người ta vẫn bảo im lặng là vàng.

Im lặng, đôi lần, tôi thấy quả là vàng thật, vì im lặng giúp tôi trở vào tận trong căn-dẽ của cõi lòng khiến tôi giữ vững được khang-thái cho tinh-thần, mở rộng được phạm-vi cho tâm-thuật, nâng nhắc được kỳ-vọng cho chí-hướng. Đó là im lặng giống với im lặng của núi non hùng-vĩ, với im lặng của biển cả mênh-mông, với im lặng của thánh đường cao vút.

Song im lặng, có lúc, tôi thấy không phải là vàng, cũng không được là thau, mà — nguy-hiêm hơn — lại là vàng giả, vì im lặng chỉ biểu-thị một trạng-thái suy-vi vô-thức của tâm-hồn muốn được tịch-nhiên không phiền-nhiều, muốn được đào-thoát khỏi đấu-tranh, muốn được yên-nhàn mà tự-tận. Đó là im lặng giống với im lặng của cảnh hè trâm-miên, với im lặng của hoang-tàn ảm-đạm, với im lặng của tha-ma đầy tử-khí.

Thâm-trạng chính là ở chỗ im lặng vàng thật và im lặng vàng giả nhiều khi lẫn lộn; phân-biệt được khi thật khi giả, đâu thật đâu giả, lắm lúc không phải dễ-dàng.

PHẠM-HOÀNG

VỀ

NGUYỄN-VĂN-HẦU

TRONG văn-chương bình-dân truyền khẩu, ngoài tục-ngữ, ca-dao, chuyện cổ, còn một lối văn đáng kể nữa là về.

Trong các sách chép về lịch-sử văn-học nước nhà xuất-bản từ trước như *Việt-Nam văn-học sử yếu* của Dương-Quảng-Hàm, *Đại-Việt văn-học lịch-sử* của Nguyễn-Sĩ-Đạo, *Việt-Nam văn-học sử trích yếu* của Nghiêm-Toản... cho tới bộ *Khởi-thảo văn-học sử Việt-Nam* của Thanh-Lãng xuất-bản gần đây, cũng đều không thấy bàn xét đến về. Trong cuốn *Văn-chương bình-dân* (bộ *Khởi-thảo văn-học sử Việt-Nam*), ông Thanh-Lãng đã khảo-luận rất kỹ về ca-dao, tục-ngữ, lại bàn thêm phần câu đố, ca Huế, nhưng về về cũng không hề thấy ông đề-động tới.

Về có một địa-vị không kém quan-trọng trong văn-chương bình-dân; nếu đã bảo ca-dao dùng phụ-diễn tình-tứ, tục-ngữ để sửa khéo dạy khôn, thì chắc không ai chối cãi được rằng về cũng có giá-trị riêng biệt của nó là đề châm-biểu mỉa-mai, khắc ghi sự-trạng. Chúng ta bỏ qua về là bỏ đi một phần di-sản đáng tiếc trong kho tàng văn-chương bình-dân truyền khẩu vậy.

Trong chương-trình Trung-học Việt-Nam (Nghị-định mới số 1286 GD/N.Đ, ngày 12-8-1958), Bộ Quốc-gia Giáo-dục đã nhận rõ tính-cách đặc-biệt ấy nên đã cho giảng về vào khóa học Đệ-thất, mục văn vần. Vậy nguồn gốc, văn thể, ý-nghĩa... của về là thể nào tưởng chúng ta cũng nên bàn tới.

I. — Định-nghĩa

Về là một thể văn vần dùng để châm-biểu một thói rởm nết hư, hoặc thuật lại một sự trạng khác thường xảy ra trong một thời, một vùng, với tiết-điệu và lời văn cực kỳ giản-dị, đặc-biệt bình-dân.

II. — Phân biệt về và các lối khác trong văn-chương bình-dân :

Trừ truyện cổ thuộc về thể văn xuôi không kể, về có một lối phụ-diễn riêng khác của nó không giống tục-ngữ ca-dao; tục-ngữ là những câu nói gọn-ghe, có ý-vị, dễ nghe dễ nhớ; ca-dao là những câu hát, những bài hát ngắn có âm-điệu bổng trầm và tương đối dài hơn tục-ngữ; còn về bao giờ cũng phải là một bài dài diễn tả theo một đầu đề quyết định.

Đó là phần hình-thức. Xét về nội-dung,

ta cũng phân-biệt được một cách dễ-dàng : tục-ngữ thiên về lý ; ca - dao thiên về tình ; còn về thiên về sự.

III. — Nguồn gốc lối về :

Trong đời thường có chuyện này chuyện nọ xảy ra, hoặc trái với thuần-phong mỹ-tục đáng chê - bai, hoặc biến đổi khác thường đáng ghi-nhớ, người bình-dân lấy đó làm đề-tài mà đặt thành về. Về cũng như chuyện cổ, không biết tác-giả là ai, hay nói đúng hơn, người ta không cần biết ai là tác-giả. Sau bờ ruộng lũy tre, những buổi sáng đẹp trời hay những đêm trăng trong-trẻo, đó là những dịp tốt cho những người bình-dân đọc về, đặt về. Về mới đầu hoặc do một người đặt ra rồi truyền đi (như loại về thời-sự) ; hoặc có bài do năm ba người cùng nhau chấp nối từng câu từng chữ mà thành (loại chề-giễu, châm-chọc) ; cũng có bài do lũ trẻ con ghép vần sửa điệu mà nên (loại đọc cho vui miệng, không có ý nghĩa hoặc rất ít ý nghĩa). Về được truyền từ cửa miệng người dân từ đời này sang đời khác, nhưng nó chỉ có tính-cách địa-phương mà thôi chứ ít có bài được lưu hành khắp nước.

IV. — Hình-thức kết cấu bài về :

Về có nhiều thể (1) tạm chia ra như sau :

1. — Thể lục bát và lục bát biến thức :

a) *Thể lục bát* (câu trên sáu, câu dưới tám chữ) Thí dụ :

Bán rau bán ớt bán cà,

Bán thơm bán mít cũng là bán dưa.

(1) Về thể văn và loại văn, chắc có thiếu sót mà chúng tôi chẳng tìm ra đủ được chăng ? Vì nào còn nhớ những bài về khác thể và khác loại, xin vui lòng bổ-chính cho.

*Sớm mai chợ nhóm tới trưa,
Bán bầu bán bí bán dưa cải trường.
Có bán đậu hũ cùng tương,
Đậu xanh đậu trắng bán đường trà om.
Bán gà lại bán heo con,
Hươu nai cũng có món ngon đồ rừng...*
(Về đi chợ Nhà-Bàn, Thất-Sơn)

b) *Thể lục bát biến thức* (có xen những câu dài ngắn hơn sáu chữ và tám chữ).
Thí dụ :

*Hôm qua mất giấy đi đàng,
Vội vàng em đến nhà làng xin khai.
Nhưng em dốt đặt cán mai,
Làm sao viết được tờ khai bây giờ.
Ông xã mắng em khù-khờ,
Khép nép xin nhờ ông đề em kêu :
Vì chưng em phải cái nghèo,
Bốn tuổi vót bèo cho mẹ đòi khoai.
Năm tuổi đi bán bánh chat,
Sáu tuổi mẹ mất gia tài tan-hoang.
Bảy tuổi vừa lượm lá bàng,
Vừa chẵn em đại vừa sàng lúa rơi.
Chín tuổi ở đợ ba nơi,
Lắm roi tàn-nhẫn lắm lời đáng cay.
Mười hai tuổi,
Hai ngày ăn cháo, một ngày ăn cơm.
Mười bốn tuổi,
Hai em, một điếc, một ôm chân què...*
(Về dốt chữ)

2. — *Thể thất ngôn và thất ngôn biến thức :*

a) *Thể thất ngôn* (mỗi câu bảy chữ).

Thí-dụ :

*Ngồi nghĩ luận xem trong cuộc thế,
Thấy non-dân kinh-tế mà thương.*

Cũng bởi vì Nam-Việt vô vương,
 Nên không chỗ náu nương thâm thiết.
 Bạc không cánh đổi thay chẳng xiết,
 Vàng bị nghèo mấy chiếc chẳng còn.
 Mối mấy năm sao quá hao mòn,
 Mùa màng thất, lính còn bó buộc...

(Về kinh-tế)

Nhà Hia Quần cột rường liêu - tán,
 Chữ nét vàng cháy đã ra tro.
 Lầu Bảy Sơn sự nghiệp quá to,
 Thương người ngọc nằm trong đồng lửa.
 Bởi chắc ý lên lầu đóng cửa,
 Vận khiến hư xuống đất bỏ nhà.
 Thợ Lỗ-bang rày đã ra ma,
 Còn chi nữa chạm dơi chạm trĩ...

(Về cháy chợ Cái-Tàu)

Hạn sao quá hạn, cây cỏ tiêu-diêu,
 Kể từ năm Mậu-ngũ (1858) buồn hiu.
 Nào Tây bản Sơn-Chà, nào dân binh
 hát mộ.
 Nạn tai ấy dân đen chưa hết khờ,
 Kể năm nay thêm cỏ cháy ruộng cần.
 Lúa trúc bồ đem sạ vãi văng-vãng,
 Ngoài ruộng vẫn vắng tằm không cọng mạ.
 Từ tháng hai đến suốt qua mùa hạ,
 Không hột mưa trên lá nón dân cày.
 Dưới đáy đĩa, cá cạn chết phơi thây,
 Trong thôn ấp tre xâu, sao đỏ ngọn...

(Về hạn hán, trích đoạn đầu)

b) Thề thất ngôn biến thức (có xen
 những câu dài ngắn hơn bảy chữ).
 Thí dụ :

Xét xa gần xét về trong hạt,
 Có một chàng vóc-vạc hơn voi.
 Mặt ngoài trông nhân-nhụi dễ coi,

Trong lòng bậu đêm ngày lo sợ vợ.
 Hóa công chơi các-cờ,
 Mà anh ta cũng khéo cơ-cầu...

(Về ông xã sợ vợ)

3.— Thề nói lối : Thề này rất thông
 dụng trong lối về (câu đặt thường bốn
 chữ ; cứ chữ cuối câu trên vần với chữ
 thứ hai hoặc chữ cuối câu dưới). Thí dụ :

Nghe về nghe ve,
 Nghe về đoàn-kết.
 Có người keo-kết,
 Lắm bạc lắm tiền.
 Còn muốn giàu thêm,
 Nhẫn tâm đuổi đất. .

(Về "đoàn-kết")

4.— Thề hỗn-hợp (một bài gồm hai
 hoặc ba thề trên). Thí dụ :

Lộn-xộn kể ngay người vạy,
 Xô-bõ muôn việc khách ngô.
 Kể khi không chạy tới giựt đồ,
 Người bị lừa bống liền mất cửa.
 Cháy không còn chiếc dĩa,
 Cháy chẳng sót mền mùng.
 Nhà biện Nguru con cháu khóc không
 cùng,
 Phổ ban Hạc của tiền tiêu quá tiếc.
 Bởi vì ai tác-nghiệt
 Mua cân già lại bán cân non...

(Về cháy chợ Cái-Tàu, 1888)

V.— Phân loại về :

Về của nước ta thật nhiều, xét về ý
 nghĩa ta có thể chia thành mấy loại như
 sau đây :

1) Loại trẻ con hoặc người lớn đặt để
 nói chơi trong lúc vui đùa. Loại này

không có ý nghĩa hoặc có rất ít ý nghĩa.
Thí dụ: Về con cóc, về nói ngược, về con sáo.

Nghe về nghe ve,
Nghe về nói ngược,
Ngựa đua dưới nước,
Tàu chạy trên bờ,
Lên núi đặt lò,
Xuống sông bừa củi,
Gà cồ hay úi,
Heo nái hay bơi,
Nước kềm ba mươi,
Mùng mười nước dấy,
Ghe nổi thì đầy,
Ghe cạn thì chèo,
Mấy chú nhà nghèo,
Cho vay đặt nợ,
Nhà giàu bợ đỡ,
Thiếu trước hụt sau,
Đòn xóc bừa cau,
Dao bầu gánh lúa,
May áo bằng búa,
Bừa củi bằng kim...

(Về nói ngược, trích đoạn đầu)

Nghe về nghe ve,
Nghe về con cóc:
Trâu ăn mấy chút,
Bắt mẹ tôi đến,
Năm đầu kéo lên,
Đau là cha chả!
Tôi mời trùm xā,
Tôi lại cửa công,
Trâu ăn ngoài đồng,
Bắt vô nhà cột,
Mắm trâu cho tốt,

Hú rượu cho ngon,
Cưới vợ cho đôn,
Nó chửi mà nghe.

(Về con cóc; trích toàn bài)

2.— Những về ngụ-ý chế-giễu, mỉa-mai chung một hạng người, một tệ-tục hay một người có thói hư tật xấu. Thí-dụ: Về đánh bạc, Về ông Tiên-chỉ cúng thần, Về tranh miếng thịt lòng, Về chề gái lấy chồng chặc, Về mù dột chữa hoang. Đó là không kể đến những áng văn dài giá trị như Lục-súc tranh-công, Chuyện Sãi vãi, mà người ta đã lợi dụng thể về đề hài-hước, trêu-cợt một cách ý-vị và duyên-dáng.

Tóc mai đá dất bậu chề,
Nâng-niu thằng chặc tư bề sọ không.
Trên đầu nó vẫn đuôi nhông,
Cái răng trắng nhè miệng không ăn trầu.
Gẫm trông thằng chặc thêm rầu,
Có một cái đầu chẳng đề cho nguyên.
Tóc ra thì nó cạo liền,
Mua chỉ nó giốc cho liền ống churen.
Bận quần chẳng có giàu lưng,
Bận áo nửa chừng lưng-dừng dái trâu.
Còn thương thằng chặc về đâu?
Càng ngày càng thắm càng lâu thêm
buồn.

(Về chề gái lấy chồng chặc; toàn bài)

Về về về ve,
Nghe về đánh bạc,
Đầu hôm xao xác,
Bạc tốt như tiền,
Đến khuya không tiền,
Bạc như chim cú,
Cái đầu sù sụ,

*Con mắt trôm lơ,
Hình đi thất thơ,
Như con chó dốt,
Chơn đi cà khỏi,
Đạo xóm đạo làng,
Quần rách lang-thang,
Lấy tay mà tẩm...*

(Về đánh bạc, trích đoạn đầu)

3.— Những bài về có tính-cách lịch-sử. Thí dụ: Về thất thủ kinh-đô, Về cháy chợ, Về trời hạn, Về nước lụt, Về kinh-tế,

*Khoanh tay chặt lưỡi, thờ vắn than dật,
Mậu-tí niên trong tháng mười hai,
Quý-dông ngoạt giữa ngày hăm bốn,
Nhà chể Lánh lẽ đưa ông Bồn,
Đốt pháo rơi cháy hết phố phường,
Nghĩ cuộc đời thêm thảm thêm thương,
Nhìn cuộc thế ngán đà quá ngán...*

(Về cháy chợ, trích đoạn đầu)

*Mấy năm trước cũng nhờ lúa mất,
Huê lợi thời bán đất mua may.
Bông vì đâu qua đến năm nay,
Đồ vật thực rẻ sao vô số.
Thế đất ruộng không ai cầm cố,
Chộc bán buôn đóng cửa phố về Tàu.
Ghé mắt xem mấy cậu nhà giàu,
Bạc bẽng thiếu anh nào cũng muôn triệu.
Chụp bộ dãi cần răng dành cam chịu,
Lỡ tay rồi khó liệu khó lo.
Dòm kẻ nghèo bữa đói bữa no,
Nhờ bông sáng, móc củ co mà còn để
thờ.*

(Về kinh-tế, trích đoạn giữa)

**VI. — Địa-vị của về trong nền
văn - chương bình - dân
Việt - Nam :**

So với tục-ngữ, ca-dao, có lẽ lượng số câu của về là nhiều hơn hết. Thử đi sâu về nhà quê, bất cứ một nơi nào, hỏi thăm bất cứ ai, chúng ta cũng đều nghe thấy họ thuộc một vài bài về. Nếu làng này có những về Cồ-lý, Cồ-lô, thì tông họ cũng có những về Cậ ba, Cậ bảy. Nếu có những ông già nhớ vanh-vách những bài về hạn tai, hồng thủy, thì cũng có mấy cậu bé thuộc làm-lòng những bài về con cóc, con cua. Vậy nếu sưu-tập hết thầy về, sự làm giàu thêm cho nền văn - học Việt - nam nói chung và văn-chương bình-dân nói riêng, sẽ không phải nhỏ.

Tất cả những cái giả-trá, những cái rơm, những thói hư tật xấu, những tục-lệ lỗi thời đều bị dân-chúng trào-lộng trong những câu văn - về rất trẻ - trung, đậm-đà, dí-dỏm ; ấy là chưa nói tới giá-trị lịch - sử mà loại về thời - sự đã diễn ra.

Qua những nhận xét sơ lược đó, chúng ta thấy về có một địa-vị đáng được góp mặt trong nền văn-chương bình-dân. Đọc về hoặc nghe về, ta cảm thấy một vẻ đẹp hồn-nhiên vui-vẻ, một ý-vị mộc-mạc chân-thành. Về còn biểu-lộ cho ta thấy tâm-hồn của người dân quê — những tâm - hồn phác-thực dễ yêu — cùng những tính-tình, lễ-thói trong cuộc sống thường nhật của họ nữa.

NGUYỄN-VĂN-HÀU

TRƯƠNG-VĂN-CHÍNH

và

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

TRÊN báo *Bách-Khoa* số 55 (15-4-1959), phê-bình phương-pháp phân từ loại Việt-ngữ của một giáo-sư người Anh, ông P. J. Honey, chúng tôi có viết : « Giáo-sư Honey không phải là người đầu tiên phân từ loại trong tiếng Việt theo phương-pháp mới. Trước ông, nhà ngữ học Lê - Văn - Lý cũng đã áp - dụng phương-pháp mới vào tiếng Việt rồi. »

Ô. Nguyễn - Đình - Hòa, một nhà chuyên-môn về môn ngữ-học, và hiện giảng dạy môn ấy tại trường Đại-học Văn-khoa và Đại-học Sư-phạm Sài-gòn, đã viết trên báo *Bách-Khoa* số 62 (1-8-1959) về « Phương-pháp phân-dịnh từ-loại » của linh-mục Lê-Văn-Lý.

Độc-giả *Bách-Khoa*, có vị ngờ ý muốn biết ý kiến chúng tôi về cách tác-giả cuốn *Le Parler Vietnamien* phân từ-loại thế nào, cho nên chúng tôi viết thêm bài này nữa.

Ô. Lê-Văn-Lý cho xuất-bản tại Paris, năm 1948, một cuốn sách viết về Việt-ngữ, bằng Pháp văn, nhan đề *Le Parler Vietnamien. Sa structure phonologique*

BÀN VỀ VẤN ĐỀ

PHÂN TỪ LOẠI VIỆT NGỮ

TRONG CUỐN

« LE PARLER VIETNAMIEN »

(Tác giả : LÊ-VĂN-LÝ)

et morphologique fonctionnelle. Esquisse d'une grammaire Vietnamienne. Sách chia ra hai phần : một phần viết về âm thanh, một phần viết về ngữ pháp. Trong bài này, chúng tôi chỉ xét đến cách Ô. Lê-Văn-Lý phân từ-loại thế nào (1)

Tác-giả *Le Parler Vietnamien* là nhà ngữ-học thuộc phái chủ trương rằng nghiên-cứu ngôn-ngữ-học chỉ nên căn cứ vào « công-dụng » (*fonction*) của tiếng nói. (Tiếng Pháp gọi phái ngữ học này là *linguistique fonctionnelle*). Về ngữ pháp phải hiểu « công-dụng » như thế nào, chúng tôi sẽ nói sau. Chúng ta hãy kể ra các từ-loại trong *Le Parler Vietnamien* trước đã, và xem tác-giả lấy tiêu-chuẩn nào để phân từ-loại Việt-nam.

Các từ loại

Le Parler Vietnamien chia tất cả các từ dùng trong Việt-ngữ ra ba loại chính, gọi là loại A, loại B và loại C. Nhưng,

(1) Chúng tôi cũng đã xem xét quan-niệm của Ô. Lê-Văn-Lý về « tiếng đơn » (*mot simple*) và « tiếng ghép » (*mot composé*). (Xem Đại-học số 4-5, tr. 187, và số 6, tr. 43).

loại B còn gồm một phân loại nữa gọi là loại B'. Loại C cũng chia ra ba loại nhỏ, và loại nhỏ thứ ba của loại C lại chia ra sáu hạng. Tuy gọi là loại A, B, B', C, nhưng rồi tác-giả L. P. V. cũng đặt tên là *nom, verbe, adjectif, mot personnel, mot de nombre, particule, exclamation, onomatopée*, vì đem so sánh những từ-loại ấy với tiếng lẽ trong các ngôn-ngữ Âu-châu, như tiếng La-tanh, tiếng Pháp, tiếng Anh, v.v. thì về cách dùng cũng như về ý nghĩa, loại A tương-dương với *nom*, loại B tương-dương với *verbe*, loại B' tương-dương với *adjectif* (L. P. V. tr. 166).

Chúng tôi tóm tắt các loại trong L.P.V. theo bảng dưới đây :

— Loại A hay *nom* (tỉ dụ : cái nhà, người cha).

— Loại B hay *verbe* (tỉ dụ : hát cao, sắp chết).

— Loại B' hay *adjectif* (tỉ dụ : rất đẹp, hơi nhỏ). (2)

— Loại C chia ra :

1) *mots personnels* : tôi, tao, tớ, mình, mày, bay, người, nó, hắn ;

2) *mots de nombre* : một, hai, ba, v.v. ;

3) *particules* gồm có :

a) *particules initiales* : bởi, vì, tại, hễ, nếu, giờ, đầu, tuy, càng, hằng, cũng, như, năng, lừ ;

b) *particules médianes* : mà, thì, nên, nhưng, song, vả lại, và, hay là, bèn, hoặc ;

c) *particules finales* : này, nọ, nào, nhau, đực, sống, cái, mái, a, ơi, ư, hử, chi, gì, nhá, nhé, ru, nhỉ, sốt, mà chớ, cơ mà, nốt, chững ;

d) *particules libres (initiales ou finales)* : sao, quá, đầu, đấy, bây giờ, bao giờ, bấy giờ, lúc này, chốc nữa, ngay, luôn, liền, cùng, với, rồi, nữa, thỉnh thoảng, mát, nhiều, lắm, bao nhiêu, không, chưa, chẳng, khá ;

đ) *exclamations* : a, à, e, ô, ới, ối, ừ, hí ới, thương ới, chà, hề, hờ ;

e) *onomatopées* : hí-hí, khi-khi, oe-oe, hu-hu, o-o, ve-ve, vù-vù, thòm-thòm.

Chúng ta thử dịch ra Việt ngữ tên các từ loại kể trên.

Nom, nhất định là « danh-từ ».

Verbe và *adjectif*, liệu có thể dịch ra « động-từ » và « tính-từ », như trong Việt-nam văn-phạm, được không ?

Mot personnel và *mot de nombre*, có thể dịch ra « tiếng xưng hô » và « tiếng chỉ lượng ».

Particule, có thể dịch ra « phụ ngữ từ ». (*Pháp-Việt từ-điền* của Đào-Duy-Anh dịch *particule* là « phụ ngữ ».) Vậy *particule initiale* là « phụ ngữ từ đứng đầu », *particule médiane* là « phụ ngữ từ đứng giữa », *particule finale* là « phụ ngữ từ đứng cuối », *particule libre (initiale ou finale)* là « phụ ngữ từ không có vị-trí nhất định, có thể đứng đầu hay đứng cuối » (3).

(3) Đứng đầu, giữa, cuối cái gì : câu, cú, hay từ-kết, chúng tôi sẽ nói ở đoạn dưới. Cú, chúng tôi dùng theo nghĩa tương đương với mệnh-đề trong Việt-nam văn-phạm, hay *proposition* của Pháp. Từ-kết là từ hợp tiếng dùng để giữ một chức vụ ngữ pháp, tỉ dụ : trong câu « Hai con chim non đang bay là-là ngoài sân », thì « hai con chim non » là từ-kết dùng làm chủ-từ, và « đang bay là-là ngoài sân » là từ-kết dùng làm thuộc-từ.

(2) Những tiếng in chữ ngả thuộc loại A, B hay B'.

Exclamation và *onomatopée*, có thể dịch ra « cảm thán từ » và « nghĩ thanh từ ».

Phương-pháp định từ loại

Tuy rằng « cảm thán từ » và « nghĩ thanh từ » xếp vào « phụ ngữ từ », hai hạng tiếng ấy, theo *L.P.V.*, thực ra không phải là từ, chỉ là những âm diễn-tả cảm-xúc và thính-giác (trang 169).

Vậy, tóm lại, *L.P.V.* chỉ phân-biệt sáu từ loại :

- 1) « danh-từ »,
- 2) « động-từ » (?),
- 3) « tính-từ » (?),
- 4) « tiếng xưng hô »,
- 5) « tiếng chỉ lượng »,
- 6) « phụ ngữ từ ».

Định năm loại đầu, tác-giả *L.P.V.* dùng phương-pháp « chứng từ » (*mots-témoins*). Định loại cuối, ông căn-cứ vào vị-trí trong câu.

Nhưng, nói « phụ ngữ từ đứng đầu », « đứng giữa » hay « đứng cuối », ta phải hiểu là đầu, giữa, cuối cái gì : câu, cú hay từ-kết ? Tiếc rằng *L.P.V.* không có tỉ dụ về cách dùng « phụ ngữ từ », thành ra chúng tôi thú thật không biết rằng phải hiểu ra sao (4). Như tiếng *ôi* xếp vào hạng « phụ ngữ từ đứng đầu », và tiếng *nên* xếp vào hạng « phụ ngữ từ đứng giữa », mà

(4) Mặc dầu tác-giả có viết : « Les particules ont été classées d'après leur place dans la phrase ». (*L.P.V.* tr. 169), nhưng ta cũng không thể gán cho ông, ý muốn nói đầu, giữa hay cuối câu, vì trong những tỉ dụ dưới đây :

Nó chỉ chơi thôi.
Cái này rất đẹp.
Anh hãy nghe tôi.
Ta cứ đi.
Thu đã tới.
Xuân sẽ sang.

những tiếng *chỉ, rất, hãy, cứ, đã, sẽ*, có đứng ở đầu câu đầu mà ông Lê-Văn-Lý lại xếp vào hạng « phụ ngữ từ đứng đầu ».

dùng trong hai câu này :

(A) *Ơi* trời mưa, nên tôi không lại thăm anh được.

(B) Tôi không lại thăm anh được *ôi* trời mưa.

thì câu A, tiếng *ôi* có thể coi là đứng đầu câu hay đầu cú, mà ở câu B thì cũng tiếng *ôi* ấy phải coi là đứng giữa câu hay đứng đầu cú. Còn tiếng *nên* (câu A) đứng giữa câu, nhưng đứng đầu cú.

Lại như tiếng *những* xếp vào « phụ ngữ từ đứng đầu » dùng trong hai câu này :

(C) *Những* người thất đày lưng ong,
Đã khéo chiều chồng, lại khéo
nuôi con
(ca dao)

(D) Ông lại hay dùng thề ngụ ngôn
hoặc kể *những* chuyện ngắn (Dương-
Quảng-Hàm).

thì câu C, *những* đứng đầu câu, đầu cú hay đầu từ-kết *những* người thất đày lưng ong ; mà câu D, *những* đứng giữa câu, hay giữa cú, nhưng đứng đầu từ-kết *những* chuyện ngắn.

Thế nào là « chứng-từ » ?

Ô. Lê-Văn-Lý chủ trương rằng không thể tách riêng một tiếng lẻ ra mà định từ loại của nó được. Phải căn-cứ vào tiếng đứng trước hay đứng sau tiếng ấy, nghĩa là phải nghiên-cứu xem tiếng ấy có thể đi với, kết hợp với những tiếng nào trong ngôn-ngữ. Điều này là cơ-sở của phương pháp định từ-loại trong *Le Parler Vietnamien* (5).

(5) « Ce n'est plus sur le mot lui-même qu'on doit regarder pour déceler ce qui le caractérise, mais sur son entourage, c'est-à-dire sur ses possibilités combinatoires avec d'autres mots de la langue. Ceci est capital en ce qui regarde notre méthode, et peut être considéré comme la clé de voûte sur laquelle repose tout le travail qui va suivre. (*L.P.V.*, tr. 132)

Nhận thấy rằng có một số tiếng rất hay dùng trong câu nói, và giữ một vị-trí nhất định, hoặc trước, hoặc sau những tiếng khác, tác-giả đã dùng những tiếng ấy làm « chứng từ ». Những tiếng nào có thể hoặc đặt trước hoặc đặt sau « chứng từ » để tạo thành một từ-kết có nghĩa, thì cho vào cùng một từ-loại (6).

Ti dụ : lấy hai tiếng *nhiều*, *lắm* hay dùng trong câu nói, làm « chứng từ ». Những tiếng nào có thể đứng sau hai « chứng từ » ấy và hợp với « chứng từ » thành từ kết có nghĩa, sẽ xếp vào cùng một loại là loại A hay *nom*. Ta có thể nói :

nhiều người,	lắm người,
nhiều cây,	lắm cây,
nhiều nơi,	lắm nơi,

vậy người, cây, nơi thuộc loại A.

Những tiếng nào có thể đứng trước *nhiều*, *lắm*, và hợp với « chứng từ » thành từ kết có nghĩa, sẽ xếp vào một loại khác gọi là loại B hay *verbe* ; như :

học nhiều,	học lắm,
ăn nhiều,	ăn lắm,
viết nhiều,	viết lắm,

thì học, ăn, viết thuộc loại B.

Có những tiếng có thể đặt trước *nhiều*, *lắm* (loại B), còn có thể đặt sau *rất*

(dùng làm « chứng từ ») sẽ xếp vào loại B' hay *adjectif*, như :

đẹp lắm,	rất đẹp,
nóng lắm,	rất nóng,
giỏi lắm,	rất giỏi,

thì đẹp, nóng, giỏi thuộc loại B'.

« Chứng từ khả kết »

và « chứng từ bất khả kết »

Nhưng, « chứng từ » có hai hạng. ô. Lê-Văn-Lý đặt tên là *mots-témoins positifs* và *mots-témoins négatifs*, chúng tôi dịch ra « chứng từ khả kết » và « chứng từ bất khả kết ». Khi nào một tiếng có thể kết hợp với « chứng từ » thành từ kết có nghĩa, thì « chứng từ » gọi là « chứng từ khả kết », mà tiếng ấy không thể kết hợp với « chứng từ » thì « chứng từ » gọi là « chứng từ bất khả kết ».

Ti dụ : Những tiếng trong loại A, B và B' có thể kết hợp với *nhiều*, *lắm*. Hễ thấy một tiếng nào đứng sau *nhiều* hay *lắm*, thì ta có thể bảo rằng nó thuộc loại A, mà đứng trước *nhiều* hay *lắm* thì ta có thể bảo rằng nó thuộc loại B hay B'. Vậy *nhiều* và *lắm* là « chứng từ khả kết » cho loại A, B và B'.

Tiếng loại B' còn có thể kết hợp với *rất*, mà tiếng loại A và B không thể kết hợp với *rất* được. *Rất* là « chứng từ khả kết » của loại B', nhưng cũng là « chứng từ bất khả kết » của loại A và B.

(còn tiếp)

TRƯƠNG-VĂN-CHÍNH

và

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

(6) Chúng tôi dịch *chatne parlée* và *chatnon parlé* trong nguyên-văn ra câu và từ-kết. Tôn trọng nguyên-văn nên chúng tôi viết « từ kết có nghĩa » (*chatnon parlé intelligible*). Thực ra đã gọi là từ-kết thì tất nhiên phải có nghĩa.

Bản về máy bản đồ xưa

IN TRONG QUYỂN

« Việt Sử Tân Biên »

☆ — NGUYỄN-TOẠI

TRONG quyển « Việt sử tân biên I » của ông Phạm-Văn-Sơn, ở chương thứ bảy, nói về « những công-trình kiến-trúc vĩ đại của Việt-nam, ngót 10 thế-kỷ trước : tháp Bình-sơn và thành Thăng-long », tác-giả có chép lại bài khảo-cứu của ông Biệt-Lâm Trần-Huy-Bá về thành Thăng-long. Tài liệu này cũng được ông Lê-Văn-Siêu dùng trong cuốn *Văn-minh Việt-nam* của ông.

Xét tài-liệu nói về thành Thăng-long đó, thấy có nhiều điểm suyển mậu, xin đem ra bàn lại ở đây.

Ông Biệt-Lâm dùng hai bản đồ, một mà ông cho là bản đồ Phụng-thành do người Tàu xây, trích trong sách *Cần khôn nhất lãm* của Đông dã tiếu và một mà ông cho là bản đồ thành Thăng-long trích ở sách *Thiên-nam tứ chí* của ty Đê chính triều Tự-Đức. So sánh hai bản đồ, tác-giả nói đến những ưu điểm của khoa kiến-trúc đời Lý và suy luận đến những ưu-điểm của văn-hóa và tư-tưởng hình nhi thượng triều Lý nữa.

Hãy bỏ qua những điều sai hay đúng của đoạn suy-luận về thuật kiến-trúc, về

thuật phong thủy hay về tư-tưởng hình nhi thượng, ta hãy hỏi xem hai bản đồ làm căn-cứ cho những suy-luận đó có chân xác không đã.

Về bản đồ Phụng-thành, — theo tác-giả, thành này do người Tàu xây dựng —, vì không tiện vẽ lại bản đồ ra đây, xin chép hết lời chú trong bản đồ, chỉ rõ những kiến-trúc và tên đất ghi trên đó : 1— Điện Kính-thiên, 2— Điện Thị-triều, 3— Cửa Đoan-môn, 4— Điện Chí-kính, 5— Điện Vạn-thọ, 6— Đông-kinh, 7— Nhà Thái-miếu, 8— Cửa Đông-môn, 9— Cửa Đông Tràng-an, 10— Cửa Tây Tràng-an, 11— Chùa Khán-sơn, 12— Đền Linh-lang, 13— Điện Giảng-vũ, 14— Trường Hội-thí 15— Trường Quốc-tử-giám, 16— Phủ lý Phụng-thiên, 17— Tháp Báo-thiên, 18— Phủ Trịnh-vương, 19— Tòa Tư-thiên, 20— Huyện lý Thọ-xương, 21— Điện Nam-giao, 22— Huyện lý Quảng-đức, 23— Ngọc-hà, 24— Cửa Bảo-khánh, 25— Bãi Cơ-xá.

Trong bản đồ mà tác-giả nhận là thành Thăng-long triều Lý, có những kiến-trúc và tên đất biên chú sau đây : 1— Thành

nội Hà-nội, 2— Nhà Quán - thiếp, 3— Trường nuôi ngựa voi, 4— Đình Hội-dồng, 5— Chùa Nhất - trụ, 6— Miếu Thành hoàng, 7— Đền Trấn-vũ, 8— Chùa Trấn-bắc, 9— Núi Sư-sơn, 10— Đền Linh lang, 11— Chùa An-lãng, 12— Huyện lỵ Thọ-xương, 14— Đền Ngọc-sơn, 15— Hồ Hoàn-kiếm, 16— Trường-thị, 17— Chùa Liên-trì, 18— trường Đức-tiền, 19— Đền thủy, 20— Chùa Hàm-long, 21— Sở Dương-tế, 22— Đền Hai Bà, 23— Ô Lương-yên 24— Ô Kim-liên, 25— Ô Thịnh-hào, 26— Ô Cầu giấy, 27— Ô Thụy-chương, 28— Ô Yên-phụ, 29— Cầu Nhân - mục, 30— Chùa Báo - thiên, 31— Hồ Tú-uyên, 32— Hồ Bảy-mẫu, 33— Đống-da, 34— Bãi Đồng-nhân, 35— Đình Hội-quán, 36 Hồ Trúc-bạch, 37— Hồ Tây.

Trước hết, xin nói về Phụng-Thành. Theo tác-giả, Phụng-Thành là do người Tàu xây. Xây vào thời nào, tác-giả không nói rõ. Xem lại sử trong thời-kỳ bắc-thuộc, đời nhà Tây-Hán, thủ phủ của Giao-chí bộ đóng ở Luy-Lâu (bây giờ là làng Lũng-kê, phủ Thuận-thành, tỉnh Bắc-ninh). Sau khi Mã-Viện thắng được Bà Trưng, đem phủ trị đóng ở Mê-linh. Nhà Ngô đặt nước ta làm Giao-châu, đóng châu lỵ ở Long-biên. Đến đời nhà Đường, sử chép Kinh-lược-sử Trương-Bá-Nghi mới đắp La-thành để giữ lỵ sở. La-thành nay là thành Hà-nội. Đến lúc Cao-Biến sang làm Tiết-độ-sứ, đắp lại La-thành ở bờ sông Tô-lịch, hiện hãy còn di-tích.

Nay ta hỏi Phụng-thành có là La-thành không? Không lấy gì làm chắc, vì Phụng-thành, theo chỗ chúng tôi biết, không được xây trong thời bắc-

thuộc và chính xây trong đời Lý. Cứ ông Sở-Cường chép trong bài khảo-cứu « Hà-thành kim tích khảo » đăng ở phần chữ Hán tạp-chí Nam-phong năm 1924 : « Năm Thiên-thành thứ 2 (1029, đời Lý-Thái-Tôn) lại xây thêm thành, chu vi một vòng gọi là Phụng-thành ». Vậy thì Phụng-thành là thành nhà Lý xây. Đó là một thuyết. Ông Biệt-Lam căn-cứ vào sử sách nào để khẳng định là Phụng-thành do người Tàu xây, ta chưa được rõ.

Xem đến bản đồ mà tác-giả nhận là bản đồ Phụng-thành do người Tàu xây, chúng tôi nhận thấy đây cũng là bản đồ mà ông Sở-Cường đã vẽ lại trong bài của ông vừa nói trên, mà đề là « Lê quý Thăng-long thành đồ (bản đồ thành Thăng-long cuối triều Lê). Nhận xét kỹ một chút thì thấy ông Sở-Cường chép đúng. Thật vậy, bản đồ đó có ghi tên các điện Kính-thiên (số 1) Thị-triều (số 2) Chí-kính (số 4) ở trong Hoàng thành, đó là tên các điện triều Lê-Trung-Hưng, ta vẫn thấy nói đến trong các chí bộ Lịch triều Hiến-Chương của Phan-Huy-Chú. Đến ngày hôm nay, nền điện Kính-Thiên ấy vẫn còn, và còn cả cửa Đoàn-môn (số 3) Bản đồ có ghi ở số 7 : nhà Thái-miếu : thời bắc-thuộc mà có xây Thái-miếu thì thật không thể hiểu được vì Thái-miếu là miếu để thờ tổ tiên nhà vua, bao giờ cũng dựng ở kinh-đô, sao lại đem xây ở lỵ sở một châu quân, là nước ta lúc ấy đối với Trung-quốc. Tại số 12 ta thấy ghi đến Linh-lang (ta quen gọi nôm đến Voi-phục, ngoại ô phía tây Hà-nội ngày nay), đền này thờ Linh-lang đại-vương, con vua Lý-Thái-Tôn, Linh-lang người đời Lý, không thể có đền thờ từ

lúc bắc-thuộc. Cũng thế, có những kiến-trúc ghi trong bản đồ không thể xuất hiện trong thời bắc-thuộc được. Ở số 17 ta thấy tháp Báo-thiên, chùa Báo-thiên không phải xây trong thời bắc-thuộc mà cũng xây trong triều Lý, năm 1056 triều vua Lý-Thánh-Tông. Ta lại thấy cả Quốc-tử-giám và trường Hội-thí ở bản đồ. Hai cơ sở này chỉ có ở nơi đế đô, không bao giờ xây ở thị trấn khác, vậy không thể có ở một Giao-châu của nhà Hán hay nhà Đường. Và lại, nhà Đường có mở khoa cử ở nước ta đâu mà có trường học và trường thi, nếu ta nhớ Khương-Công-Phụ, người Việt đậu tiến-sĩ đời Đường, phải đi thi ở kinh-đô Trung-quốc. Một điểm đáng lạ nữa là ta thấy cả điện Nam-giao (số 21). Chỉ có Thiên-tử mới được tế giao, ở phía Nam đô-thành vậy sao lại có điện Nam-giao ở La-thành, khi đây không phải là nơi Thiên-tử lập đô ?

Đáng ngạc nhiên hơn nữa là tác-giả không đề ý đến phủ Trịnh-vương (số 18). Trong các đời Hán, Đường không có vị vương tước nào là Trịnh-vương sang ở bên ta cả. Phủ Trịnh-vương đây là phủ Chúa Trịnh, vì lẽ rằng đây chính là bản đồ thành Thăng-long triều Lê-Trung-Hưng.

Vài nhận xét đó tưởng đủ để chứng minh là bản đồ tác-giả dùng đó là bản đồ thành Thăng-long cuối triều Lê, chứ không phải bản đồ Phượng-thành thời bắc-thuộc.

Sang đến bản đồ mà tác-giả cho là bản đồ thành Thăng-long triều Lý thì ta thấy ngay rằng đây là bản đồ phác họa thành Hà-nội triều Nguyễn. Chính lời chú mà tác-giả ghi ngay ở số 1 nói rõ là « thành nội Hà-nội ». Xin nhớ là tên Hà-nội chỉ

xuất hiện trong triều Minh - mệnh nhà Nguyễn. Và chẳng, những kiến-trúc và những tên dùng ghi bản đồ đó chứng minh rằng đây là bản đồ thành Hà-nội đời Nguyễn, ít ra cũng sau triều Thiệu-trị, chứ không phải thành Thăng-long triều Lý.

Trước hết, ở số 8, ta thấy đền chùa Trấn-bắc. Theo tài-liệu của ông Sở-Cường nói trên kia, chùa Trấn-bắc mãi đến triều Trần mới có, vậy không thể có trong bản đồ triều Lý được. Rồi đến đền Ngọc-sơn (số 14) đền này không có trong đời Lý và mãi triều Hậu-Lê mới nhân nền cũ của cung Khánh-thụy của chúa Trịnh mà dựng nên. Nhất là về tên cửa Ô Yên-phụ. Làng Yên-phụ, trước triều Thiệu-trị tên là làng Yên-hoa, triều Triệu-trị về sau đổi tên là làng Yên-phụ, vì chữ Hoa là quốc húy. Vậy thì bản đồ ấy không thể là bản đồ thành Thăng-long triều Lý được, mà là một bản đồ triều Nguyễn.

Sau khi nhận xét như thế, nay xác định lại là bản đồ thành Thăng-long triều Lý, chính là bản đồ thành Hà-nội triều Nguyễn.

Thành thử, những suy-luận của tác-giả căn-cứ trên hai bản đồ đó đều không đúng được. Tác-giả viết : « Ta thấy rằng lối kiến-trúc cũ của Tàu dựng cái thành vuông, dựa lưng vào sông Tô-lich và cách xa hẳn sông Nhị-hà, không tiện thương mại trong thời bình và rất khó giữ trong thời loạn... ». Đó là tác-giả chê vị trí của Phượng-thành của Tàu. Rồi tác-giả tiếp : « Nhà Lý đã cách-mạng hẳn lối kiến-trúc ấy và bày ra một lối xây dựng mới như màn lưới nhện, giăng từ giữa thành nội tỏa ra khắp mọi nơi... Dân ở ngoài thành,

Vua ở nội thành. Nội thành thì kiến-trúc theo hình bát-quái, các cửa Đông, Tây, Nam, Bắc sắp đặt thật là hợp-lý và đúng hướng chứ không như của người Tàu ». Nhưng thật ra thì thành Thăng-long triều Lý, cũng theo một bản đồ của ông Sở-Cường dùng trong bài « Hà-thành kim tích khảo » nói trên, có hình thức thợ chứ không phải hình bát-quái. Và hình thức ấy còn tồn tại cho đến hết triều Lê, chỉ có các lâu đài cung-diện trong thành là thay đổi từ triều Lý qua các triều Trần, Lê và bị phá trong triều Gia-Long.

Tác-giả nhận xét : Nhìn kỹ và so sánh hai bản đồ, ta thấy đời Lý phá hết thành trì cũ của Tàu cùng những điện Nam-giao, những phủ lý mà giữ lại những đền chùa và còn dựng thêm nữa. Đặc-biệt nhất là trường thi ở phía tây thì phá đi đem về phía Đông Nam, Quốc-tử-giám thì đặt văn miếu thờ đức Khổng-Tử... » Vì nhận lầm bản đồ nên tác-giả mới viết thế chứ thật thì trường thi ở phía Tây là trường Hội-thi của nhà Lê, ở trong Hoàng-thành, còn trường thi Hà-nội là trường Hương thi, ở chỗ đặt thư viện trung ương Hà-nội bây giờ, mà đường đó vẫn còn gọi là phố Trường-thi. Quốc-tử-giám gọi Văn-miếu nhưng dân gian vẫn gọi là nhà Giám.

Rồi tác-giả suy-luận tiếp khá nhiều về việc triều Lý đã khéo chọn vị trí thành trì, cung - điện, để rồi nói một câu : « Người ta vẫn cho rằng văn-hóa người Việt - nam chịu ảnh - hưởng sâu xa của Trung-hoa. Bản đồ kiến-trúc thành Thăng-long này đã cải chính lại tất cả ». Nhưng ta không thể thuận thụ lời kết-luận đó, vì cơ sở suy-luận của tác-giả dùng không chân xác.

Kể ra thì tác giả nhận bản đồ thành Thăng-Long đó mà nói dài nữa về những tư tưởng hình nhi thượng của nho-gia nước Việt, về thuật phong thủy thuật kiến-trúc của người ta xưa, những xin miễn bàn đến ở đây vì các vấn đề đó không ở trong phạm vi bài này, chỉ cốt bàn về các sử liệu và vì các lý luận ấy đều căn cứ trên những tài liệu sai nên không tiện thảo luận.

Nhân đây, xin nói đến một bản đồ nữa cũng ở trong quyển II Việt sử tân biên (Trần-Lê thời đại) Tác giả quyển sử có trình bày một bản đồ nước ta xưa. Theo tác giả thì bản đồ ấy là « do hai đại tướng nhà Minh, Chính Nam tướng quân Kiềm Quốc công Mộc-Thạch và Tân-Bình hầu Trương-Phụ phác họa trong niên hiệu Vĩnh-Lạc (1403 — 1424). Là bản đồ đã được quân Minh đặc biệt sử dụng trong suốt thời kỳ chinh phục và đô-hộ nước ta dưới đời Hồ, Hậu Trần và trong giai đoạn chiến tranh với Bình-Định-Vương Lê-Lợi... »

Nhưng xem kỹ bản đồ ấy chúng tôi thấy có nhiều điểm nghi ngờ. Không rõ tác giả thấy bản đồ ấy ở sách xưa nào, để cho là đã do hai tướng nhà Minh họa ra. Chỉ căn cứ vào các tên đất trong bản đồ, đã không tin được là bản đồ ấy do người nước Minh vẽ ra.

Trước hết, một điểm đáng ngờ là tên nước ta viết trên bản đồ ấy. Bản đồ đề ở trên đầu là « Đại-Việt quốc tông lâm đồ ». Nếu thật là do người nhà Minh vẽ ra, không bao giờ họ đề là Đại-Việt quốc. Đối với Trung-quốc, nước ta chỉ là nước An-Nam và có khi trong giấy tờ, người Trung-quốc vẫn còn gọi là nước Giao-chi. Họ ít dùng chữ Việt để gọi nước ta và

nhất là không bao giờ họ lại dùng tên Đại-Việt, vì chữ Đại họ dành để xưng tên nước họ. Chính các triều đình nước ta trong các giấy tờ giao thiệp với Trung-quốc, không bao giờ dám xưng là Đại-Việt hay Đại-Nam. Vậy cứ tên đề bản đồ mà luận xét đã có thể nói không chắc là do người Trung-hoa vẽ ra rồi, và đúng hơn thì phải nhận đó là một bản đồ do người nước ta vẽ ra. Đọc các tên đất trong bản đồ, lại càng rõ là không phải là bản đồ vẽ trong đời Minh thuộc. Trước hết có hai chữ « thừa cai » đi theo tên đất như « Hải-dương thừa cai » mà tác giả chép lại nhưng không giảng nghĩa. Hai chữ « thừa cai » thật không có nghĩa gì cả. Xét ra thì đó là hai chữ « thừa chính », chữ chính khi viết hơi thảo, tự dạng gần với chữ cai, « thừa chính » là tên một chức quan cai-trị, xuất hiện trong triều Lê-Thánh-Tông, đứng đầu mỗi đạo hay mỗi xứ (như mỗi tỉnh ngày nay). Ngày xưa người ta dùng hai chữ tên quan cai trị để gọi khu vực cai trị, như đầu triều Lê-Thánh-Tông đặt chức Thừa-tuyên sứ để cai-trị các địa-phương, mỗi địa-phương nhân đó gọi là một tuyên (nên mới có chữ thập nhị thừa tuyên để nói tất cả đất nước ta trong triều Lê. Xem thư Bắc-Bình-Vương gửi La-Sơn phu-tử : « thực thập nhị thừa tuyên chi đại hạnh giả »). Nhưng với hai chữ « Thừa chính », ta đã có thể kết-luận đây là một bản đồ xuất-hiện trong thời Lê-Thánh-Tông không ? Xem kỹ lại các tên đất thì ta thấy rằng chưa thể được, tuy có các tên đất như Sơn-nam, Sơn-tây, Hải-dương, Kinh-Bắc xuất-hiện từ triều-dại ấy. Nói thế là vì tên đất trong bản đồ còn có những tên đã bị đổi vì quốc huy và do đó ta có thể suy luận rằng bản đồ này được

vẽ ra sau khi các tên ấy đã bị đổi. Trong bản đồ có tên huyện Gia-phúc Thanh-miền (tác-giả phiên-âm lầm ra Thanh-ô). Hai tên này xuất-hiện trong đời Lê Trung-hung, từ đời Mạc về trước, đó là đất huyện Trường-tân. Ta thấy tên huyện Duy-tiên, nếu ta biết tên này là do tên Duy-tân đổi ra, sau khi chữ Tân, tên húy vua Lê-Kính-Tông bị cấm dùng, thì ta thấy rằng bản đồ này ít ra cũng xuất-hiện trong đời vua ấy. Cũng vì lẽ đó mà huyện Tân-phong (phủ Quảng-oai Kiêm-ly) trên bản đồ thấy đề là Tiên-phong (bản đồ viết lầm là Quang-phong). Duy bản đồ cũng ghi sót một vài chữ Tân như huyện Tân-minh, (nay là huyện Tiên-lãng).

Lại đến tên các huyện Thanh-trì, Thanh-oai, trong bản đồ đều viết bằng chữ Thanh là xanh, không có bộ thủy. Hai tên ấy vốn có chữ Thanh là trong, có bộ thủy. Đến khi người ta kiêng mĩ tự chúa Thanh Đô-vương Trịnh-Tráng bèn bỏ bớt bộ thủy. Vậy bản đồ này xuất-hiện sau khi Trịnh-Tráng làm chúa (1623 — 1657).

Duy còn mấy điểm làm khó định rõ được thời-dại của bản đồ là tên An-bang, từ triều Lê Trung-hung về sau, tên này đổi là An-quảng chữ bang tên vua Lê-Ánh-Tông, khi phải viết đến, theo lối viết quốc-huy triều Lê, thường viết trái, bên nọ sang bên kia, hay thêm lên trên mấy nét thập nghiêng ; trong bản đồ vẫn viết đúng chữ bang mà không kiêng. Ngoài ra cũng nên kể đến mấy chữ An-Nam-Long-biên thành, đề vào vị-trí thành Thăng-long. Phải chăng có sự sao chép-luộm-thuộm ? Hai chữ An-Nam thì không làm ta lạ, người dân ta trước đây vẫn quen

xung nước ta như thế, còn đề tên Long-biên thì thật là một sự sai lầm quá đáng của người vẽ bản đồ. Nhưng tên ấy cũng không tỏ là bản đồ đó người Minh vẽ được, vì trong lúc Minh thuộc, họ gọi Thăng-long là thành Đông-quan.

Nói tóm lại, không có chứng cứ gì tỏ rằng bản đồ đó của người Minh vẽ, vả lại có nhiều chứng cứ tỏ là bản đồ đó do người nước ta vẽ ra trong triều Lê Trung-hưng, ít ra cũng vào đời vua Lê-Thần-Tông tuy còn vài tên viết sai lầm ta nghi ngờ, và có thể được giải-thích bằng sự sao chép lầm (như tên huyện Đại-từ ở Thái-nguyên lại

viết là Đại-huệ) hay sự thêm tên vào sau khi bản đồ vẽ đã xong một cách không cần-thận.

Trở lên là một vài diềm hoài nghi về mấy sử-liệu đem ra bàn với các bậc sử-gia cao-minh. Thiết tưởng việc phê-bình ngoại diện các sử liệu đòi hỏi ở người viết sử nhiều thận-trọng, vì tài-liệu không chân-xác ắt là đưa đến những xây-dựng không cơ-sở và những suy-luận sai lầm, di hại rất nhiều cho sử học, và cho người đọc sử.

NGUYỄN-TOẠI

★ Không gì tai hại cho bằng mềm yếu và hèn nhát. Và không gì nhân-đạo cho bằng cương-quyết. Những chế-độ hèn nhát là những chế-độ làm thua thiệt nhiều hơn hết và rút cuộc lại là những chế-độ thường đi tới chỗ trở nên tàn-nhẫn, dã-man hơn hết. Tôi không ưa để một kẻ xuề-xòa dễ-dãi cầm đầu. Xin Trời phù-hộ cho ta có được những bậc lãnh-đạo cương-quyết và ta chỉ đòi hỏi các bậc lãnh-đạo của ta có bấy nhiêu thôi. Không gì nguy-hiểm cho kẻ ở dưới bằng tính tình xuề-xòa, dễ-dãi của kẻ ở trên. (Péguy)

Viên đại-úy ấy thật cứng rắn, thật công-bình, song công-bình một cách nghiêm khắc chứ không công-bình một cách khoan-dung. Không một binh-sĩ nào dưới quyền ông lại tin rằng có thể không làm, hay làm nửa chừng một công việc ông đã giao phó cho, mà ông chịu để cho họ ở yên. Sáng sớm nào ông cũng duyệt lại trung-đội của ông, không để qua mắt một chút gì, mà cũng không dung thứ một cử-chỉ lệch-lạc nào. Nhiều khi cùng đi với ông khi đó, tôi vẫn cho là ông nghiêm ngặt quá và vẫn nghĩ nếu ở địa-vị ông, tôi sẽ hành-động nhu-hòa hơn; đến bây giờ tôi mới thấy là ông có lý... Chính tôi cũng đã từng bị ông chỉnh thật gắt gao, song không bao giờ tôi thấy giận đối ông cả. (A. Bridoux)

KHOA-HỌC HIỆN ĐẠI

* — NGUYỄN-TRINH-DZOANH

ĐƯỜNG lối khảo - cứu khoa - học do Démocrite khởi xướng, đề tìm hiểu thế-giới lý-học, nay đã tiến tới chỗ khám phá ra được nghịch - cốt - tử (anti-proton) và nghịch - trung - hòa - tử (anti-neutron) và nhiều hạt-tử (particule) khác. Những phát-minh đó làm ta tự hỏi : « Giữa những hoạt-động khoa-học bành-trướng mãnh-liệt đầu thế-kỷ hiện-dại và những lý-thuyết khởi-thủy, liệu có gì dính-líu đến nhau ? ».

Thật vậy, xét lại lịch-trình tiến-hóa của khoa-học trong khoảng hai ngàn năm, ta có thể nói không một ngành khoa-học nào được phát-triển đều đều một mạch tới ngày nay, mà trái lại, cũng trải qua những thời-kỳ suy-thịnh, như vận-mệnh một quốc-gia. Trước câu hỏi : « Tạo-vật phải chăng là do các cấu-tử-hạt (constituant corpusculaire) bất-phân-ly hợp thành, hay chỉ là một môi-trường liên-tục (milieu continu) đều đặn », ta có thể trả lời thế nào cũng được, nếu chỉ dựa vào những lý-luận triết-học tổng-quát. Nhờ có suy-luận lý-thuyết lấy khoa-học thực-nghiệm làm nền tảng, mà câu hỏi đó được giải đáp rành mạch. Thật vậy, vấn-đề này được đề-cập tới một cách chín-chắn vào thế-kỷ thứ 17, khi mà Newtons và Huyghens nêu lên hai quan-niệm đối-lập về ánh-sáng. Hai quan-niệm

này đối chọi nhau trong khoảng thời-gian khá lâu. Dựa trên lập-trường lý-luận thì hai bên cùng có lý, kiểu như thuyết-duy-vật và duy-tâm vậy. Cho mãi đến thế-kỷ thứ 19, quan-niệm liên-tục đều đặn về ánh-sáng dường như chiếm phần ưu-thắng. Song cùng khoảng thời-gian, cách đó không lâu, quan-niệm cấu-tử-hạt bắt phân-ly về ánh-sáng được đa số các nhà bác-học công-nhận là hợp-lý, bằng chứng vào một vài nhận xét khoa-học thực-nghiệm. Từ đó, khí-động-thuyết (théorie cinétique des gaz), điện-hạt-thuyết (théorie corpusculaire de l'électricité) và ngay lý-thuyết hóa-học đều được thiết-lập theo quan-niệm này, nghĩa là vật-chất do các hạt-tử vi-phân kết hợp với nhau mà cấu-tạo nên. Nhờ đó người ta mới cắt nghĩa tương-đối dễ dàng sự phân-chia điện-tích của nước (dissociation électrolytique) và nhiệt-hiệu riêng (chaleur spécifique) của chất khí.

Muốn biết lý-thuyết này bành-trướng tiến tới chỗ hoàn-mỹ ra sao, và muốn hiểu thấu để có thể xét đoán một cách minh-mẫn, những phát-minh khoa-học hiện-dại, ta hãy gắng tìm hiểu những biến chuyển liên-tiếp, đi từ tầm kiến-thức này tới tầm kiến-thức khác, trà trộn giữa các quan-niệm liên-tục và bất liên-tục (discontinu), đơn-vị và đa-trùng (multiplicité) v.v...

Một trong những định-luật nguyên-thủy của khái-niệm hạt-tử bất phân-ly là định-luật Avogadro. Định-luật này chỉ là một hậu quả trực tiếp của quan-niệm dùng hạt-tử làm đơn-vị. Do đó những độ lớn lý-học khác, có liên-lạc mật-thiết tới hạt-tử sẽ được dùng làm đơn-vị trong sự đo-lường; thí - dụ : một thể-tích chất-khí trong những điều-kiện khoa-học (áp-lực, nhiệt-độ v.v...) thật xác-định. Dưới cái hình-thức đơn-giản đó, vật-chất ở thể khí chẳng hạn, là kết-hợp của những hạt-tử mà người ta thường gọi là phân - tử. Như vậy, vấn - đề do Démocrite nêu lên hầu như đã được giải - quyết. Song tiếc thay hình-thức đơn-giản này bị phá-hủy ngay khi còn trứng nước, trước khi các nhà lý-học biết cách đập vỡ phân-tử bằng quang-tử (photon) hay bằng sự dụng điện (choc électronique) thật vậy, phe phản đối viện cớ rằng : đáng nhẽ dùng thể-tích làm đơn-vị, nay ta dùng trọng khối làm đơn-vị chẳng hạn, ắt ta suy ra rằng : cùng một khối thể-chất thì phải cùng một số hạt-tử, bất-luận thể-chất đó là thể-chất gì. Những nhà hóa-học đầu thế-kỷ 19 cố công giải thích minh bạch vấn-đề này [hồi đó họ chưa đề ý đến cách cấu tạo phân-tử và động-thuyết (théorie cinétique) các phản-ứng hóa-học]. Kết quả cuộc tìm tòi của họ là phân-tử có thể tách ra thành nguyên-tử và bảng Mendeleef được thành-lập.

Đồng một lượt, các nhà lý-học căn-cứ vào quan-niệm điện-tích (charge électrique) mà nghiên-cứu những cấu-tổ của căn-bản thể-chất; do đó họ tìm ra được cốt - tử (proton) và điện-tử (électron). Trọng khối của cốt-tử nặng hơn điện-tử 1836 lần, điện-tích thì bằng nhau nhưng ngược dấu, một đẳng dương (+), một đẳng âm (-).

Vào khoảng năm 1930, hai hạt-tử này xếp hạng trên bảng theo trọng khối và điện-tích, được coi như là cốt-trụ duy nhất của vạn-vật. Song khi xếp đặt như vậy, các nhà lý-học nhận ngay thấy sự không cân đối trên bảng. Họ tìm cách điều chỉnh lại. Phải chăng sự thích cân-đối hướng dẫn họ mà sau bao lần dò dẫm, tuy bất chắc, họ cũng tìm ra được hai hạt-tử khác là trung-hòa-tử (neutron) và nghịch điện-tử (positron). Thật thế, trừ một vài liên-tưởng táo bạo của nhà bác-học Rutherford, ta không thấy một nhà lý-học nào tiên-luận về hai hạt-tử trên, suốt trong thời-kỳ khảo-cứu của họ. Vì vậy ta không lấy làm ngạc-nhiên khi thấy những khung trống trên bảng các hạt-tử căn-bản, hàng bao năm không được điền thêm. Những lý-lẽ làm sát-nhập được trung-hòa-tử và nghịch-điện-tử vào lý-học tưởng cũng nên được phân-tích rõ ràng. Trường-hợp nghịch điện-tử là một thí-dụ cụ-thể về việc theo luận-lý mà tiên đoán một vật ẩn-hình. Sự tiên-luận về hạt mai-dông (méson) của nhà bác-học Nhật-bản Yukawa, được phần thưởng Nobel về sự khám phá này, cũng là một bằng chứng thật xác đáng vậy.

Theo cơ-học tiên-nguyên-lượng (mécanique préquantique), bất cứ hạt-tử nào chuyển-động cũng đều rập theo phương-trình cơ-bản của động-lực học cổ-diễn. Trọng - khối, điện - tích và mô - men - từ (moment magnétique) chỉ là ba thông số trừu-tượng để biểu-dương cường-lực do từ-điện-trường (champ électromagnétique) và trường-trọng-hấp (champ de gravité) chung quanh gây nên mà thôi. Như vậy, chúng ta chỉ cần xác-định hai thông-số, còn thông-số thứ ba thì muốn chọn thể nào cũng được, mà không phạm-lỗi với lý-

thuyết tiên-định. Hai nửa theo cơ-học cổ-điển, ta lại rất có quyền quan-niệm sự đa-trùng liên-tục các hạt-tử, thành thử trái với sự thiên-nhiên của tạo-vật như ta đã thấy ở trên. Trong tình-trạng này, ngay cơ-học nguyên-lượng (mécanique quantique) cũng không hoàn-toàn hiệu-lực để giải thích rõ ràng. Mãi cho đến khi thuyết-điện-tử của Dirac ra đời, bấy giờ người ta mới tìm ra giải-pháp. Thật vậy, phương-trình ông đào tạo nên trong những điều-kiện thật tổng-quát (sự không thay đổi dạng-thức trong phép biến-hóa của Lorentz, đơn-giản cực độ v, v...) cho phép ta có thể tiên đoán sự hiện-diện của :

1.— Mô-men-tử

2.— xoay-bia bán phần $\left(\text{spin } \frac{1}{2} \right)$

3.— nghịch-điện-tử (cùng trọng khối nhưng điện tích ngược dấu)

Thuyết điện-tử này lúc mới khởi xướng cũng gặp nhiều phê-bình không tiếc giấy. Trong giới khoa-học nhao nhao, tỏ vẻ rất ngờ vực sự hiện-diện hạt nghịch-điện-tử, cho mãi đến khi khoa-học thực-nghiệm chứng thực được hạt này mới thôi.

Từ đó quan-niệm về cặp hạt-tử và nghịch-hạt-tử dần dần được áp-dụng rộng rãi hơn vào sự khám phá các bí hiềm của tạo-vật do những phương-trình xác-định. Tiện đây ta cũng nên nhấn mạnh rằng : sự khám phá ra nghịch-cốt-tử năm 1955 và nghịch-trung-hòa-tử năm 1956 không phải là sự tình cờ, mà trái lại, được tiên đoán trên lý-thuyết từ lâu, song không chắc chắn lắm vì phương-trình sóng (équation d'onde) chưa được thiết-lập.

Nguyên-lý điện-tích đối xứng có lẽ đạt tới thời-kỳ thịnh, nên trong số những bình-

luận triết-học, đầu đầu cũng đều được cảm-tưởng đẹp đẽ, và ngay phái duy-vật biện-chứng cũng tán thành là hợp-lý. Tuy nhiên đối với các nhà vật-lý-học, những lý-luận khách-quan của phái triết-gia chỉ là hời-hợt, vì nhẽ ra họ phải phát-biểu ý-kiến thiết-thực về mặt thật sâu xa của tạo-vật, ngõ hầu góp phần vào việc mở một kỷ-nguyên mới cho sự tiến-triển khoa-học, chứ có đâu chỉ bàn xuông về sự thật hầu như đã hiển nhiên. Trước kiến-thức khoa-học tân-bộ hiện-thời, những lời đẹp câu hay không còn đủ sức mạnh hấp-dẫn nữa, vì mặt thật của tạo-vật vừa được khám phá ra, chưa kịp kết hợp trong tiềm-thức của con người. Thật vậy, những bí-hiềm của thế-giới bao la vô-tận, liệu có thể nào biểu diễn tóm tắt bằng một phương-trình tổng-quát, xếp đặt trước được chăng, trong khi mà một phần lớn còn do sự khảo-cứu bất chợt khám phá ra. Những nhà vật-lý-học không công-kích gì phái triết-gia, trái lại rất mong rằng họ xác-nhận đùm những liên-quan giữa « đồ vật », và « sự kiện », cũng như giữa « hình-thức toán-học » và « thực-tế » vậy.

Trở lại vấn-đề trên, ta nhấn mạnh thêm tính-cách đặc biệt của liên-hệ hạt-tử và nghịch-hạt-tử là có thể biến đi dễ dàng chỗ cho sự xuất-hiện hạt-tử mà trạng-thái khác hẳn. Trái lại hai điện-tử đụng nhau chỉ có thể hoặc bị nảy ra, hoặc tạo nên cặp điện-tử và nghịch-điện-tử, tùy theo động năng (énergie cinétique) nhiều hay ít. Cũng như hai cốt-tử chạm nhau có thể tạo nên bộ ba : một cốt-tử, một trung-hòa-tử và một mai-dông π .

Đề tổng-quát luật bảo-tồn điện-tích, các nhà vật-lý-học giả-thuyết rằng : hiệu số giữa hạt-tử và nghịch-hạt-tử là một số

không thay đổi. Tuy nhiên giả-thuyết này mới được thành-lập theo kinh-nghiệm chứ không có gì vững vàng lắm.

Trong thời-kỳ lý-học cổ-diễn đang thịnh, tạo-vật đã bao lần được coi như là chia ra thành nhiều « Trường » liên-tục, có nhiệm-vụ điều-hòa và lưu-truyền những giao-động (interaction) giữa các hạt-tử thể-chất bất liên-tục. Ngày nay, sự liên-tục và bất liên-tục được sát nhập vào một cảnh-giới khác. Thật vậy, điện-từ-trường chẳng hạn, được coi như là một tổng-hợp các quang-tử có mang năng lượng, xung-lực (impulsion) và cả xoay-bin nữa. Tác-dụng quang-điện (effet photoélectrique) và hiệu ứng Compton (effet Compton) là những bằng chứng thực-nghiệm thật rõ rệt để chứng-minh điều đó. Tuy nhiên loại « Trường » này được xác nhận trong khoa-học như là một loại sóng, bởi vì trong các cuộc thí-nghiệm người ta nhận thấy như các chùm mang quang-tử có năng-lượng yếu ớt vậy. Trái lại những mai-dông π là những quăng-ta (quanta) của hạch-trường (champ nucléaire) chỉ hiện hình bằng những vết trên kính ảnh, hoặc bằng đường quỹ-đạo trong từ-trường (champ magnétique). Chúng thật là giống loại hạt đến nỗi người ta phải hơi ngần ngại khi muốn quan-niệm là « Trường » như trường-hợp quang-tử.

Về vấn-đề này ta cũng nên đề-chứng những tư-tưởng theo kinh-nghiệm, muốn đặt mai-dông π cùng hàng quan-trọng với điện-tử và hạch-tử (nucléon), và coi mai-dông như là một trạng-thái kích-thích của những hạt-tử nhẹ. Quan-niệm này chắc chẳng thể nào đứng vững. Thật vậy quăng-ta một « Trường » và những hạt-

tử liên-hệ tới, là hai thứ không thể khả ước với nhau được. Những điện-tử chẳng hạn có thể trao đổi với quang-tử (thí-dụ tác-dụng quang-điện) nhưng một quang-tử hoặc một điện-tử không thể trao đổi với những quăng-ta của một ăng-trường (champ inconnu). Trường-hợp mai-dông và hạch-tử cũng tương tự như vậy.

Muốn cho dễ hiểu, ta thường tạm hình dung hạch-tử là nguồn gốc mai-dông, cũng như điện-tích là nguồn gốc điện-từ-trường. Song ngôn-ngữ thường dùng có thể làm cho ta hiểu lầm, và do đó sự phân-biệt về phạm vi giữa quăng-ta của « Trường » và hạt-tử nguyên-sơ (particule élémentaire) phải hủy-bỏ hay ít ra cũng giảm đi một phần lớn trong lý-thuyết nguyên-lượng hiện thời, để nhường chỗ cho sự phân-biệt về lượng. Đối với các nhà vật-lý-học, hai vật ở hai thể-tính khác nhau là vì có hai lượng khác nhau: thí-dụ, quang-tử và mai-dông là những bosom có xoay-bin toàn phần; còn điện-tử và hạch-tử là những phách-mông (fermion) có xoay-bin bán phần. Rồi căn-cứ vào đó người ta mới đi đến phân-xạ sau.

Như ta nhận thấy, lý-thuyết khoa-học phần nhiều trải qua chỗ mâu-thuẫn đến chỗ dung-hòa, biến-hóa luôn luôn cho hợp với quan-niệm mới mà không quên lấy thực tại làm nền tảng. Cũng giống như là ba-thuyết (théorie ondulatoire) và hạt-thuyết (théorie corpusculaire), sau một hồi nghịch nhau kịch-liệt nay cũng đã dung-hòa với nhau rất nhiều, mặc dầu về phương-diện trình-bày vẫn còn nhiều chỗ khác nhau. Đề án về phụ-phép

(complémentarité) do nhà lý-học Bohr khởi xướng cũng vậy ; một hồi được đại đa-số giới khoa-học tán-tụng, nay cũng hầu như bị quên lãng, vì những quan-niệm bộc phát ngày một tân-tiến và mới mẻ của lý-học hiện-đại.

Chúng ta vừa lược rất nhanh lịch-trình tiến-hóa của khoa lý-học cơ-bản. Một định-luật hiển-nhiên làm ta phải suy nghĩ là :

ngay những cấu-tổ li-ti của vạn-vật cũng cần phải có sự đối-nghịch để tìm thế quân-bằng. Trong đời, biết bao nhiêu là mâu-thuẫn làm ta vô đầu nát óc. Phải chăng định-luật này đã tổng-quát và tìm thấy lẽ sinh-tồn trong sự sống của loài người.

NGUYỄN-TRINH-DZOANH

★ Có những kẻ muốn đưa mình lên với bất cứ giá nào, mọi phương-tiện có thể dùng để đưa mình lên và hạ kẻ khác xuống, đối với họ, đều là tốt cả. Họ lợi-dụng mọi dịp để đim bạn hữu và làm tăng giá-trị của họ lên, cùng lấy cái hay, cái tốt của người để đề cao mình. Khi một kẻ cầm đầu để cho những hạng người ấy ảnh-hưởng đến được và khi người dưới kẻ cầm đầu thấy rằng muốn được thăng tiến cần phải bắt chước những hạng người ấy chớ không cần phải làm việc một cách có lương-tâm, thì tự nhiên mọi sự sẽ đảo lộn hết ; mỗi người sẽ chỉ làm nguyên có phần việc của mình, sẽ giấu-giếm mọi sự đối với bạn bè cùng sở và cũng sẽ tìm cách lập mưu, lập chước như mọi người khác. Cuộc cộng-tác lý-tưởng sẽ biến thành hiềm nghi, thành cạnh-tranh ngầm để đối chọi nhau, lừa gạt nhau và loại trừ nhau ; hòa-khí sẽ đi tới chỗ tiêu tán hết sạch.

« Thần minh tựa kẻ thắng trận, Caton tựa kẻ thua trận »

Thi-hào Lucain, trong thi phẩm « la Pharsale » diễn trình lại cuộc tranh-đấu giữa César và Pompée. Khi tới đoạn César thắng Pompée, và Caton vẫn giữ một lòng trung trinh son sắt với Pompée, Lucain viết nên một câu bất hủ mà sau này Racine trích dùng nguyên-văn làm thay một câu thơ trong vở kịch « les Plaideurs » : « *Victrix causa diis placuit, sed victa Catoni* » (Thần minh tựa kẻ thắng trận, song Caton tựa kẻ thua trận), có ý ca tụng Caton khi đã thuận theo chính nghĩa thì thuận theo đến cùng, cả những lúc chính nghĩa ra chiều như bị thất thế.



VI

Nói truyện Tam-Quốc

Sau cùng là quan-niệm « nghĩa-khí ». Ngay trong hồi thứ nhất, tác-giả đã mở đầu bằng « Tiệc Vườn đào, ba hào-kiệt kết-nghĩa ». Và từ đó cho đến hồi 82, tác giả luôn luôn đặc biệt chú ý đến nghĩa kim băng gắn bó giữa ba anh em Lưu, Quan, Trương « tên họ khác nhau, ... tuy không đồng sanh, nhưng nguyện đồng-tử »

Đề đề-cao « nghĩa khí đó, cố nhiên là tác-giả có khoa-tương hoặc bịa đặt thêm, nhưng không phải là hoàn-toàn không căn-cứ vào lịch-sử.

Tam-Quốc chí, Thục-chí, Quan-Vũ truyện có đoạn :

« Tiên-chúa chiêu-tập chúng dân trong
« hương-lý, có Quan-Vũ và Trương-Phi
« phò tá, ... Tiên-chúa cùng hai người
« đồng tịch đồng sàng, đãi như anh em
« ruột thịt, vào nơi đông-đảo, (hai người)

LUẬN NHÂN-VẬT ĐỜI TAM-QUỐC

(tiếp theo B.K. số 66.)

NGUYỄN-HUY-KHÁNH

« đứng hầu cả ngày, chẳng hề khó nhọc
« nguy hiểm mà phò Tiên-chúa. »

Năm Kiến-an thứ năm, Tào-Tháo đánh bại Lưu-Bị, Quan-Vũ hàng Tào. Tào đã lấy lễ « mã đãi tất hậu », nhưng Quan-Vũ vẫn nói với Trương-Liêu rằng :

« — Tôi biết Tào-Công đãi tôi trọng hậu, nhưng tôi đã thọ ơn Lưu-tướng-quân rất nặng, cùng thề đồng-tử, không thể nào bội-bạc được, tôi chẳng sao lưu lại đây đây, tôi muốn lập công để báo nghĩa cho Tào-Công rồi ra đi (Tam-Quốc chí, Quan-Vũ truyện). Quả nhiên, sau khi chém Nhan-Lương, Quan-Vũ liền « niêm phong tất cả đồ-đạc của Tào ban-thường, để thơ báo biệt mà qua phía Viên-quân tìm Tiên-chúa » (cũng trong thiên tiên)

Sau khi Quan-Vũ bị hại, xét về tình-hình Thục-Hán bấy giờ thì không thể nào đánh Ngô được, vì vậy, Triệu-Tử-Long, Khổng-Minh, Tần-Bí và triều-thần hết sức

gián-can, nhưng Lưu-Bị vẫn nhứt-quyết hưng binh báo-cừu. Về việc này, Tam-Quốc chí, Ngụy-chí, Lưu-Hoa-truyện có chép :

— « Năm Hoàng-sơ nguyên-niên (tức « Ngụy-Văn-Đế Tào-Phi)... chiếu hỏi « quân-thần liệu Lưu-Bị có thể vì Quan-Vũ mà hưng-binh phạt Ngô chăng ? « Quân-thần nghị tâu : Thực là nước « nhỏ, danh-trưởng chỉ có Quan-Vũ, nay « Vũ đã mất, binh bị phá, trong nước « còn đang lo âu, không lẽ lại dám xuất « binh » Chỉ có Lưu-Hoa tâu : « Thực tuy « nhỏ yếu, nhưng mưu-đồ của Bị là muốn « lấy uy-vũ mà tự-cường... Và lại Quan- « Vũ và Bị, tuy nghĩa là quân-thần, nhưng « tình như phụ tử, nay Vũ đã thác mà « không hưng-binh báo-thù thì sao tròn « chung-thủy. »

Thực-chí, Tiên-chúa truyện cũng viết : « Tiên-chúa giận Tôn-quyền phục-binh bắt giết Quan-Vũ, sửa-soạn đông-chính, tháng bảy mùa thu bèn thống-lãnh chư-quân phạt Ngô. Tôn-quyền gửi thư cầu hoà, Tiên-chúa cả giận không chịu. »

Lưu-Bị vốn là một vị anh-hùng tột chúng, lẽ nào xét đoán sự việc không bằng Tào-Bị, Triệu-Vân mà mưu-sĩ dưới tay Tào-Phi sao ? Nhưng, sở dĩ họ Lưu bắt chấp tất cả, nặng-nặng xuất binh, là vì, đúng như lời Lưu-Hoa « Vũ đã thác, nếu không hưng-binh báo-cừu, thì sao cho tròn chung-thủy. » Dĩ nhiên là còn có thể vì nhiều lý-do chính-trị, quân-sự lớn-lao khác nữa, nhưng lý-do phục-thù cho Quan-Vũ vẫn là một động-cơ quan-trọng.

✱

Năm được gần ấy sự thật, tác-giả mới vẽ-vời, thêm-thắt, « văn-nghệ-hóa » thêm

đề lồng vào quan-niệm « nghĩa-khí » của mình. Tỉ như :

Chuyện « vườn đào kết-nghĩa » vốn không thấy chép trong lịch-sử, nhưng dựa theo sự suy-luận của dân-gian, nếu ba anh em Lưu, Quan, Trương không « kết nghĩa ăn thề » thì làm sao đồng sanh đồng tử với nhau như thế được ? Hơn nữa, dưới thời-đại phong-kiến, việc « uống huyết ăn thề » vẫn là hình-thức thông-dụng của dân-chúng dùng để tổ-hợp những người cùng chí-khí. Chữ tín-nghĩa do đó đã thành một tiêu-chuẩn đoàn-kết, một mỹ-đức của nhân-dân. Những nơi nghị việc của các thảo-dã anh-hùng đều được gọi là « Tự-Nghĩa - Đường » hoặc « Trung - Nghĩa - Đường. » Vì thế, chuyện « sát bạch-mã tế thiên, tru hắc-ngưu tế-địa » tuy không có chép trong lịch-sử, nhưng cũng vẫn có thể xảy ra. Hơn nữa, chuyện này cũng không phải hoàn-toàn do La-tiên-sinh sáng-tạo, mà phần lớn là dựa theo truyền-thuyết của dân gian. Lương-Chương Cự đời Thanh đã viết trong « Qui-Điều-Toà-ký » rằng :

« Chuyện tích Quan-Tây chép rằng người Giải-Lương (Phổ-châu) Quan-Công vốn không phải họ Quan. Lúc thiếu thời, sức mạnh vô song. Không thể kiếm thức, cha mẹ mới nài giận nhốt vào một gian nhà trống sau vườn. Một đêm, vừa vượt ra khỏi cửa, xảy nghe bên tường đông có tiếng con gái kêu khóc thảm-thương, lại có người già khóc theo, bèn lấy làm lạ đến gần mà hỏi người già đáp : « con gái tôi đã hứa gả cho người rồi, nhưng em vợ của quan huyện nghe nó có sắc, muốn cưới về làm thiếp, tôi đi cáo quan, lại còn bị mắng chưởi thậm tệ, nên về đây mà khóc với nhau. » Công nghe

nói cả giận, xách gươm đến đình huyện, giết Huyện-quan và em vợ y rồi trốn đi... theo hướng đông, đi đến Trác-Châu nhằm lúc Trương-Dạ-Đức bán thịt tại chợ, chỉ bán đến trưa, từ trưa trở đi, đem thịt treo giữa giếng, rồi nhấc một tảng đá nặng trên năm trăm cân đặt lên, và thách rằng : « Ai nhấc nổi tảng đá lên thì cứ mang thịt đi. » Công vừa đến, nhấc tảng đá lên như cầm viên đạn, rồi xách hết thịt đem đi. Trương chạy theo kịp, cùng nhau giành giật, chưa phân thắng bại, thì Lưu-Huyền-Đức đi bán giày cũng vừa tới, can hai người ra. Ba người cùng đàm-dạo, chí-khí tương-đắc, bàn kết nghĩa đào-viên, v.v...

Và tác giả lại thêm :

« Những lời thuật phần nhiều hoang-đường không dựa theo sách vở vào cả. Người viết «diễn-nghĩa» (tức truyện Tam-quốc) chẳng biết có lấy từ đó chăng ? »

Về xuất-thân của ba anh em Lưu, Quan, Trương tác-giả cũng cố tả cho hơi gần nhau, Lưu-Bị thì « dệt chiếu, bán giày », Trương-Phi « bán thịt bán rượu », Quan-Vũ « giết người đi trốn ». Thậm chí Tam-Quốc-chỉ bình-thoại còn bảo ba người đã từng lên Thái-Hành-San làm nghề « đón đường mượn tiền mãi-lộ ».

Đoạn « treo án phong vàng », Tam-Quốc-chỉ chỉ chép đơn giản. Nhưng tác-giả Tam-quốc Diễn-Nghĩa muốn đề-cao nghĩa khí của Quan-Vũ, nên không ngại tạo ra hai hồi « Hôn-Thọ Đình-Hầu năm ai chém sáu tướng », và « chém Thái-Dương anh em hết hồ nghi » (hồi 27,28).

Đến hồi « Gia-Cái-Lượng trí-toán Huê-Dung, Quan-Vũ-Trương nghĩa thích Tào-Tháo », thì chữ « tương nghĩa như

son » của Quan-Vũ lại được tác-giả hết sức tô đậm. Theo tác-giả, người nghĩa chẳng những trung-thành với anh em mình, mà đối với mọi người cũng đều phải « ân-oán phân minh ». Có lẽ thấy giết Văn-Xú, chém Nhan-Lương, giải vây nơi Bạch-Mã, vẫn chưa đủ cho Quan-Vũ trọn vẹn ân tình với Tào-Tháo đã « thương mã để kim, hạ mã để ngân, » v.v.. nên tác-giả mới bố-tri thêm hai hồi này để cho người sau không còn có chỗ nào trách cứ Quan-Vũ được. Hai hồi này tuy giả-tạo, nhưng tỏ lòng vì ân vì nghĩa của Quan-Vũ thì thật tài-tình :

« Nguyên Văn-Trường là người trọng nghĩa như son, nhớ tới ơn trước thì đã xiêu lòng, lại thấy binh Tào khép-nếp rơi lụy thì trong lòng chẳng nở... Lại thấy Trương-Liêu giục ngựa vừa đến... càng động lòng cố-cựu, than dài một tiếng thày đều tha ráo. »

Hành-dộng đó, đối với sự nghiệp của Lưu-Bị chỉ đáng kết án, chứ đâu đáng ca-ngợi. Thế mà La-Tiên-sinh lại đề cao, có phải chăng vì ông đã quá trọng chữ nghĩa ?

Trong hồi thứ 15, Trương-Phi say rượu đến nỗi bị Lữ-Bố đoạt mất Từ-châu. Khi gặp Lưu-Bị, Phi muốn rút gươm tự-vận, thì Lưu-Bị liền khuyên :

« Người xưa có nói : Huynh-đệ như thủ-túc, vợ chồng như y-phục. Y-phục rách còn có thể vá, chứ tay chơn lìa làm sao nối lại được ? Ba anh em ta kết-nghĩa nơi vườn đào, tuy không đồng sanh, nhưng nguyện đồng-tử. Nay tuy mất thành-trị gia-tiêu, nhưng sao lại có thể khiến anh em nỡ dưng mà lìa nhau ? Huống chi, thành-trị vốn không phải của ta, gia-quyển tuy bị vây nhưng Lữ-Bố chắc không mưu-hại.

vẫn còn có kế cứu được. Hiền đệ lỗi lầm chút đỉnh mà lại nỡ liều thân hay sao ? » Nói rồi bèn khóc oà.

Trong hồi 78, khi Lưu-Bị nghe tin ba cha con Quan-Vân-Trường bị hại thì :

«... ngã ngựa xuống đất bất tỉnh nhân-sự... một ngày khóc chết giấc đến năm bảy lần, ba ngày không biết cơm nước chi hết, chỉ nằm mà khóc hoài, khóc đến nỗi lệ ướt cả xiêm y, khóc đến nỗi chảy máu mắt và lại nói :

« Thuở trước ba anh em ta kết-nghĩa nơi vườn đào, thề đồng sống thác với nhau. Nay em ta là Vân-Trường đã mất rồi, lẽ đâu ta ở lại một mình mà hưởng giàu sang cho đành ? »

Hồi 81, tả lúc Lưu-Bị quyết vì Quan-Vũ phạt Ngô thì :

« Nếu trăm trả thù cho nhị-đệ không được thì dù cho có muôn dặm giang-san đi nữa, cũng không sang gì. »

Còn Trương-Phi khi nghe Quan-Vũ bị hại thì cũng :

«... ngày đêm khóc hoài, đến nỗi chảy máu mắt, ướt đầm-dề cả vạt áo... mỗi ngày cứ day qua hướng nam nghiêng răng

trợn mắt mà mắng chửi không thôi... và nóng-nảy đánh-đập binh-sĩ, thúc-hối may tang phục đến phải bị họ oán hận giết chết.

Phần Lưu-Bị thì sau khi phạt Ngô thất-bại, lui về đóng tại Bạch-Đế-Thành rồi cũng buồn rầu sanh bệnh mà thác.

Rõ ràng là « tuy không đồng sanh, nhưng nguyện đồng-tử. »



Tóm lại, trong Tam-Quốc Diễn-Nghĩa, ba quan-diêm chính của tác giả là :

- nhìn-nhận Lưu-Bị là chánh-thống,
- mong muốn chúa thánh tôi hiền,
- ca-tụng nghĩa-khí.

Xét cho kỹ, những quan-diêm đó có chỗ không đúng, mà cũng có chỗ phù-hợp với ý-thức của trăm họ một thời.

Nhưng, điều mà chúng ta cần chú-ý nhất là chính vì dựa theo các quan-diêm đó, mà khi viết Tam-Quốc Diễn-Nghĩa tác giả đã có phần nào làm méo mó sự thật, khiến cho đời sau có thể hiểu cục-diện và nhân vật đời Tam-quốc không được chính-xác cho lắm.

NGUYỄN-HUY-KHÁNH

✧ Có những kẻ cộng-tác rất nguy-hiểm, càng nguy-hiểm vì khó nhận ra. Đối với người trên thì đon đả, chiều dãi, phục tùng, lúc nào cũng đồng ý và thiếu hẳn nhân cách. Đối với người dưới thì tàn-nhẫn, cãi đạp, xa cách, nghi hoặc. Họ không bao giờ muốn cho kẻ khác thành-công. — Chính chỗ này là chỗ kẻ cầm đầu phải tỏ ra sáng suốt một cách cương-quyết. Phải biết đánh giá người theo chân giá-trị và không để mình mù quáng vì cái nhanh nhẩu, cú lồn của kẻ này, kẻ nọ.

ĐIỂM SÁCH

✱ NGUYỄN-PHÚ

Tác-phẩm : Trăng treo đầu súng
Tác-giả : Tường-Linh
Nhà xuất-bản : Quân-đội



TRONG những ngày tàn tạ của mùa thu xứ nóng, người ta bắt chợt một vầng trăng sáng treo trên đầu súng Tường-linh. Thoạt tiên, người ta muốn nghĩ đến một vầng trăng khuyết. Sự muốn này không phải xuất-phát từ một mối bi-quan sẵn có về các nhà thơ hiện tại hay một thành kiến lâu năm đối với những vầng trăng tỏ thường bị chia đôi để soi gỏi chiếc, dặm trường. Nhưng nghĩ rằng một tấm nguyệt tròn đầy đặn khó lòng treo trên đầu súng lắc-lư theo nhịp quân-hành. Hơn nữa, Tường-Linh — như nhiều người đã biết — vốn không phải là nhà ảo-thuật.

Nhưng, quả đây là mảnh trăng tròn. Không phải là trăng của những mùa thu cú hắt hiu đôi lá ngô-đồng, thăm-thăm một vầng giếng nguyệt, xạc-xào muôn vạn thanh - âm hỗn - loạn mà đôi bờ tai ngỡ-ngác của con nai rừng lạc lối đang cố nghe về... Đây là trăng của thu này, trăng dậy từ lòng sự sống, trăng lên giữa độ tâm tình, xao-xuyến bao niềm khát vọng. Trăng đây là trăng của lòng người, không phải của lòng vũ-trụ. Suốt trong tác-phẩm, Tường-Linh không hề nói đến mặt trăng như những kẻ rảnh rỗi chán đời vọng tình chi

nguyệt. Nhà thơ cũng chưa từng đem trăng xuống dưới trần-gian để làm chiếc đèn độc-nhất tỏa sáng cho một miền quê chan chứa thương-yêu.

«Trăng treo đầu súng» chỉ là mảnh trăng tượng - trưng gài lên mũi thép, một vẻ huyền ảo sáng soi một nét kỹ-hà, cái tinh-thần mơ - mộng của con người tình cảm thoát lìa từ một cảnh sống có tồn-chức, giới hạn giữa những hàng rào dây kẽm,

Dưới màu trăng ấy chúng ta đã theo Tường - Linh đi lan man qua nhiều nẻo quê-hương. Ta đi xuống núi, ta trở lại làng, thăm một xóm nghèo, ghé một xóm quê, rồi dắt nhau tìm về mùa xuân Cao-nguyên để dự hội Hoa-dãng Rừng thẳm. Trên những dặm đường đất nước ta bỗng bùi ngùi nhớ người mẹ già trong mùa hoa cải, nghĩ đến một chiều quê ngoai xa xưa, và thương về một người em xứ Quảng. Thình thoàng lòng bỗng rộn lên một niềm sống mạnh dạt dào, khi cánh gió quay rồi ta bỗng thêm khát không - gian và nhấn tròng-dương với vợ mà gởi tình ngây ngất về một cuộc « sống ngang tàng » ở « nơi bến lạ bờ xa... » Nhưng trở về với thực tại, với nếp cảm-nghĩ bình thương

lòng ta lại ngẩn ngơ khi buổi chiều về, luyến lưu những nét đơn sơ tươi đẹp của thiên-nhiên, hướng về những kẻ đợi chờ... Trường-Linh đã cho ta cái cảm giác chèo trên dòng biếc, đi giữa nắng vàng và đâu đây tiếng hát hò-lơ quen thuộc vang lên giọng nói quê hương. Trong tâm tư sâu kín của con người khát khao một nguồn sống mới luôn luôn di-chuyển trên các nẻo đường xứ sở đã bay đi những gì là trầm-trệ của lối sống ao-tù, và bản năng không được nuông chiều đã mất đi những thói lộng hành, tình cảm lại trở về nguyên vẹn với ta trong nếp cảm nghĩ dịu hiền, tươi sáng giúp ta cảm thông bao nhiêu cảnh sống bên ngoài.

Qua những chuyến đi êm đềm như vậy ta thấy được ít nhiều phương diện của thi-lực Trường-Linh. Điều đáng kể trước hết là cái chiều hướng của một tâm hồn ý-thức được sự sống, đã nghiêng về ánh sáng, và tìm trong khoáng đạt, lành-mạnh những nguồn sinh tố để trường thành. Qua tâm hồn ấy người ta bắt gặp một vài bóng dáng của lớp người trai trẻ mà chúng ta muốn gặp, lớp người trải qua hoặc chừng nào đã chứng kiến những đau thương dân-tộc nhưng không muốn trở thành những nạn nhân bi-thảm. Lớp người này không phải là chủ nhân ông của cuộc đời đang lớn mạnh — thực ra ai lại chẳng là chủ nhân trong giới hạn của mình? — nhưng họ có sẵn những yếu-tố hồn-nhiên trong trắng để cuộc sống trông mong. Họ đã giữ mình để khỏi bị cuộc đời ngày xưa hủy hoại và ngày nay họ đang cố gắng để khỏi biến mình thành một chất độc mà hủy hoại cuộc đời. Ta thấy cái ý-thức con người trong họ được bảo vệ và sẵn sàng gởi trao nơi trợ những mối tin yêu.

Kề ra tình yêu của Trường-Linh cũng lắm vẻ, nhiều màu thoát được cái khuôn sáo đơn điệu của những bản năng thêm khát tình yêu hạ-cấp. Đôi khi thấy nhà thơ dừng lại quá lâu ở các nẻo quê-nhà người ta tưởng mình bắt gặp một người quen cũ trong ca-dao « ta đứng ngó sau » cứ lệ chiều chiều. Nhưng không, Trường-Linh thình-thoảng quay về chốn cũ nhưng chính anh muốn dẫn ta bước khá xa, bởi vì Trường-Linh thấy rằng con đường anh đi là một đường vui. Nhưng con đường kia thực đã vui chưa? Trường-Linh, qua những bài thơ, trả lời với ta rằng đã vui rồi. Trên con đường bộ « sỏi đá cười theo nhịp bước » (trg 21) trên con đường thủy « Thuở dăng trình không vương rợn tru-tư » « trg 55) và con đường hàng-không « đuổi theo tầng mây, lạc giữa màu xanh ngắt ngắt, như tìm cánh mộng chơi-vơi » (trg 51), ta thấy Trường-Linh nở một nụ cười sáng rỡ và trong khi cười, nhà thơ gần như nhắm tít mắt lại mà đi.

Do đấy Trường-Linh chỉ thấy được có phân nửa tâm tình của tất cả chúng ta.

Đành rằng chúng ta chia sẻ với thi-nhân những niềm vui sống và ngày nay chúng ta ai cũng đều có lý để mà tin-tưởng, hân-hoan. Nhưng đồng thời ai cũng đều có lý để mà cảm thấy âu lo. Nếu chỉ thấy một màu đen xạm hay chỉ là một sắc hồng tươi là không thấy hết cái sắc màu tâm trạng hiện thời, bởi vì lịch-sử, thời-đại, đã tạo cho ta cái cốt dấng tinh-thần như thế, dù muốn dù không chẳng nữa, ít nhiều giờ đây chúng ta cũng khó chối từ. Nhà thơ không nói lên được đầy đủ cái hoàn-cảnh tâm-tình thời-đại thì khó lòng có những vang động rộng rãi và sâu xa.

Vì vậy thi-phẩm của Tường-Linh lối được nửa người ta đi nhưng nửa người vẫn còn dửng-dăng nấn lại. Chúng ta yêu quý những nhà thơ như Tường-Linh nhưng ta muốn thú thật rằng quả tình giờ đây niềm vui vẫn chưa trọn vẹn, làm sao mà cưỡng ép hồn ta nhận rằng *Đời vui như một bài thơ không đề*, (trg 58) trong khi có biết bao nhiêu thi-phẩm không đề đã làm cho người ta héo hon gan ruột? Cho nên trên bước *Đường vui* ta bỗng ngơ-ngàng khi thấy Tường-Linh bảo rằng :

Ta đi về Cao Bắc Lạng

Đường quanh quất nẻo Sông Lô (trg 22)

Bởi vì đến đầu cầu Bến-Hải thì ta đã hết đường rồi ! và ta hoài-nghi khi thấy Tường-Linh cao giọng :

Bài thơ thăm thiết dâng sông núi

Bát-ngát trời xuân ý thuận nghêu
(trg 47)

Trong khi quần-đội — trong ấy có Tường-Linh — luôn luôn phải đề-cao cảnh-giác và ngóng xem từng sự động tĩnh ở các biên-thùy !

Vì vậy ta không chắc rằng Tường-Linh nói đúng khi nhà thơ mô tả *Xóm nghèo* :

Lòng dân hiền hòa chân thật

Thanh-cao tựa ánh trăng rằm

Danh-dự chưa bao giờ mất

Tâm-hồn xa vực tối-tăm
(trg 74)

cũng như nói về cái không khí cao-nguyên :

Buôn trúc rượu cần, say lão đảo,

Rừng yêu, suối đẹp thả thơ chơi.

(tr. 66)

★

Chúng ta những lo nhà thơ sẽ sa sập trong đầm lầy công-thức. Nhưng dù ít,

dù nhiều Tường-Linh đã đắm vào rồi. Trong hiện-tình văn-nghệ, không riêng gì ngành thơ, mà hầu như ở khắp mọi ngành người ta có thể bắt gặp hai cái công thức hết sức đậm đà. Đó là *bi-dát hóa* và *thi-vị-hóa sự-thực*.

Hiện-tượng thứ nhất — *bi-dát-hóa sự-thực* — nhằm bóp méo tất cả sự trạng xã-hội làm cho nó trở nên thê-thảm tối-tàn. Những người làm thế nghĩ rằng họ có nhiệt-tâm đối với xã-hội và cho đây là đường lối hiện-thực. Nhưng từ khi yêu cầu văn-nghệ đã có một ít đòi thay thì cái hiện-tượng thứ hai *thi-vị-hóa sự-thực* lại bộc lộ khá nhiều. Lớp người này từ chối cả những khía cạnh trước mắt cứ tự-do diêm phán tô-sơn lên trên sự-thực, nghĩ rằng làm thế vừa có vẻ hợp thời, mà lại mua chuộc được một số quần-chúng sung túc dễ-dãi luôn-luôn tưởng về một dòng suối bạc, một ánh trăng vàng và một nụ cười duyên...

Hai cái khuynh-hướng ấy đã gây ra tai hại không ít cho xã-hội chúng ta. Bi-dát-hóa sự-thực là bôi nhọ tất cả, là phủ-nhận bao nhiêu cố-gắng, là làm tê-liệt mọi lòng tin-tưởng, ngoài ra nó còn làm phát-sinh bao nhiêu tư-tưởng tai hại : chán đời, hoài-nghi, khuynh-hướng tìm khoái-lạc...

Ngược lại, thi-vị hóa sự thực là cố tình che đậy tất cả để đồng lóa với những cái xấu xa đang cần được thấy rõ để tìm cách tẩy trừ tận-gốc. Chưa, có một xã-hội nào hoàn-toàn lý-tưởng trên cõi đời này thì sự phơi bày điều hay cũng như điều dở là một thái-độ cần-thiết miễn là phơi bày không bi-dát hóa để tìm biện-pháp xây-dựng. Chỉ nói những

phía tốt là kiểm hãm sức tiến của xã-hội vì đáng lẽ phải gây cho người những nhận-thức đúng đắn về thực tại để tận tình chung sức hỗ-cứu thì lại tạo cho họ những ảo-tưởng lầm lạc để cuối cùng có thể đưa đến những hiện-tượng hoài-nghi, hiện tượng vô trách-nhiệm hoặc bi-quan một cách thái quá sau khi đã lạc-quan một cách nguy-hiêm.



Người ta thấy rằng Trường-Linh phần nào đã thi-vị hóa cuộc đời. Một thái-độ phần khởi đề tin-tưởng, đề xây-dựng sự sống là cần-thiết nhưng một cái nhìn hời hợt về thực-tế sẽ không gây nên tác-dụng nào đáng kể. Thái-độ yêu mến cuộc đời phải khác với công-thức thi-vị-hóa sự việc. Không thấy được sát đúng những khía cạnh của cuộc sống thì tình yêu sự sống khó lòng mà sâu xa, mãnh-liệt được. Nếu không thoát công-thức thì tình-cảm sẽ khô cạn dần đi bởi vì tác-giả sẽ theo mãi những cái khuôn lấp sẵn mà không tiếp thụ được muôn vẻ sinh-động của thực-tế phức-tạp. Kỹ-thuật vì thế sẽ rơi dần vào ngõ bí-hiêm hoặc xoay quanh trong các lối trùng-lặp. Người ta đã bắt gặp trong tác-phẩm lối gợi tả địa-phương bằng những hình-ảnh tiêu-biểu được trở đi trở lại nhiều lần, nhưng cái khăn tay vẩy mái, những cảnh thiên-nhiên và những nỗi niềm thương nhớ giống nhau... Cái tính chất công-thức ấy làm cho thơ Trường-Linh thiếu một cá tính rõ rệt. Đó là một điều đáng tiếc bởi vì nhiều tác-phẩm của Trường-Linh chứng nhận rằng thi-nhân có đủ bản lĩnh đề tạo lấy cho mình một bản sắc riêng biệt. Còn gì phiền bực cho bằng, trong *Đêm giao-thừa*, đọc 4 câu đầu :

*Đêm nay, đêm ba mươi
Đốt nến đợi giao-thừa
Quê hương chùng lạnh lắm ?
Thôn nghèo run trong mưa !*

(trang 48)

người ta cảm thấy hao hao đôi nét thơ của Hoàng-Cầm trong bài *Tâm sự đêm giao-thừa*, và qua một đoạn tứ tuyệt trong *Xóm nghèo* :

*Ở đây chợ lập trên cồn cát
Mái lá chiều nghiêng bóng tịch dương
Bà hàng vắng khách lìm dim mắt
Rộn rã đầu thôn bãi trống bãi tràng*

(trang 60)

người ta thấy phảng phất những hình ảnh của Bằng-Bá-Lân !

Đến những bài *Khi cánh gió quay rồi* và *Nhấn trùng-dương* với những tiếng u-ú-ù-u và xình xịch không chút gợi-cảm thì người đọc tưởng như gặp lại cái tinh-thần những bài *Chiến-sĩ không-quân*, *chiến-sĩ hải-quân* của Văn-Cao ngày nào.

Có thể nói rằng chỉ những nơi nào Trường-Linh thoát được công thức là y như nhà thơ đã thành tựu. Ta hãy nghe Trường-Linh nói về gia-cảnh của mình :

*Từ sớm cha nằm yên đáy mộ
Một mình mẹ góa với 5 con
Thuyền nghèo, lái yếu trong dòng tổ
Đói rách đề lên 6 mảnh hồn*

(trang 32)

lòng ta bỗng xao xuyến 1 niềm thương cảm. Đây, câu chuyện bên bếp lửa hồng, đậm đà, thân-mật giữa hai nhân-vật của hai miền xứ sở :

— *Tôi ở miền Trung xa xôi
Núi đèo cách trở*

Anh có biết mùa ni ngoài nó
 Gió bắc căm căm
 Nước trắng ruộng đồng
 Mưa triền miên, mưa như cầm chừng dồ
 Anh cười :

— Xứ tui hồng có
 Một năm mưa nắng chỉ hai mùa
 Quê tôi nhiều xoài riêng, măng cụt
 Có cá lóc, cá rùa...
 Vài đồng rượu đế, dưa chua
 Cùng nhau nhậu-nhẹt say sưa một chầu.
 (tr. 29)

Và tấm-tình hoài hương biết bao chân thực, thiết-tha, diễn-tả bằng những nét độc-dáo :

Quê hương tôi
 Bên ni đèo Ai
 Nhấp nhò bóng thuyền Cửa Đại
 Già nua nếp phố Hội An
 Ngũ Hành - sơn năm cụm ngấm sông Hàn
 Chùa non nước trâm tư hương khói quỳên
 Đêm Đà-nẵng vọng về cơn sóng biển
 Bún chợ chùa thương nước mắm Nam-ô
 Tôi muốn về Trung phước giữa mùa ngô
 Thăm quê ngoại : Đại-bình, cam đỏ ổi.
 Sớm Duy xuyên tơ vông dăng nghên lối
 Chiều Điện Bàn xe đạp nước thay mưa
 Sông Thu chẳng thiếu dồ dưa.
 Bùn khoai Tiên-Đơn mát dưa Kiển tăn
 Quế-sơn núi liếp mây vắn
 Thương bồn bồn Đại-lộc, nhớ rượu cồn Trà My...
 (tr. 68)

Ngoài ra, *Nắng say mùa, Những bàn tay, Giấc ngủ chiều trăng...* là những bài thơ đã có những phương diện thành công đáng kể.

Tường-Linh là một nhà thơ trẻ và anh còn đi lên ở trong cuộc đời. Thơ anh giản-dị, hồn-nhiên cho nên thanh-thoát, nhẹ nhàng. Trong khi bao nhiêu người bắt-lực ở trong cuộc sống quay về để làm quái vật bằng cách tạo ra những lối cầu kỳ bí-hiêm trong văn-nghệ, cốt dọa nạt và lừa bịp những người bé bỏng thơ ngây thì Tường-Linh bằng lòng với những nếp cảm nghĩ không màu mè, không giả dối, không cố tình uốn ẹo làm duyên để che đậy những nét tiêu-diệu, những màu nhạt-nhèo. Qua những bài thơ ta tìm thấy một tâm-hồn và từ đây ta gặp một con người và một cuộc sống. Con người và cuộc sống ấy ở đây đều giản-dị, đáng yêu bởi vì khiêm-tốn, chân-thành, bởi vì luôn luôn tỏ ra có nghĩ ngợi đến bao nhiêu cuộc đời kẻ khác mà không ăn ý lợi-dụng xấu xa.

Chúng ta ước mong Tường-Linh trở về với sự thực nhiều hơn và vẫn giữ cái tác-phong, lành mạnh để mà xây-dựng cuộc đời. Về phần hình-thức Tường-Linh vẫn có một kỹ-thuật tự-nhiên với những thể thơ mới mẽ trẻ trung nhưng hình như nhà thơ tỏ ra khoan-dung quá đáng với mình trong những chữ dùng cũng như âm-điệu. Hiện-tượng này khá nhiều ở trong thi-phẩm khó lòng mà dẫn hết ra đây. Chỉ nói ngay bài đầu — *Anh đi* — làm sao mà độc-giả chịu đựng cho nổi câu thơ năm chữ đ liên tiếp :

Xuân đến đâu đây, đời đẹp lắm (trg 9).

Bước chân của mùa xuân đâu có nặng nề giáng xuống như những nhát búa lò

ren ! Ngày xưa, diễn tả cái quang cảnh Từ-Hải thành-công, rước Kiều vu-qui, Nguyễn-Du đã từng hạ bút :

Nam đình nghe động trống châu đại-doanh.

Giọng thơ ở đây sáng khoái chừng nào, mãnh-liệt chừng nào vì nghệ-thuật nghĩ-âm hòa-diệu của Tố-Như đã kết hợp cân xứng cùng một lui cả ba yếu-tố : điệp âm — điệp thanh — nội dung câu thơ.

Về những giới tự, liên tự — nhất là tiếng mà, Tường-Linh không hề nghĩ đến sự phá rối của chúng ở trong thi-phẩm : Những câu :

Ai mà dựng mùa hoa (tr. 14)

Đàn chim vỗ cánh vượt trời mà bay (tr. 16)

đã bị tiếng mà làm cho giảm sức bao nhiêu ! Người ta lại nhớ đến những tiếng

liên-tự đã cô đọng tất cả cái thần trong thơ Tản-Đà, chẳng hạn tiếng mà trong câu thơ dịch thường được nhắc nhở xưa nay :

Nhớ nhau tiếng ngựa nghe mà buồn tênh.

Đi vào một đôi chi-tiết gần như tỉ-mỉ là vì chúng ta nghĩ rằng bớt những bụi-bặm khá nhiều ố-hoan gương mặt, thi-phẩm Tường-Linh có thể tươi sáng thêm lên. Trong khi những hình thể vật-chất càng ngày càng thêm xấu xí, già nua để đi vào kiếp tro bụi, ta mong mỗi rằng những hình thể tinh-thần của Tường-Linh sẽ càng ngày càng thêm sắc-sảo, tươi xinh để sống mãi trong lòng những kẻ thiết-tha xây-dựng cuộc đời.

NGUYỄN-PHỦ

- ★ Trong khi trù-liệu cho các kẻ cộng-tác được có những điều-kiện làm việc thuận-tiện nhất để thành-công thì nên tăng-gia trách-nhiệm và uy-quyền cho họ lần lần. Thà tăng-gia cho họ lần lần còn hơn là để tới khi thất-bại phải giảm bớt đi.
- ★ Bạn chớ để cho người ta phê-bình bạn một câu như sau : « Hễ cứ ai nói sau thì ông ấy nghe ! »
- ★ Người cầm đầu phải có chí-khí. Người có chí-khí không phải là người có tính ương-ngạnh. Có chí khí là biết để cho tâm thần được tự-do, tự-lập, là điều-khiển mà không phải luôn luôn lo lắng vì không chiều lòng được hết mọi người. Có chí-khí là khi đã biết chắc mình nắm được chân-lý, thì nắm cho đến cùng, dù ra sao thì ra. Có chí-khí là biết giữ vững tay co, khi mọi người đã rời rã hết. Có chí-khí là biết đối xử vô-tư cả với chính mình và biết nhìn nhận lầm lỗi của mình.
- ★ Thấy phải thời theo, có lỗi thời đổi. (Dịch Kinh)

TRẢ LỜI CUỘC

PHỎNG-VẤN

VĂN-NGHỆ của BÁCH-KHOA

* XXV. — PHẠM-TĂNG

Sinh năm 1925 tại vùng biên-giới Bắc — Trung-Việt (Bảng-sơn — Ninh-bình).
Vẽ, làm thơ, viết bài phê-bình hội-họa. Đã cho xuất bản một tập thơ.
Cộng-tác với báo « Tự-do », tạp-chí « Bách-Khoa », v.v...

Phú-thọ Trường đua.

Nhà anh ở đối diện với trường đua.

« Bốn năm ròng khép cửa,

« Ngày vắng, không tiếng cười.

« Đêm về, quên đốt lửa. » (1)

Tôi đến phá rầy anh vào một ngày chủ-nhật. Phá rầy không cho anh tự-do vẽ nốt cái tranh hí-họa cho một tờ báo hằng ngày, phá rầy sự ửng mịch của căn phòng nhỏ thường chỉ có bóng gầy của anh làm bạn với chiếc bóng chưa phai màu có người lặng thinh ghé đọc « những trang sách của cuộc đời » ai.

— Anh đã làm một điều trái ngược, là ngày nghỉ ngơi, anh lại chạy đi phỏng vấn, thì tôi cũng trả lời lộn ngược cho anh.

— Nghĩa là sao ?

Anh vừa pha cà-phê vừa tâm tâm :

— Nghĩa là tôi trả lời anh từ dưới lên

trên, tức là tôi đi từ quốc-tế lộn về quốc-gia vậy.

— Anh trả thù tôi cách ấy à ? Cũng chẳng sao. Lâu ngày dỗi món, thỉnh thoảng xáo trộn tôn ti trật tự, cũng hay hay. Thế thì truyện nước người, anh cho truyện nào hay nhất ?

— Truyện hay nhất nước người à ? Là chuyện hai « người tu hành » cùng uống cà-phê đen ngoại-quốc với đường trắng nước nhà.

Biết nhà họa còn đầy dứa, tôi đành quên mình là người đi phỏng-vấn để làm tròn bổn phận của người khách vậy.

Cà-phê vô, lời ra.

— Một truyện của Lâm-Ngữ-Đường. Đúng ra, do Lâm-Ngữ-Đường viết lại. Tôi được một người thân đọc trong tập « Những truyện ngắn hay của Trung-hoa », viết bằng tiếng Anh, và dịch cho tôi nghe. Nhan là : « **Pho tượng ngọc thạch** ». (2)

(2) Nhan chữ Anh là : « *The Jade Goddess* » trong tập « *Famous Chinese short stories* » (Những truyện ngắn hay của Trung-hoa) do Lin Yutang (Lâm-Ngữ-Đường) kể lại, xuất-bản lần đầu ở New-York, 1948.

(1) Trong bài thơ « Căn phòng trống vắng » của Phạm-Tăng, đăng báo « Tự-do », số Xuân kì-hợi.

Tôi buột mồm ngắt lời anh:

— Dường như trước, anh có theo ban Kiến-trúc.

— Có. Tôi theo ban Hội-họa, song trước đó cũng làm quen với ban Kiến-trúc ít lâu. Nhưng sao anh lại hỏi tôi điều này?

— Là vì tên cái truyện anh vừa mới nói. Tôi đoán càn, may mà trúng. Câu chuyện có gì lạ không anh?

— Biết sao là lạ biết sao không? Để tôi kể sơ, rồi anh tự trả lời.

« Hai người yêu nhau, đắm say và tha-thiết. Chẳng có gì lạ. Nhưng chàng và nàng lại bà con với nhau, bà con rất gần, nên « yêu nhau thì quá nặng, mà lấy nhau thì không đặng ».

— Họ định lấy nhau à? Thế thì cũng lạ.

— Thế à? Yêu nhau, rồi lấy nhau ..

— Rồi làm khổ nhau...

— Thì thường quá đi thôi, có gì là lạ.

— Nhưng anh quên rằng họ là bà con, mà bà con chú bác thì phải, vì phong-tục Trung-hoa cho phép bà con cô cậu, bạn dì lấy nhau, còn bà con chú bác thì...

— Cũng có lý. Phong-tục đứng dậy cản, cha mẹ, bà con đứng dậy ngăn. Mặc. Họ đứng lên, chống lại tục cò, chống lại người thân và họ chung sống với nhau.

— Rồi họ xa nhau!

— Đúng. Xa nhau mãi mãi.

— Nghĩa là nàng đi, đi mãi, đi không về nhà?

— Nàng chết.

— Thế là hết chuyện.

— Chưa. Chàng, sau cơn đau khổ chết người, đem hết tâm-trí nhớ lại người nàng, tạc hình *người-rất-thương* vào ngọc thạch. Và nàng như tái sinh trong đá quý vô-trí.

Anh thôi nói, nâng chén cà-phê đặc. Tôi nhìn quanh phòng. Chỉ thấy « sách vở tung loạn xạ ». Tôi nhìn lên tường. Chỉ bắt gặp chiếc bóng chưa phai màu có người lặng thinh ghé đọc « *những trang sách của cuộc đời* » ai.

Anh đề ý cử-chỉ tôi hỏi: « Anh tìm gì? »

— Một cái gì quý.

— Nhà tôi đâu có cái gì quý!

Nhưng tôi quý trọng cái đơn chiếc của anh, nên không làm xong phận sự người đi phỏng-vấn, già từ anh, để trả anh lại với căn phòng nhỏ, từ lâu chỉ in bóng mình anh và chỉ treo ảnh một người.

*

Tòa soạn Bách-Khoa. Bên kia đường, sân vận-dộng Phan-Đình-Phùng vừa lớp-bớp những tiếng súng giả bắn tập, thì anh đến. Tôi đón anh với một câu Kiều, đòi đi một chữ tình:

— *Nợ nần chưa trả cho ai...*

Anh cười nhẹ nhẹ.

— Thì anh cứ đòi đi.

— Anh cho biết vì sao anh cho truyện « *Pho tượng ngọc thạch* » do Lâm-Ngữ-Đường viết lại là hay nhất.

Anh hơi ngạc-nhiên: « Tôi nhớ không có nói với anh là hay nhất »

— Thế thì thích nhất vậy.

— « Vì sao gặp mặt buổi đầu tên... » (3) thì tôi có thể trả lời anh ngay. Nhưng vì sao thích nhất, thì thật là khó nói.

— Khó nói chứ nào phải không nói được !

« Tôi thích truyện này vì nó đưa ra một thanh-nam, một thanh-nữ dám đập những trở ngại của tập tục xưa, dám cắt những ràng buộc do những người thân tạo lấy, để mà cùng nhau chia xẻ những đắng cay, nhiều đắng cay và một ít ngọt bùi của cuộc đời. Họ dám làm. Họ đã dám.

— « Biết. Muốn. Dám. Im ». Tôi nói nhỏ.

— Anh nói gì ?

— Tôi nhớ lại mấy động-từ mà người Ai-cập xưa khắc ở tượng các con sư-nhơn trầm ngâm giữa biển cát. Còn gì nữa không, anh ?

— Còn. Tình của người sống đối với người - không - về - nữa nó nồng nàn, nó chân thật, nó siêu thoát đến nỗi nó kết tinh thành một công-trình nghệ-thuật, mà sự tồn tại của nghệ-phẩm này có lẽ không mỏng manh như một kiếp người.

Bỗng anh đột ngột hỏi : « Thế anh nghe tôi kể sơ qua, có thấy thích truyện ấy không ? »

— Có chứ.

— Đến phiên tôi phỏng - vấn lại anh ? Tại sao ?

— Tại vì chàng không chết theo nàng.



Lần thứ ba, tôi chẳng buồn tha anh. Vì có sau, mà chưa có trước. Anh chưa cho biết ý-kiến anh về truyện nước nhà.

(3) Xuân-Diệu. — Thơ thơ

— Tôi thích truyện « Ba con cáo » của Bình-Nguyên-Lộc. Một bức tranh xã-hội đương thời, mà màu sắc, âm thanh, ánh sáng sơ sơ và bóng tối đặc dày. Một thằng lưu-manh, một ả giang-hồ, một con cáo, vì dẫu mà con cáo-chồn nằm trong nòi cháo, rồi thằng cáo lưu-manh nằm trong khám chật, rồi ả cáo giang-hồ phản bội ghen ngào với xấp giấy bạc vô tri, thế sẽ làm lại cuộc đời. Nhưng mà cuộc đời nó đã thế đó, thì làm lại, để gì !

— Nhưng mà anh còn thích truyện nào nữa không ?

— Các truyện của Võ-Phiến đăng ở Bách-Khoa.

— Như truyện nào ? Anh kể cho một truyện.

— À, chuyện một cô gái Bình-định có chồng bị chánh quyền Cộng-sản bắt đi an-trí, ghét cay chua một cán-bộ Mác-xít thô-lỗ nhưng mà dai dẳng, rồi lấy hãn, rồi lén trốn ở lại ngày tập-kết, rồi lại được một anh cán-bộ chính-quyền quốc-gia tầm-thường lại bền bỉ đeo đuổi, lấy anh này, để cho một chàng biết rõ tâm-sự cô nàng qua tập nhật ký bỏ quên, tha-thiết yêu nàng, phải lãng lạng vào chùa... nhìn khói hương mơ màng trước tượng Phật từ bi...

— Tên nàng ấy là Dung. Mà tên truyện cũng là Dung.

— Đúng rồi. Tôi thích chung các truyện Võ-Phiến vì nó có một cái duyên ngầm, cái lẽ-thế đặc-biệt, cái sâu-sắc thâm trầm, các nhân-vật đáng thương mà cũng đáng tội. Võ-Phiến làm tôi nhớ lại một Nguyễn-Tuân, nhưng tôi đọc Võ-Phiến, thấy thú hơn, vì Võ-Phiến hé cho ta nỗi lòng của thời-dại chúng mình, từ 1945 đến nay.

— Anh còn gì nói nữa không ?

— Dường như là hết rồi. À, mà còn. Còn một truyện ngắn tôi thích, đăng ở báo « Tự-Do », số Tân-niên năm rồi, năm Mậu-tuất. Của Lý - Thắng. Tên truyện là « Miếng bít-tết ». Câu chuyện chẳng có gì. Một ông nhà giàu Việt nuôi một con chó Tây. Đã chó Tây, lại ở nhà giàu, nên được nuôi bằng thịt bò, bằng bít-tết. Có cậu sinh-viên ở gần thấy bạn mình — một anh bạn quá ư nghèo — cần có ăn vài tháng để kịp kì thi, bèn nảy ra một ý : rình khều miếng thịt ngon kia, thề

vào một gói... đồ dư của người. Chó bắt mùi thấy... cứt cũng ngon, còn người bạn nghèo kia nhờ tầm bở đồ ăn vốn là của chó ngoại quốc kia mà công-thành danh-toại.

— Thành ra mọi người đều vừa lòng.

— Ai cũng vừa lòng, cũng thích-thú. Người sinh-viên có lòng tốt, người bạn quá nghèo mà cần học, con chó được đời món ăn... Anh thấy chó, vừa tân-kì, vừa khôi-hài, mà lại vừa chửi đời một cách quá chua cay ! Phật bảo đời là bề khổ, quả không sai !

NGUYỄN-NGU-Í thuật



★ XXVI. — DOÃN-QUỐC-SỸ

Sanh ngày 17-2-1923 tại làng Hạ-yên-quyết (tên tục là làng Cót), thuộc đại-lý Hoàn-long, ngoại thành Hà-nội.

Trong nhóm « Người Việt » và « Sáng tạo ».

Viết truyện tâm-tình thời-đại, truyện cổ-tích gợi ý, tình người Việt thời nay, truyện dự-đoán tương-lai, truyện dã sử. Hiện dạy học.

Đã in : Sợ lừa (truyện cổ-tích 1956), U-hoài (truyện, 1957), Gánh xiếc (truyện ngắn, 1958). Khảo-luận về Cao-Bá-Quát (1959, cùng soạn với Việt-Tử), Dòng sông Định-mệnh (truyện dài, 1959).

Tôi nghĩ rằng một văn nghệ-sĩ, sau khi sáng tác xong một văn-nghệ phẩm hoàn-toàn hết quyền năng về tác-phẩm, đó (1). Đến lượt những người thưởng thức sáng tác ! Vâng, thưa anh, thưởng-thức một văn-nghệ phẩm cũng là tham-gia sáng-tác. Vì thông-cảm mà người đọc văn, người nghe nhạc, người xem tranh khám

(1) Chúng tôi xin hoàn-toàn đồng-ý với tác-giả « Sợ lừa » về điểm này. Song còn điểm : đối với những tác-phẩm chẳng phải của mình, thì anh hay tôi, chúng ta có quyền phê phán, khen chê nói cảm tưởng và ý nghĩ của mình chớ ?

phá được những bầu trời mung-lung đẹp của nghệ-thuật. Sáng-tác là chủ-quan. Thưởng-thức sáng-tác lại qua một lần chủ-quan nữa. Cùng một văn-nghệ phẩm, dưới mắt người này như cục sỏi muốn liệng đi, dưới mắt người kia như viên kim-cương phản xạ muôn ánh sáng ngời.

Bởi thế tôi dè dặt, và sau cùng không biết trả lời cuộc phỏng-vấn của Bách-Khoa ra sao. Anh thứ lỗi cho.

DOÃN-QUỐC-SỸ

★ XXVII. — BÀ ÁI-LAN

Tên thật : Lê-Liêu-Huê, sinh năm 1910 tại Thạch-hàn. Quảng-trị (nhưng gốc người miền Nam).

Bước vào làng báo với bài « Cải-cách phong-tục », (chế-độ hôn-nhân phong-kiến) đăng trên « Đông-Pháp thời báo » (1928). Rồi sau đó, lần lượt giúp các báo Đuốc nhà Nam (1930), Phụ-nữ tân-văn (1931), Phong sự tuần báo (1936), Pháp-Việt (1948), Sông Hương, (1948) Đoàn-kết (1949), Đời mới (1953).

Từ 1953, tới 1955 cộng-tác với các báo : Tiếng chuông, Buổi sáng, Sài-gòn mới, Ánh-sáng, Tân sinh, Dân ta ..

Chuyên về nghị-luận, phong sự văn thơ. Nhưng cũng viết các loại truyện ngắn, ký sự, tiểu-thuyết (chưa xuất-bản) ; thường thì chủ trương « trang Phụ-nữ » cho các báo Năm 1951, xuất-bản tập thơ xã-hội : « Trên đường ».

Một tác-phẩm liệt vào hạng hay theo tôi, không thể không có những yếu-tố sau đây ; nó phải diễn-tả được một cách trung thực hiện-trạng xã-hội. Nó biểu hiệu được một cái gì ích lợi chung. Nó phải chứa đựng một nội dung xây dựng, lành mạnh và nó làm cho rung động tâm hồn người.

Phần hình thức, tức là kỹ thuật sáng tác, cũng cần thiết để bảo đảm nội-dung của cốt truyện.

« Sống chết mặc bây ! » : truyện ngắn Việt của Phạm-Duy-Tồn, trước đăng ở Nam Phong tạp chí, (1) cách đây gần 40 năm, sau, ông Dương-Quảng-Hàm trích đăng vào « Quốc văn trích diễm ». (2)

Truyện ngắn « Sống chết mặc bây ! » là một truyện ngắn tả chơn, tả chơn một cách trung thực xã-hội lúc bấy giờ.

Nó trình bày trước dư luận một chế độ cai trị của thời phong-kiến và thực dân,

đồng thời nó cũng biểu hiện được số phận của đám dân đen cam phận sống chết mặc mình, không còn trông cậy nơi bực « dân chi phụ mẫu » được.

Lý do làm tôi thích truyện « Sống chết mặc bây ! » -là tác giả đã diễn tả một cách gọn gầy, rõ ràng và linh động, khiến cho trí non nớt của tôi lúc bấy giờ lãnh hội được ngay, và do đó, tôi đã xúc cảm, rung động... Và một kỷ niệm khác sâu vào tâm hồn tôi là lần thứ nhất, trong tuổi thơ ngây, giọt lệ thương tâm của tôi nhỏ rắc trên trang truyện ngắn ấy...

Truyện ngắn ngoại-quốc, tôi thích nhất : « Tìm hiểu lẽ sống » (3) của Auguste Strindberg.

Nội dung cốt truyện mô tả một cảnh thương tâm của một ông lão rán kéo dài ngày sống cơ cực không lối thoát của mình. Và của một chàng thanh niên trí thức giàu có cũng đi tìm lẽ sống thực-tế của ông lão ở trước mắt.

(3) Trong tập « Truyện ngắn quốc-tế » do Bưu-Kế và Cầm-Tâm dịch, Hương-Bình xuất bản, Huế, 1955.

(1) Số 18, tháng 12 năm 1918.

(2) « Quốc văn trích diễm, « Cao đẳng tiểu học độc bản » do nhà Nghiêm-Hàm in hai lần trong năm 1925, nhà Bốn phương tái bản năm 1953. Bài Dương-Quảng-Hàm đăng lại có bỏ một đoạn.

Tác phẩm trên đây bộc lộ khuynh hướng cải cách xã-hội (réformisme social) bằng phương tiện tinh thần, kêu gọi sự từ tâm của những người hưởng được nhiều ân huệ của xã-hội

Đây là khuynh hướng chung của một số văn gia Thụy-điền. Nó nhằm vào sự giáo-dục tư tưởng xã-hội cho từng lớp trên, đặc biệt là thanh niên trí thức và khá giả. (Những tâm hồn tốt muốn tìm hiểu lẽ sống) Nó gần giống với khuynh hướng của môn phái Saint-Simon của Pháp và của Robert Owen người Anh.

Tác giả Auguste Strindberg không xây dựng, tổ chức gì cả, nhưng tôi thích truyện của ông vì nhiều lẽ :

a) — Cốt truyện hướng tình cảm con người đến chỗ vị tha.

b) — Gây ý thức cho từng lớp trí thức giàu có tìm một lẽ sống thiết thật, không mơ hồ, ảo tưởng.

c) — Kỹ thuật đi đến chỗ tinh vi, ý nghĩa sâu sắc, tế nhị gói ghém trong lời văn kín đáo, gọn gàng.

d) — Cái chết của ông lão bán rau, mặc dầu không giải quyết được gì, nhưng chừng ấy cũng đủ làm cho tôi chua xót, và suy nghĩ...

Bà ÁI-LAN



★ XXVIII. — THIÊN-GIANG

Tên thật: Trần-Kim-Bàng, sinh năm 1913 ở Hòa-tang, (Quảng-nam) (nhưng khai-sanh thì ghi Đà-nẵng).

Trước 1945, có bút hiệu: Hải-Vân, Thạch-Vân.

Trước 1954, không chuyên hẳn về lối văn nào hoặc về ngành nào. Viết bài bút chiến, bài nghị-luận, viết hồi-ký, truyện ngắn, truyện dài, dịch tiểu-thuyết ngoại-quốc, phê-bình sách, phim, nhân-cật lịch-sử... Nhưng từ hiệp-định Genève, chuyên hẳn về ngành Tân giáo-dục và viết sách, viết báo để « khai thêm đường, mở thêm lối » cho ngành này. Một trong những người sáng lập hội « Bạn trẻ em Việt-nam ».

Đã cộng-tác với các báo: Tiếng dân (1933), Tiến bộ, Hồn trẻ (1935-36) Phụ-nữ thời đàm (1937), Văn-lang (1939-40), Việt-bút (1946-47), Đời sống, Công-đồng (1948), Nhân-loại (1953, 1958), Mới (1953-54) Bách-khoa (1957) và Vui sống (1959).

Lời hứa nên nợ. Dầu muốn dầu không, tôi xin trả tiên-sinh món nợ đó. Nhưng là nợ văn chương thì nhiều cũng phải, mà ít cũng phải, xin tiên-sinh vui lòng nhận cho vậy.

[...] Và sau đây tôi xin lược tả món ăn tinh thần không phải ngon hơn hết mà

cay, đắng, mặn, nồng hơn hết tôi được nếm không nhớ lúc nào.

Tác-giả kể chuyện hai người thanh-niên ưu thời mãn thế lang-thang ngoài đường, ngoài đồng, gặp nhau dưới bóng mát một cổ thụ, đem nỗi lòng-bộc bách với nhau,

rồi kết làm bạn đồng tâm đồng chí, nguyện đem thân thể hi-sinh cho đời.

Bỗng bốn phương trời mây kéo, sấm chớp búa giăng, mưa như thác đổ. Không bao lâu cánh đồng ngập lụt, dân gian kéo nhau chạy trốn, kẻ ngược người xuôi, từ kéo nhau và vô số nam phụ lão ấu làm mối cho Hà-Bá. Trước cảnh tượng thảm khốc đó, hai chàng ra tay độ. Họ hô hào dân chúng kéo lên dây núi gần đó. A bảo triển bên hữu để leo, Z lại bảo triển bên tả. Hai bên bàn cãi một hồi, không ai nhìn ai, rồi cuộc mỗi người kéo được một đám quần chúng khốn khổ lên núi. Từ đó A và Z bất đồng ý kiến, quên lời nguyện xưa, và mạnh ai nấy lo chiếm đóng một phía núi, lập thành một căn-cứ bền vững cho mình. Cuộc xung đột càng ngày càng to vì vấn-đề không phải là thoát lụt mà còn lo sinh sống nữa.

Quả núi ấy xưa nay vốn dưới quyền ngự trị của một Sơn-thần danh tiếng. Sơn-thần phẫn nộ đám người ngạo mạn kia quyết ra tay trừng trị. Ngọn lửa Chiến-tranh bốc cháy và càng ngày càng to. Lần lượt A và Z bị Sơn-thần bắt giam chung vào một ngục tối. Tuy nằm cạnh nhau, hai bạn tâm giao hồi trước nhất định không nhìn nhau : họ coi nhau là tử thù. Ngày tháng qua, họ yên lặng tính thời gian trong cái tối sáng lơ mờ của nhà ngục. Một hôm A đau nặng, trước bị bệnh rét rừng sau đến kiệt-lực, không bao lâu kiệt-sức ; lúc đầu còn cố-gắng ngồi dậy, kê đít vào ống tre để đại-tiện, sau lại không tài chi cất mình lên nổi, đành ôm bụng rên siết. Z lảng-lạng tay đỡ A, tay cầm ống tre cho A đại-tiện. Từ đó hai người giúp đỡ lẫn nhau, nhưng không ai nói với ai lời nào cả. Lòng họ, trí họ như ngăn cách nhau bởi hào lũy

cao sâu, mặc dầu thân-thể của họ cùng nằm trên tấm ván, chân họ cùng dút trong một thớt cùm, da thịt họ cùng bị châm chích, thui đốt bởi một thứ muối, rệp, cò họ cùng đặt dưới một lưới kiếm của Tử-thần.

Rồi một ngày kia, cả hai cùng được nghe chung một bản án : tử hình. Bị trói, dắt ra khỏi ngục, hai bạn vẫn không chịu nhìn nhau. Mãi đến khi lưới búa của đao phủ gần kề bên cò, A mới bảo Z giữa hai dòng nước mắt :

— Anh Z ơi ! Con người tôi thù ghét hơn hết là anh, mà con người tôi thương yêu kính trọng hơn hết vẫn là anh ; trong phút vĩnh-biệt này, xin gửi anh cả tấm lòng triu mến, hận thù của tôi.

Nhìn A, Z bình tĩnh hỏi :

— Nếu chúng ta thoát được Tử-thần, chúng ta có thể gần gũi nhau được không ?

Không một chút do dự, A đáp :

— Không. Chúng ta không bao giờ gần nhau được, nếu quả núi này còn có phía hữu, phía tả, và còn có những người đứng triển này hay triển kia.

Phụp ! rồi phụp ! hai lát búa giáng xuống, hai cái đầu văng ra hai góc, nhưng bốn mắt trợn trừng nhìn nhau và bắn ra những tia sáng, không biết đó là tia hận thù hay triu mến.

★

Ngu-Í tiên-sinh ! Đọc xong tiên-sinh sẽ hỏi : « Nhưng tại sao anh thích ? »

Xin trả lời tiên-sinh.

Tôi thích không phải vì nó là món ăn ngon mà là món ăn cay, đắng, mặn, nồng

ghi vào giác-quan tôi một ấn-tượng mạnh. Người ta bảo rằng tiên-sinh bày ra cuộc phỏng-vấn này để hiểu tâm-trạng một số người cầm bút xuyên qua thị hiếu của họ. (1) Nếu quả vậy xin tiên-sinh cứ tha hồ đoán tâm-trạng của tôi. Thường tình thì khi thương thì không ghét, khi ghét thì không thương, nhưng đôi bạn A-Z thương nhau rất nhiều, ghét nhau ghê gớm. Và những A và Z hiện nay trong xã-hội nhiều không tiên-sinh? Thì như tiên-sinh khi đọc văn tôi có thể ghét tôi cay đắng, nhưng khi gặp tôi tiên-sinh có thể toét miệng cười,

(1) Đó là mục-dịch của các nhà tâm-lý-học hay xã-hội-học, còn phần chúng tôi, thì nguyên do và mục-dịch đã trình rõ rệt ở Bách-Khoa số 58 trong « Lời nói đầu ». Xin tác-giả « Tìm hiểu biện-chứng pháp » vui lòng xem lại vậy. « Người ta bảo rằng » như thế đó, thì quả là « người ta » đã đi quá xa...

★ XXV.— LÊ-VĂN-SIÊU

Sinh năm 1914 ở Hà Nội.

Vốn ở trong nhóm Hàn-Thuyên, chuyên viết về thực-nghiệp; sau 1945, chuyển hướng, viết truyện ngắn pha mùi triết-lí và màu thời-sự, cùng khảo về oãn-mình và văn học nước nhà.

Tác-giả 2 bộ « Văn-mình Việt-Nam » và « Văn-học sử Việt-Nam » (cả hai xuất-bản chưa trọn bộ), tranh « Việt-Nam 5.000 năm Văn-hiến », « Học để làm gì? », và giới-thiệu, bình chú « Giai-nhân kỳ ngộ », thên anh hùng ca của Phan-Châu-Trình.

Từng cộng-tác với báo « Phương-Đông » (1953-54), Cách-mạng Quốc-gia (1958); hiện ở bộ biên tập 2 tạp chí: « Xây dựng mới » và « Sáng đội miền Nam »

Tôi cũng có viết truyện ngắn. Vì vậy mà câu phỏng vấn của Bách-Khoa khó trả lời (1).

Thêm nữa, dù truyện ngắn hay truyện dài hay bất cứ một loại thi văn nào nếu nó

(1) Các bạn có lấy làm lạ như chúng tôi chăng? Như khi ta hỏi một bác thợ mộc: « trong các thứ gỗ bác dùng đây, bác cho thứ gỗ nào tốt nhất? » thì nhận được câu trả lời: « Khó trả lời quá ông ạ, vì tôi là... thợ mộc... » (Các lời chú trong kì này là của người phụ trách cuộc phỏng-vấn).

một cái cười hồn nhiên đầy trêu mếu, và trên những khúc quanh gay gắt của lịch-sử, những người bạn chí thân có thể đưa nhau lên đoạn đầu dài.

Bây giờ tiên-sinh hỏi tôi tác-giả của cái chuyện « vô duyên » mà tôi ưa thích đó là ai. Tôi xin thưa rằng độc-giả cũng như thực-giả, khi cho qua cò những miếng cao lương có bao giờ nghĩ đến danh tánh người đầu bếp. Ăn trái nhớ kẻ trồng cây, nhưng chúng ta phần nhiều không theo lời dặn đó. Và tôi cũng là một trong đám người... vong ân kia (2).

THIÊN-GIANG

(2) Anh cho anh là « vong ân » nhưng tôi lại nghĩ khác: làm khi, vì những lẽ nào đó, mình đành chẳng nhớ kẻ trồng cây; đó là chưa kẻ trồng hợp kẻ trồng cây... không là ai cả, hay là chính mình mà mình lại chẳng hay!



không thuộc hạng mà người ta làm cho xong tay như bữa củi, và nếu thực là một sáng tác phẩm, thì chính nó đã mang nặng tính chất thời gian mà nó được nung nấu trong lòng tác giả.

Tác giả với tất cả những gì mà đã có người nói: con người là một cái gì chưa biết được, đó là một yếu tố, thêm những tâm trạng và phản ảnh tâm lý tùy từng lúc, là hai yếu tố, thêm những thị hiếu của

chính tác giả và của quần chúng độc giả có thay đổi tùy từng lúc là ba yếu tố, nó đã khiến cho tác phẩm không thể có được một giá trị vĩnh cửu và toàn vẹn (2).

Không nên dùng đa số phiếu trong việc thưởng thức văn nghệ. Mà cũng không nên dùng những uy tín nào để hướng dẫn hay áp bức việc thưởng thức tự do ấy (3).

Vì thế cuộc phỏng vấn của Bách-Khoa chỉ kể là một sự tò mò của nhà báo để « biết chơi » vậy thôi. Thì xin nhà báo

(2) Thế thì tác-giả « Học để làm gì ? » Không cho như những văn-nhân nghệ-sĩ khác từng chủ trương : vượt không gian và thời-gian à ? Mà đây, ai lại chẳng hiểu mục đích cuộc phỏng vấn là mong được biết cái giá trị tương đối để mong nhờ đó mà tìm được cái thị hiếu, cái xu hướng của một thời.

(3) Chẳng biết ông bạn muốn nói với ai đây ? Bách-Khoa chẳng hề nuôi ý ấy.

và độc giả cũng lại kể như tôi trả lời chơi vậy thôi (4).

Trả lời rằng : tùy lúc mà một truyện đã xem hay đã viết sẽ hiện trở về trong đầu mình để hòa hiệp với tâm trạng mình. Lúc ấy thì mình thấy truyện ấy là hay mà sang đến lúc khác thì lại có thể thấy truyện khác là hay. Không có gì là nhất định cả.

LÊ-VĂN-SIÊU

(4) Vàng, tác-giả « Quán cháo lữ » muốn trả lời chơi, thì tùy, song tác-giả « Khâu đi chuột » bảo rằng cuộc phỏng-vấn văn-nghệ này « chỉ kể là một sự tò mò của nhà báo để « biết chơi » vậy thôi », thì người phụ trách cuộc phỏng-vấn này xin mời ông bạn vừa đi mây về gió đôi lần từ Á sang Âu, từ Âu về Á vui lòng xem lại nguyên do và mục đích của việc làm này trong « Lời nói đầu », đăng ở Bách-Khoa số 58, và xin bắt chước ai mà thưa lại một câu... :

« Thưa rằng đừng lấy làm chơi ».



★ XXIX. — NGUYỄN-HIẾN-LÊ

Sanh năm 1912 ở Hà-nội, quê ở Sơn-tây.

Làm sơ Thủy-lợi tại Nam-Việt từ 1935, đi công-cán gần khắp Lục-tỉnh.

Năm 1945, đi giúp báo « Tân Việt-Nam » và « Tiến ». Sau cuộc Cách-mạng tháng 8 năm đó dạy học tư ở Long-xuyên, thỉnh-thoảng viết bài đăng các báo « Việt-Nam giáo-khoa », « Việt-Thanh » « Mới ».

Năm 1953, thôi nghề dạy, lên Sài-gòn, mở nhà xuất-bản « Nguyễn-Hiến-Lê ». Hiện cộng-tác với vài ba tạp-chí.

Tác-giả bộ « Đại-cương văn-học sử Trung-quốc », bộ « Luyện-văn », bộ « Lịch-sử Thế-giới » (soạn chung với Thiên-Giang) và nhiều sách biên-khảo về nhiều môn, như : Kim chỉ nam của học-sinh, Bảy ngày trong đồng Tháp-mười, Đông-kinh nghiên-thực, Nghề viết văn, Nho-giáo, một triết-lý chính-trị, Thời mới, dạy con theo lối mới, Gương danh-nhân...

Tôi vẫn biết có những người tôi chỉ chơi toàn một loại hồng hoặc toàn một loại lan. Nhưng giá hỏi những người đó thứ hồng hoặc thứ lan nào họ thích nhất thì tôi chắc nhiều người do-dự, không biết trả

lời ra sao, vì có nhiều thứ đẹp quá mà mỗi thứ mỗi vẻ, không thể so-sánh được. Tôi nghĩ tiểu thuyết và truyện ngắn cũng vậy.

Tôi đọc truyện ngắn thường là để tiêu-

khiến, chưa có mục đích nghiên-cứu riêng về ngành đó, cho nên nhiều khi đọc xong là quên rồi. Nhưng cũng có một số truyện ngắn để lại cho tôi một ấn-tượng khá bền, và khi đọc câu hỏi của anh, tôi nghĩ ngay đến những truyện đó.

Tôi nhớ hồi 15, 16 tuổi, đọc *Kim cổ kỳ quan*, tôi mê hai truyện *Đỗ Thập-nương* và truyện *Anh chàng bán dầu*. Mê truyện nào hơn thì nay tôi không còn nhớ nữa, mà từ hồi đó đến nay, tôi cũng chưa đọc lại *Kim cổ kỳ quan*.

Cũng vào cái tuổi ấy, đọc *Lettres de mon moulin* (Những bức thư viết tại cối xay gió của tôi) của Alphonse Daudet, tôi thích nhất truyện *Les Etoiles* (Những vì sao). Có một lần, một giáo-sư hỏi chúng tôi: « Trong *Lettres de mon moulin* các anh thích truyện nào nhất? » thì trong số 17, 18 người trả lời, có tới 4, 5 người lựa truyện đó. Truyện *L'Arlésienne* (Cô gái thành Arles) cũng được 2, 3 người lựa. Tám, chín năm trước đây, tôi cũng lại đem câu hỏi đó hỏi những học-sinh năm đệ-tứ ban Cao-đẳng tiểu-học của tôi, thì phần đông cũng trả lời như tôi hồi xưa. Có lẽ truyện đó là một trong những truyện mà thiếu-niên thời nào cũng thích đọc nhất. Bây giờ có đọc lại, chắc tôi cũng vẫn còn thích, nhưng chỉ thích vậy vậy thôi.

Thời mà *Tự lực văn đoàn* toàn thịnh, tôi cũng đọc nhiều truyện ngắn của nhóm đó, và truyện mà đến nay còn để cho tôi một ấn-tượng là truyện *Trăng ngàn* của Thế-Lữ (Phải nhan-đề đó không anh? (1) Truyện ông Ba đi ghệt

ấy mà!), nhưng hồi đó tôi cũng thích nhiều truyện ngắn trong *Vang bóng một thời* của Nguyễn-Tuân, vài truyện của Nam-Cao, Bùi-Hiền, Tô-Hoài và một truyện của Thanh-Tĩnh, tả một mối tình trên sông nước, trong đoạn kết có câu hò: *Tình về Đại-lược, Duyên ngược Kim-long...* Tôi quên hẳn nhan-đề truyện đó, anh còn nhớ không? (2)

Hồi ba mươi tuổi, tôi rất thích những truyện ngắn của Somerset Maugham, nhất là truyện *Mưa* (Rain) và nhiều truyện của Stefan Zweig như *Hăm bốn giờ trong đời một người đàn bà*, *Ngõ hẻm dưới trăng...* Tôi cũng mê một truyện của Dostoïewsky, truyện *Người đánh bạc* (Le joueur). Tôi thấy những tiểu-thuyết gia đó phân-tích tâm-lý, tỉ-mỉ quá mà tài tình quá — và tôi ngờ ngờ rằng tâm-lý con người không quá phức tạp như tâm-lý nhiều nhân-vật trong truyện của họ.

Gần đây tôi được đọc loại sách *Short stories* (Truyện ngắn) của nhà Pocket Library. Nhà này đã lựa và dịch những truyện ngắn mà họ cho là hay nhất của Anh, Mỹ, Pháp, Đức, Ý, I-pha-nho, Trung-hoa... Cuốn tôi thích nhất là cuốn *Famous Chinese short stories* (Truyện ngắn hay của Trung-hoa) của Lin Yutang (Lâm-Ngữ-Đường), và truyện tôi thích nhất trong cuốn đó là truyện *Curly-Beard* (chữ Hán là *Câu nhiệm khách*: Ông khách râu quăn) của Đỗ-Quang-Đình, một văn-sĩ đời Đường. Lin Yutang không dịch sát mà chỉ kể lại và thêm thắt khá nhiều (theo lời

(2) Trong tập truyện ngắn « *Quê mẹ* » do Đời-nay xuất bản, Hà-nội, năm 1941, Thạch-Lam đề tựa, nhan là: « Tình trong câu hát ».

(1) Nhan-đề truyện ấy là « Một đêm trăng », trong « Vàng và Máu. »

trong bài tựa của Lin). Tôi còn nhớ rằng đọc xong, tôi muốn tìm bản chữ Hán để so-sánh với bản của Lin, rồi dịch cả hai bản ra để hiến độc-giả tạp-chí Bách-Khoa, nhưng tôi đã nhờ một ông bạn, rồi lại nhờ một cơ-quan văn-hóa ở Sài-gòn tìm giùm địa chỉ của Lin và bản chữ Hán mà không ra, thành thử công việc đó chưa làm được. Tôi không tóm tắt truyện đó ở đây, sẽ mất hay đi, tôi chỉ giới thiệu sơ rằng : truyện có tính cách huyền bí, phiêu lưu, lại có tính cách triết-lý, (tác-giả là một người theo đạo Lão) hóm hỉnh ; cốt truyện xây dựng rất khéo mà tính tình nhân-vật tả rất sắc bén mặc dầu là tả theo lối thủy mặc của người Trung-hoa, những đoạn đàm thoại rất tài tình. Cách đây gần 12 thế-kỷ, mà một nhà văn Trung-hoa đã tìm được một kỹ-thuật viết truyện ngắn tuyệt hảo đến như vậy thì thực là phải phục dân-tộc đó.

Nói vậy không phải là tôi khen truyện Ông khách râu quăn đó là truyện hay nhất cỡ kim Đông Tây đâu. Tôi chỉ mới kể tên những truyện đã để lại trong óc tôi một ấn tượng mạnh. Còn câu hỏi của anh, thì tôi không thể trả lời được. Vì muốn trả lời, tôi phải sưu tầm lại tất cả những truyện kể trên, rồi đọc lại để so sánh, mà cái công việc đọc văn-chương để định cao thấp thì ngán lắm. Mà có ráng đọc lại đi nữa thì tôi sợ đọc xong, lại chỉ thêm do-dự, vì thế nào cũng còn được vài ba truyện mà truyện nào cũng « mười phân vẹn mười » cả, biết bỏ truyện nào, lấy truyện nào. Vậy, công việc đó anh miễn cho tôi nhé ?

Thân ái

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

KỶ SAU : Võ-Đức-Diên, Giản-Chi, Vũ-Ký, Nguyễn-Văn-Cồn, Trúc-Liên và Phạm-Cao-Cùng.



ĐÍNH CHÁNH

★ Bách-Khoa số 68

Bài « Dư-luận Độ tam Thế-giới đối với viện-trợ »

1-II-1959, trang 12, cột 2, dòng 10 :

— ... nông doanh của các nước này tuy phát-triển hơn nông doanh của Anh-cát-lợi nhiều, mà lợi tức của Anh thu hoạch vẫn được tương đối cao hơn.

xin đọc là .

— ... nông doanh của các nước này phát triển hơn nông doanh của Anh-cát-lợi nhiều, mà lợi tức của họ thu hoạch cũng được tương đối cao hơn nữa.

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiêu Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do ấn-chiêu năm 1853)

SỐ VỐN : 5.000.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.500.000 Anh-kim



Luan - Đôn Tổng - Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2



Saigon Chi - cục

CHI - CỤC CHÍNH : 3 Đường Võ-Di-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại - lộ Thống - Nhứt

(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co.)



Nam - Vang Chi - Cục

10, Phlavy Preah Kossamac



*Chi - nhánh thành - lập tại các
nước Viễn - Đông*



Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

**BANQUE COMMERCIALE ET
INDUSTRIELLE DU VIETNAM**

**VIỆT-NAM CÔNG THƯƠNG
NGÂN-HÀNG**

Số vốn : 50.000.000\$ V. N.

TỔNG CUỘC SAIGON :

Địa chỉ : 40-48 đường Ngô-đức-Kế Saigon

Địa chỉ mới kể từ ngày 1-7-59 :

gốc Đại-lộ Hàm-Nghi (93-95)

và đường De Lattre de Tassigny

Điện thoại : 21.558-21.559

Địa chỉ điện tín : Viêtcombank

CHI NHÁNH DANANG (Tourane)

Địa chỉ : 59 đường Độc-Lập

Đảm nhiệm tất cả công việc Ngân hàng

Có Đại diện khắp hoàn cầu.

CON VỊT

★ — NGUYỄN-HIỂN-LÊ

CÓ tiếng quạc-quạc và bịch-bịch.

Chúng tôi ngừng tay khâu tay viết, nhìn nhau, mỉm cười :

— Chú ta lại đuổi vịt rồi.

Và không ai bảo ai, chúng tôi cùng tiến lại hiên, ngó ra ngoài sân : cháu Bé đang giăng chôn, giờ cao một cành so dũa, uy-nghi như một viên đại-tướng, trong khi hai con vịt trắng ngơ-ngác, nép vào nhau ở dưới gốc một cây mận.

Tôi hỏi cháu :

— Sao Bé đuổi nó hoài vậy ?

Cháu quay lại, mặt hồng-hào, mắt long-lanh :

— Con biết cách lừa tụi nó rồi, ba ạ. Dễ ợt. Ba thấy tụi nó sợ con không ?

Nhưng trong khi cháu nói thì cặp vịt đã thừa cơ, lén ra sau mái nước, chạy về phía ao.

Chúng tôi cả cười :

— Hay ! chúng trốn thoát rồi.

Bé tức lắm, đuổi theo, nhưng đã quá chậm : cặp vịt đã lội được xuống nước.

Bé liệng cành so-dũa, lượm một cục đá, ném theo, không trúng. Nghe tiếng «bôm», cặp vịt sớn-sác một chút rồi lại ung-dung quậy bốn cái cẳng đở trong làn nước trong

veo rực-rỡ ánh vàng của một chiều hạ. Chúng từ-từ trôi trên mặt ao như hai cục gòn dưới một ngọn gió hây-hây.

Bé ngây người ra, vừa tiếc, vừa tức... Bỗng-nhiên, nó vẫy hai tay, nói :

— Ba má cho con xuống ao. Con lội được như tụi nó.

Nhà tôi hỏi :

— Con làm sao lội được ?

— Con đập-dập cái tay, quậy-quậy cái chân như tụi nó.

— Không được.

Cặp mắt của Bé mở rộng ra, tròn xoe :

— Dễ ợt mà ! Có gì mà không được ?

— Vẫn cái thói đó. Trúng cứ đòi khôn hơn vịt.

Bé không hiểu nhà tôi muốn nói gì. Tôi giảng :

— Tại con nặng mà vịt nhẹ. Xuống ao con sẽ chìm

Nó suy - nghĩ một chút, trong thấy chiếc xuống ở ngoài rạch, hỏi tôi :

— Xuống nặng hơn con, hôm qua ba kéo nó không nổi, phải mượn chú Sáu tiếp. Sao nó cũng nổi, hở ba ?

Tôi muốn bí. Nhà tôi mỉm cười. Lấy bộ nghiêm, tôi đáp :

— Lẽ ấy con chưa hiểu được. Khi nào con lớn, ba sẽ giảng cho.

Nó vẫn không tin, năn-nỉ :

— Ba cứ cho con thử, ba.

Nhà tôi quắc mắt :

— Bảo mà không nghe lời, hả ? Nhớ trận đòn hôm qua không ?

Nó phụng-phịu. Tôi quay lại nói nhỏ với nhà tôi :

— Thôi, cứ để cho nó thử.

— Minh thì chỉ được cái thể ! Lần trước đã cho nó thử đánh quẹt, xuýt phồng tay thẳng nhỏ, bây giờ lại cho nó thử lội. Con, chứ phải gà, thồ gì sao mà đem ra thí-nghiệm !

— Nói sai rồi. Anh có thí-nghiệm đâu, mà nó muốn thí-nghiệm đấy chứ. Cho nó thí-nghiệm mà coi chừng nó, cũng là một cách dạy nó đấy.

Rồi tôi bảo cháu :

— Lội dễ quá, phải không, con ? Quơ chân quơ tay là được. Lùa những hạt cơm li-ti vào miệng, tô những hàng chữ ngò-ngò trên giấy, khó hơn nhiều chứ ? Được, ba má cho con thử.

Nó vỗ tay reo, cời tuột chiếc quần cụt, chạy phăng-phăng xuống cầu ao.

Tôi nắm lấy tay nó :

— Hãy khoan, để ba chỉ cách.

Tôi đặt nó nằm sấp trên mặt nước, đầu ngược lên, hai tay tôi đỡ bụng và ngực nó, rồi bảo :

— Được rồi đấy. Đập, vẩy đi.

— Dạ.

Tôi buông tay. Nó quơ loạn lên, làm nước bắn lên tung-toé, rồi bắt đầu chìm.

Nó la. Tôi kéo nó lên. Nó tặc-sụ. Tôi mỉm cười.

Nhà tôi lau mình, bận đồ cho nó, mĩa-mai hỏi :

— Thích không, con ? Còn muốn thử nữa thôi ?

Bé tiu-nghiù, không đáp. Một chút sau mới hỏi :

— Sao kỳ vậy, má ? Sao mà nó chìm ?

— Tại sao ư ? Tại trứng cứ đòi khôn hơn vịt, chứ tại sao nữa ? Con đã thấy đại chưa ? Lần sau con còn nghe ba con nữa thôi ?

Tôi gỡ vài sợi tóc dính trên trán nó, bảo :

— Con đã thấy đại nghĩa là con đã biết khôn. Tâm trí con bây giờ khác tâm trí con trước khi xuống ao. Chỉ trong có mấy phút, con đã học thêm được một điều là không tin chắc ở sức mình nữa. Mà biết ngờ tức là biết khôn...

Nhà tôi ngắt lời :

— Thôi đi, xin ông đừng triết lý nữa. Dạy trẻ theo cái lối Rousseau đó thì nguy lắm, nguy cho trẻ mà nguy cả cho cái túi tiền nữa. Cho nó liệng đá vào cửa kính, rồi không thay kính, để mùa đông nó chịu lạnh, đau phổi mà lần sau ketch, đừng liệng nữa. Thật là điên ! Mỗi mũi chích, bác-sĩ ăn bao nhiêu, ông còn nhớ đấy chứ ?

— Ai cũng chê Rousseau là một anh chàng không-tưởng. Nhưng từ khi anh thấy những nhà theo tân-giáo-dục ở khắp thế-giới hiện nay đều suy tôn Rousseau làm ông tổ, thì anh cho rằng không-tưởng chỉ là một tư-tưởng thời nầy không thực-hành được mà thời sau sẽ thực hành được. Kể ra, thí-dụ của Rousseau mà mình mới chê đó, vị tất đã nên theo thật : lợi

không mấy, mà hại thì nhiều. Nhưng trong thí-dụ ta nên tìm cái chân lý, mà chân lý thì xác đáng. Mình chẳng nhớ cậu Hai con ông hội-dồng H ở Láng Sen đây ư ? Không gặp cuộc kinh-tế khủng-hoàng vừa rồi đến tán gia bại sản, phải chờ mồ hôi mới kiếm được miếng ăn thì làm sao cậu ta hiểu được giá-trị của đồng tiền ? Ở ngoài đời cũng như ở trong trường, có những bài học phải trả giá bằng nước mắt. Là vì người nào cũng vậy, phải thí-nghiệm lấy rồi mới hiểu, phải từng trải rồi mới khôn. Hết thầy loài người đều « trứng mà khôn hơn vịt ». Có một luật cơ hồ như bất di bất dịch từ thuở khai thiên lập địa tới nay, là trẻ không chịu nghe già, và bài học của người trước không giúp gì được mấy cho người sau. Mình không tin ư ? Thì hồi trước, mẹ khuyên mình đừng quá tin bạn, vì mẹ đã chua xót kinh-nghiệm, nhưng mình có nghe đâu ? Mình cũng đòi như thằng Bế, và khi... Không, anh không trách mình vì chính anh thì cũng vậy. Bác khuyên anh : Ván là nợ dấy, rằng đeo đuổi nó là rước cái bực mình vào thân, sau khó mà gỡ nổi ; mà anh cũng không nghe, cũng muốn thử, và năm sáu năm nay, lao tâm khổ trí, xét lại, lợi những gì ?

Cồ nhân khuyên hể thái quá là hại, mà loài người có nghe đâu, mấy ngàn năm nay vẫn đi từ cực đoan này tới cực-đoan khác như quả lắc đồng hồ, gây nên biết bao tai hoạ, có thời nào được yên ? Cồ nhân khuyên « nhân dục vô hại », mà cả ngàn người không thấy được một người biết kiểm-chế lòng dục, đến nỗi biên lệ mỗi ngày đã chẳng vơi mà còn thêm đầy, mỗi thù oán mỗi ngày đã chẳng giảm mà còn thêm tăng. Hết thầy chúng ta từ bực tri đến kẻ ngu, đều phải chờ

mồ hôi mới kiếm được bát cơm thì cũng phải đòi huyết lệ mới mua được kinh-nghiệm, mới hiểu được bài học của cồ-nhân. Luật tạo-hóa như vậy. Sách vở chỉ nhắc ta thôi, chứ không dạy ta được. Chính ta phải dạy lấy ta. Nói cho đúng, chính đời mới dạy được ta.

Tôi ngừng một chút, rồi tiếp :

— Nhưng có vậy, loài người mới tiến. Loài kiến, loài ong, không có tinh-thần muốn thử, nên một triệu năm trước, chúng làm ờ ra sao thì bây giờ cũng vậy. Nhờ ham thử cho biết, chúng ta chẳng những học được những cái khôn của cồ-nhân mà còn bỏ xa các cụ về nhiều phương-diện. Này nhé, nếu không có óc « trứng đòi khôn hơn vịt », thì bây giờ chúng ta có xe hơi, máy bay không, có đèn điện, quạt máy không, hay vẫn còn ăa lông ở lỗ như hàng ức năm về trước ?

— Về khoa-học thì nghi-ngờ, thí-nghiệm là phải. Còn về những khu vực khác thì cồ-nhân tìm tòi đã đủ, chỉ cần theo đường lối các cụ đã vạch sẵn.

— Khu vực khác là những khu-vực gì ? Chính-trị ư ? Mình chẳng thấy mấy trăm triệu người đương thí-nghiệm một chế-độ mới đó sao ? Luân lý ư ? Luân-lý đâu phải là bất dịch ? Hể kinh-tế thay đổi, chế-độ thay đổi thì người ta phải đặt một luân-lý mới thích hợp với nó. Một chứng cứ là gần đây, các bà các cô hô-hào giải-phóng phụ nữ, đòi cho nam nữ bình quyền về mọi phương-diện, như vậy là thí-nghiệm một nền luân lý mới đấy. Còn khu-vực nào nữa ?... Cái gì cũng phải biến-hóa. Không biến-hóa là chết. Và sống mà không tìm tòi thì cũng như chết. « Cồ-nhân tìm tòi

đã đủ». Vô lý. Nếu cò - nhân cũng tin như vậy thì đã chẳng tìm tòi ra được gì cả. Hễ thí-nghiệm, tìm tòi thì tất-nhiên có lúc phải thất-bại, phải đau khổ, nhưng con đường tiến-hóa nào mà không đầy chông gai, nền văn-minh nào mà không xây-dựng trên huyết lệ? Hồi nhỏ, ai cũng có óc tìm tòi, thí-nghiệm như thằng Bé. Càng lớn lên, ta càng an phận, lười suy-nghĩ, ngại mạo hiểm nên cả triệu người

không có một hai người giữ được cái óc «trúng khôn hơn vẹt», mà người nào giữ được tất thành ân-nhân của nhân loại... Bé, sau này, con rán giữ tinh-thần đó nhé?

— Giữ cái gì hở ba?

Tôi cười, bỗng chán lên:

— Kiến bò bụng chưa? Thôi đi ăn cơm.

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

« Hãy chịu lấy pháp luật do người đặt ra! »

Thương-Uởng đời Tần đặt ra luật cấm dân chửi chửi người lạ mặt trong nhà. Khi Uởng bị tội đi dầy, tìm nơi ẩn náu; vào nhà dân, dân không cho trú, phải đi suốt cả ngày đêm, Uởng than: « Tác pháp tự tệ! » (Làm ra pháp-luật để tự hại). Nghĩa câu ấy giống với nghĩa câu la-tinh: « *Patere quam ipse fecisti legem* » (Subis la loi que toi-même a faite), câu văn dịch một tư-tưởng của Pittacos, người đảo Mytilène, một trong số Thất-hiền Hy-lạp.

BÁCH - KHOA

« SỐ KỶ-NIỆM ĐỆ-TAM CHU-NIÊN »

SỐ XUÂN CANH-TÝ

Mong đợi các bạn đọc đã từng theo dõi, khuyến khích nâng đỡ tạp chí Bách-Khoa trong 3 năm qua, sẽ gửi thư về tòa soạn chỉ dẫn cho các ưu điểm, khuyết điểm về cả nội dung lẫn hình thức, để Bách-Khoa bước sang năm thứ tư kịp thời cải tiến cho xứng đáng với lòng tin yêu của bạn đọc hơn nữa.

THƠ DỊCH

QUÁ ĐỒ - PHỦ CỤU - TRẠCH

(Qua nhà cũ của Đồ-Phủ)

Hoãn-hoa-khê lý, hoa thâm xứ,
Vi ức Tiên-sinh tại Thục thì.
Vạn cổ chỉ ưng lưu cụu-trạch,
Thiên kim vô phục đắc tân-thi !
Sa băng thủy-hạm âu phí tận,
Thụ áp thôn-kiều mã quá trì.
Sơn-nguyệt bất tri nhân-sự biến,
Dạ lai giang thượng dữ thùy kỳ ?

*Vào thăm thăm-thăm Suối Hoa này,
Nhớ Đồ Tiên-sinh trước ở đây.
Muôn thuở chỉ còn trơ mái cũ,
Nghìn vàng thôi hết lánh thơ hay !
Cát xô quán nước, le bay trời,
Cây lẩn cầu que, ngựa bước chầy.
Trăng núi biết chi đời biến-cải,
Cùng ai non-nước hẹn đêm nay ?*

UNG-ĐÀO

ĐÔNG-XUYÊN dịch

CHÚ GIẢI

Bài này của Ung-Đào, thi-nhân đời Đường, tự Quốc-Quân, người Thành-đô, quan làm đến chức Thứ-sử Giản-châu, cảm-đề khi qua nhà cũ của Đồ-Phủ tại Hoãn-hoa-khê.

Đại-ý nói : Vào thăm Hoãn-hoa-khê — cái suối hoa thăm-thăm, rậm rạp những hoa — chợt nhớ thi-ông họ Đồ, khi ngu ở đất Thục này. Nơi đây, vạn cổ, chỉ còn trơ mái nhà cũ của thi hào, chứ muốn có thơ mới, giá đáng nghìn vàng, của nhà thi-hào, thì giờ đây, không sao có được ! Lặng xem phong-cảnh, chỉ còn thấy : quán nước cát băng, âu (loài chim nước, như le-le, cốc, hải-âu) bay hết trời ; cầu que cây lẩn, ngựa bước thân-thờ mà thôi. Thế mà bóng trăng núi kia không biết là nhân thế đời đời, còn đêm đến, cùng ai hò-hẹn trên giải sông này nữa ?

(Bài thơ này được Kim-Thánh-Thán liệt vào thơ hay và có phê-bình trong tập « Kim-Thánh-Thán phê-bình Đường thi nhất thiên thủ »).

Đ. X. còn chí

« TÔI ĐÓNG PHIM TẠI PHÁP »

TRẦN-NGUYỄN ANH-CA

(Tiếp theo B.K. số 66)

CÒN MẤY CẢNH CHÓT

Hôm nay quay « xen » cảnh sát trưởng đến tiệm bán bồ cồ làm biên bản vì giữa đêm khuya, đại úy Brisset gọi điện thoại cho hay rằng ông già Trung-hoa vừa bị ám sát. Đến nơi, gặp một mảnh giấy con có biên những chữ và con số bí mật và nhờ tài liệu ấy mà đoán ra được bọn buôn lậu chở khí giới trên tàu nào. — Xen đó dễ đóng và mới 4 giờ mà đã xong cả chương trình dự bị hôm đó. Còn một đoạn lúc cảnh sát trưởng trong đêm bán đồ cồ ra về — Nhưng phải đợi trời nhá nhem tối mới có thể quay được. Theo trong chuyện phim thì cảnh sát trưởng đến làm biên bản vào lúc 2,3 giờ khuya — Họ chỉ cần quay lúc cảnh sát trưởng đi ra mà phải bài trí cả một con đường với cái hiệu tiệm trên cửa có viết chữ nho được phòng và chữ quốc ngữ « đồ gốm » — phải cần có một ít người làm khách đi đường ; phải có một chiếc xe Citroen đen mang số VN... (Việt-Nam). Khi trời vừa tối, ông André P. cho gọi kịch sĩ tề tựu đông đủ. Ông nói cho biết ý ông định quay như thế nào. Chiếc xe hơi đậu sẵn trước cửa, cảnh sát trưởng và mấy người tùy tùng trong nhà đi ra, trên tay cảnh sát trưởng còn mảnh giấy lượm được gần thầy ông già Trung-Hoa. Một người lính mở cửa xe. Cảnh sát trưởng bước lên. Xe rồ máy. Khi nghe

tiếng máy chạy, hai người thiếu phụ Việt phải từ đầu đường đi lại phía tiệm bán đồ cồ. Khi họ đến trước tiệm thuốc bắc là xe chạy đến góc đường quẹo qua tay mặt. Trên màn ảnh, cảnh ấy chỉ diễn ra trong một phút. Thế mà phải bài trí con đường tới mấy hôm trước, phải sắp đặt và quay trong mấy tiếng đồng hồ. Năm đó, trời lại mưa lâm râm — Tôi thì từ trong nhà bước ra xe có người mở cửa, có người lái xe, thì không ngại chẳng biết hai người thiếu nữ Việt đóng vai người đi đường có bị ướt mình chẳng — Hôm đó, quay xong, tôi vội vã đi về nên không có gặp ai cả.

Còn một lần quay nữa là xong, Bọn buôn lậu biết rằng đã lộ cơ mưu nên tom góp tiền bạc xuống chiếc thuyền, định ra khỏi để tìm cách đi khỏi nước Việt. Nhưng đại úy Brisset đã trốn được dưới khoang thuyền và cho Monique đi báo cảnh sát trưởng hay để tìm cách bắt bọn buôn lậu — Trong lúc cảnh sát trưởng chưa tới kịp, Brisset đã bắt đầu đốt thuyền và bị bọn buôn lậu bắt. Chỉ còn có vài giây nữa là Igor bị bắn, kẻ Kervannec (Kợc-va-nách) người thân tín của Brisset đến kịp, bắn Igor chết, và ngay lúc ấy, cảnh sát trưởng và Roncque chạy đến, cả bọn buôn lậu bị bắt. Monique và Brisset gặp nhau và cuốn

phim chấm dứt bằng viễn ảnh của cuộc hôn nhân giữa hai người.

Hôm nay không quay tại Studio Eclair. Họ đã đóng một chiếc thuyền cỡ loại ghe chài nhỏ trong Nam. Phía dưới khoang, có nhiều thùng cây đựng bom Vi trùng — Phía sau thuyền, có một cái buồng riêng bài trí rất sang trọng. Phía ngoài có chỗ tiếp khách. Dọc theo mũi thuyền bên mặt có một ghế trường kỷ và bên trái có một buồng nhỏ dùng làm buồng ngủ — Từ chỗ đó xuống dưới khoang thuyền có một cái thang cây. Họ chỉ đóng một phần ba chiếc thuyền, vừa đủ chỗ quay phim. Tất cả đoạn thuyền ấy đặt trong một cái trại to. Hôm nay, gần đủ mặt các tài tử. Ngoài những vai chánh còn có một số đông đến làm lính thủy có một sĩ quan thủy quân chỉ huy, một số người đóng vai bạn ghe chài — (phu thuyền) Họ có thuê một người chuyên môn phóng dao găm. Trong lúc đại úy Brisset đang ở dưới khoang thuyền tìm cách đề rơm khắp các nơi chờ đến lúc cần phóng hoả báo hiệu cho cảnh sát trưởng thấy khói mà chạy đến, thì có mấy người « bạn ghe » nghe động chạy xuống, vừa gặp Brisset thì áp vào đề vật định bắt Brisset. Trong lúc hỗn loạn có một tên rút dao găm ra phóng vào mình Brisset. Đại úy chụp được một tấm kiếng to đưa lên đỡ thì dao găm đánh phụp vào lưng tấm kiếng — muốn quay « xen » đó phải cần một người phóng dao găm nhà nghề, lưỡi dao cắm vào lưng tấm kiếng mà còn lắc lư đề cho khán giả thấy rằng Brisset có thể bị giết như chơi.

Mấy người làm lính thủy chỉ chạy vào bắt mấy tên bạn ghe (phu thuyền) lúc cuối cùng. Buổi sáng, lúc ông André P. đang

quay cảnh Igor cãi với vợ công-chúa Tche-liabruskoï (Chê-li-a-bờ-ru-xơ-coi) — vai này do Lise Bourdia (Lizơ Buộc-danh) đóng mấy người Việt đóng vai phụ bàn tán chẳng biết hôm nay họ sẽ làm gì. Họ nhắc lại mấy bữa trước lúc họ làm người đi ăn nhà hàng hay đi nhẩy đầm (khiêu vũ) trong « cabaret » mà lấy làm thú vị lắm. Chỉ vào đó, ngồi uống nước cam, hay khiêu vũ có gì n nhạc thật đến đánh, rồi hết ngày lãnh 3000 quan (lỗi 500 đồng bạc), còn gì sướng hơn nữa ! Nhưng hôm nay, thì họ nhàn lắm. Từ sáng đến 4 giờ rưỡi chiều, không có làm chi cả. Mấy « xen » trong thuyền quay chưa xong. Chỉ có mấy anh đóng vai bạn ghe (phu thuyền) là phải chạy lăng xăng một chút lúc nghe tiếng động dưới khoang thôi. Đến gần 6 giờ mới bắt đầu quay « xen » chót. Chúng tôi đã đến phim trường từ lúc 9 giờ sáng. Nghỉ ăn trưa một giờ đồng hồ. Đến 6 giờ chiều là đủ số 8 giờ có mặt tại phim trường. Nhưng hôm nay, là ngày chót quay tại Bala. Studio chỉ thuê đến hết hôm nay. Và lại, hôm sau Jean Gaven phải sang Đức đóng một phim khác và Dominique Wilms phải đi Le Havre để quay một đoạn phim, lúc Monique từ trên tàu nhẩy xuống sông để lội vào bờ.

Ông André P. định ở lại quay đến 8 giờ tối cho xong xen cuối cùng. « Xen » này sắp đặt rất phiền-phức. Một máy ảnh đặt tại giữa phòng khách quay ống kiếng về phía khoang thuyền. Một máy khác đặt trong góc phòng quay ống kiếng về phía buồng ngủ. Trong phòng khách của chiếc thuyền có Igor đang cầm súng lục chĩa vào người Brisset và đếm. Hẹn đến 10 tiếng nếu Brisset không nói cho y biết tên những người trong cơ-quan phản gián-diệp

thì y sẽ bắn. Bà Tcheliabruskoï đứng gần đấy. Dưới khoang thuyền đám bạn ghe đứng chờ. Dominique Wilms và tôi đứng phía ngoài cửa thuyền và sau chúng tôi có mấy người thủy quân và anh đóng vai Trung-úy hải-quân. Có một ngọn đèn dùng đèn báo hiệu. Khi nào ông đạo diễn nhận nút bên trong, đèn cháy, là Monique và tôi phải mở cửa chạy ngang qua đám lửa, đến buồng khách của thuyền. Phía ngoài, mấy người lính chữa lửa, đang hờm sẵn, nếu lửa cháy to, họ sẽ dập tắt. Từ chỗ đạo diễn ngồi đến chỗ tôi đứng có hơn 20 thước lại qua mấy tầng cửa, Monique và tôi đứng phía ngoài cứ đợi đèn cháy là mở cửa chạy vào. Đợi mãi không thấy đèn cháy và bên trong nghe tiếng la ầm, tôi mở cửa ra ông André P. gất ầm : « Sao đợi mãi, mà Monique và cảnh sát trường không vào ? »

— Chúng tôi đợi không thấy đèn cháy báo hiệu. Monique trả lời :

— Tôi nhận luôn mấy lượt chắc là dây đèn đứt đi chỗ gì. Dập tắt lửa đi. Cho gọi thợ điện lại. Anh thợ điện sửa xong, thử đèn báo hiệu cháy rồi, ai nấy đều đứng yên chỗ của mình. Bên trong, mấy đồng rơm và thùng cây có tầm dầu lửa đã cháy. Đèn báo hiệu vừa chớp một cái, Monique mở cửa chạy vào. Tôi chạy theo. Kế cô lùi ra. Trên kia ông André la to : « Sao vậy ? Sao không chạy luôn đến đây ? »

— Lửa cháy to quá và chặn cả các lối đi. Monique trả lời : Không khéo cháy cả tóc tôi. Cô nói đúng. Lửa bốc cao như thế liệu lửa có vị tình mở tóc vàng thất bính của cô chăng.

Họ dập tắt hết mấy thùng cây đang cháy và ai về chỗ nấy. Đèn báo hiệu lại cháy.

Mở cửa, chạy vào, Monique và tôi chạy ngang qua đám lửa, đến phòng khách của thuyền thì đúng lúc Igor ngã gục xuống đất tôi ra hiệu cho tên thủy-quân bắt bà vợ rồi nép qua phía tháy của Igor để máy ảnh quay lúc Monique ngã vào lòng Brisset. Quay 2 lần như thế là xong. Trong lúc tại phòng khách Brisset ôm Monique vào lòng thì các thủy-quân do anh sĩ-quan chỉ-huy vào khoang thuyền bắt đám tay sai của Igor. Nhưng vì máy ảnh đặt giữa phòng khách của thuyền mà các thủy-quân ở tận đằng xa báo hại lúc chiếu phim, tôi tìm mãi không thấy mặt anh đóng vai sĩ-quan. Cả ngày, anh có vẻ thích vì trong phim người ta sẽ thấy anh mặc nhung phục sĩ - quan hải - quân. Lúc xem phim, tôi cố nhìn kỹ mà không thấy mặt anh trong một giây ! Sau buổi quay này, cuốn phim kể tạm gần xong chỉ còn một cảnh quay tại Le Havre lúc Monique từ trên tàu, nhảy xuống sông để lộ vào bờ.

Trong việc quay phim, có nhiều chỗ người khán giả không để ý mà nếu mình ở bên trong thì tức cười lắm.

Brisset đi trên một con đường tại Saigon, nhìn trước ngó sau xong, quẹo vào phía nhà của Champion. Cảnh ở ngoài đường quay tại Saigon. Bước vào trong, thấy trước cửa nhà có lính gác vì Champion đã bị xét nhà và trục xuất. Cảnh sau này quay tại Epinay.

Cảnh ông già Trung-hoa từ trong villa của Igor đi ra quay tại Saigon, nhưng lúc ông nhảy lên xe hơi quay tại Epinay.

Lúc Monique bị nhốt trong buồng ngủ, leo ra cửa sổ để nhảy ra ngoài. Cảnh ở ngoài bao lơn quay tại Saigon, mà cảnh ở trong nhà leo lên cửa sổ quay tại Studio.

Sau khi Monique bị bắt nhốt trong một « ca-bin » phía ngoài có lính gác, cô tìm

cách thoát thân. Cô cõ áo ngoài thắt ngang lưng và nhảy qua lỗ « hublot » (huy-bờ-lô). Trong Studio họ cất một cái « ca-bin » tàu. Khi cô Monique nhảy từ « huy-bờ-lô » xuống sông, thì họ chụp tại Studio. Thành ra cô chỉ nhảy qua cửa « huy-bờ-lô » nhỏ rồi rơi mình xuống một tấm nệm đặt phía sau. Rồi lúc xuống Le Havre họ lại chụp phía ngoài của một chiếc tàu : Có người ăn mặc giống như Monique nhảy ầm xuống sông. Khi máy ảnh quay gần, lúc đó cô đào chánh mới lộ ít sải trước khi vào bờ.

Vì họ ráp phim khéo nên nhiều người khi xem phim hỏi tôi về Saigon đóng phim ấy bao giờ.

Tôi chỉ đóng phim bên pháp và có dịp biết qua cách tổ chức của họ. Không thể nhân đó mà nói chung tất cả phim trường, đạo diễn hay cai nhà sản xuất phim của nước pháp. Nhưng nói chung, thì tiền lương kịch sĩ — không nói đến lương của các minh tinh màn bạc — bên Pháp thấp hơn bên Anh. Cách tổ chức của người Anh tỉ mỉ hơn — Lúc người Anh nghỉ xả hơi uống trà, người pháp uống cà phê hay uống rượu — Tương đối, người Anh ít chửi thề hơn người pháp và bắt đầu làm việc đúng giờ.

Nhưng mỗi nơi có cách làm việc riêng. Tùy theo mình quen đâu thì thích đó. Trong lúc làm việc với họ chỉ nên cầu thận

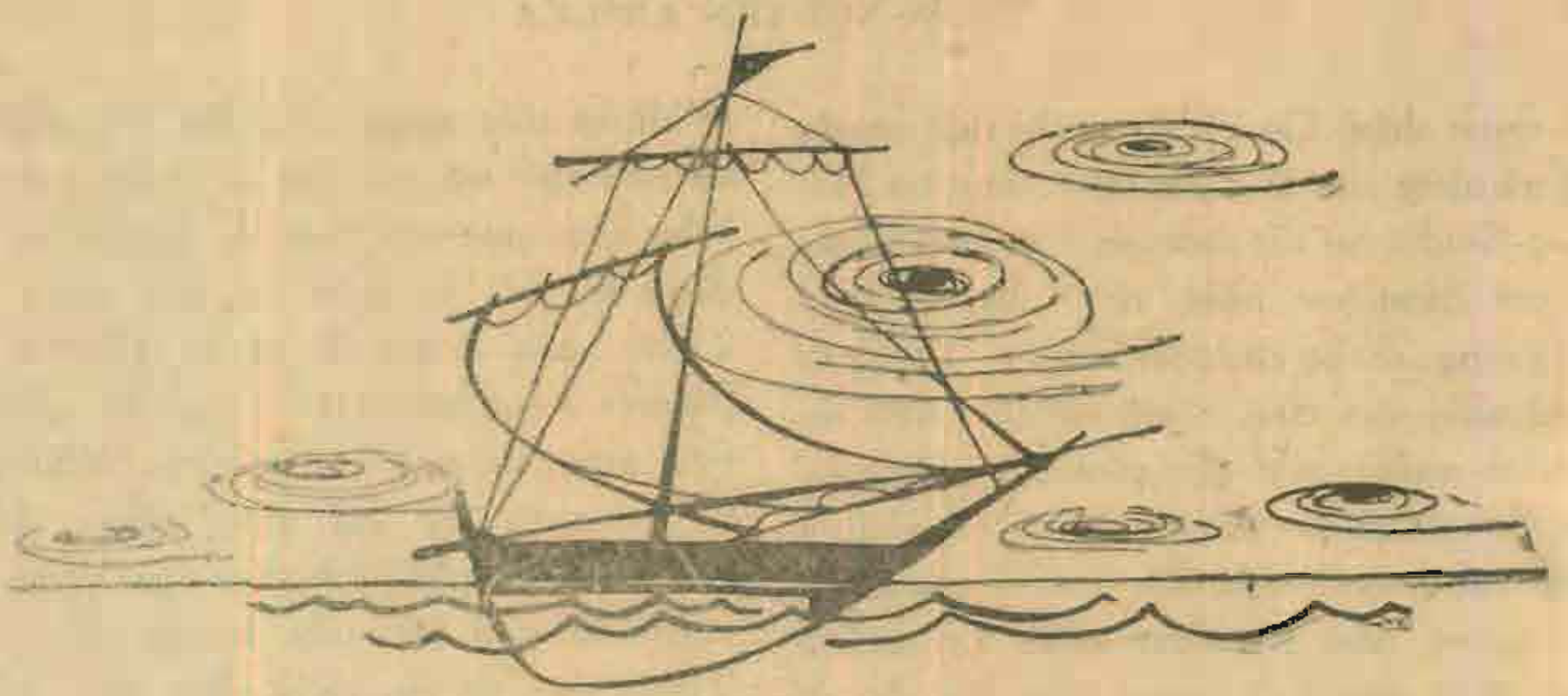
về khoản tiền nong. Hai lần tôi phải nhắc họ mới nhớ mà trả cho tôi mấy giờ thêm. Như hôm quay xen chót tôi phải ở lại 2 giờ đồng hồ. Vì ở luôn tại chỗ quay thêm 2 giờ, nên 2 giờ đi kể là giờ làm thêm (heures supplémentaires) nên họ phải tính tiền giờ, thêm 25 phần trăm. Nhưng nếu đi ăn xong trở lại quay tiếp ; thì sau giờ cơm họ phải trả theo giá ban đêm nghĩa là gấp đôi tiền lương ban ngày. Thêm vào đó họ phải chịu tiền bữa ăn chiều là 700 quan. Không kêu nài, không đòi là họ quên trả cho mình. Bên này cũng có lắm ông giám-đốc sản-xuất tiêu tiền hàng vạn, nhưng lúc trả lương cho kịch-sĩ, thiếu lại vài chục ngàn quan là thường. Hai lần họ quên trả tiền làm việc thêm giờ, nếu không đòi tôi có thể mất đến gần 14.000 quan (lỗi 2.400 đồng bạc). Cũng may, lần này tiền họ trả đủ cho tôi, lại gặp dịp có một ông bác-sĩ Việt trong vòng thân thuộc như bà con, cư ngụ tại Montpellier, mời tôi đến nhà ông chơi, tôi có dịp nghỉ hè tại miền Thanh-thiên duyên-hải.

Lốt kịch-sĩ trong người tôi, đã thỏa tánh hiếu-kỳ, đã có việc giúp cho lốt sinh-viên được một ít tiền túi, nay đã bằng lòng nằm yên, nhường chỗ cho người sinh-viên vi nghỉ hè, lấy sức đề chờ lúc tựu trường « nấu sủ xôi kinh ».

TRẦN-NGUYỄN ANH-CA

★ Khi người dưới biết người trên là kẻ khó lung lạc được thì người dưới tất sẽ biết người trên là kẻ giữ lời.

★ Đòi suy, đạo vi, lòng ham muốn loài người đầy dẫy, không phải là người cương nghị thì đứng vững sao được. (Chu-Hi)



ĐIỀU HIU

Trông lên : trời rộng mênh mông,
Biếc thăm thăm biếc, cao lồng lộng cao.
Lơ thơ mười điểm vàng sao,
Đôi làn mây trắng phau phau lững lờ ;
Nghìn xưa còn đến bây giờ,
Một vầng trăng bạc lơ vơ giữa trời.
Trời cao trăng thản thờ trôi,
Sóng khuya một lá thuyền cô bập bênh.
Chèo lơ từng nhịp long lanh,
Nhẹ vang trên nước buồn tênh lờ dờ.
Thuyền mơ đi giữa cõi mơ,
Nguyệt mang mang tỏa, sương mờ mờ lan.
Canh chầy lặng ngắt không-gian,
Lòng băng-khuâng thấy cô đơn lạc loài.
Trời trên trời dưới hai trời,
Thản-nhiên vầy lấy một người là ta.
Đều hieu, tịch mặc bao la ;
Còn ta đâu nữa, chỉ là hư-vô...

Yā-Hạc NGUYỄN-VĂN-TRUNG

(Hoang-dào)

SONG HÀNH

☆ — CHU-MINH-THỤY

TÍ-DỰ có một người nào đó, ngày ngày cấp một quyển sách vô khu rừng ngồi đọc cho yên tĩnh, thì anh ta, nếu đem một quyển sách vô Thư-viện Quốc-gia ngồi coi, cũng có cảm-tưởng gần giống hay nếu có khác, chỉ một phần rất nhỏ. Mấy lần đầu tiên Tân tới Thư-viện không qua thông-lệ đó. Những người ngồi xung quanh hầu như xa lạ quá đối với anh, tuy tới hằng bữa, thấy mặt nhau ngày ngày, nhưng không chào hỏi nhau, chuyện ai nấy lo, mỗi người như sống trong một lồng kiếng hay một thế-giới riêng biệt. Quan-niệm này về sau Tân biết mình sai lầm, khi trở thành kẻ quen thuộc của cái thế-giới yên lặng nhưng đáng mến đó. Trong tất cả hơn một trăm người có mặt thường-xuyên nhất, Tân phân-biệt nhiều phe, như phe sinh-viên văn-khoa đoàn-kết chắc chẽ và tế-nhị, phe khoa-học vui tánh và sôi nổi, phe luật-khoa trầm lặng và nghiêm-trang. Có một vài anh chị lẻ loi, ít giao-thiệp với ai, trơ trọi, độc-lập như các phần-tử không đảng-phái trong một quốc hội. Tân chú ý tới một người, một cô gái mà anh cho là đặc-biệt nhất trong các người đặc-biệt đó. Ngày nào như ngày

nào, anh thấy cô ngồi ngay chỗ cũ, trong một kẹt hóc, chăm chỉ, yên lặng, nghiêm-nghị, lãnh-đạm, trước mặt để một quyển sách toán dày cộm lật ra.

Bữa nay Tân thấy cô gái như thường lệ không có gì thay đổi, với cái áo màu tím tro nhũn nhặn, buồn bã, với đôi dép hơi cũ, mái tóc uốn lộn to cân đối và gương mặt lạnh như tiền, hiem hơi, độc đáo. « Thiệt là lì ! học toán phải lắm » Tân nghĩ thầm, mỉm cười thấy mình tìm ra được ý nghĩ đúng lúc. Như thường ngày, sáng nay Tân coi một quyển sách khảo-cứu mỹ-thuật. Kế bên cuốn sách, một cuốn sổ tay nhỏ anh dùng ghi chép những gì quan-hệ.

Thư-viện là nơi chứa sách vở để khảo-cứu công cộng. Nhưng thường thường, người tới mượn sách đọc chỉ thiểu số, phần đông là sinh-viên mọi ngành tới chiếm một chỗ ngồi học yên tĩnh, và hình như trong bầu không-khí đó, mọi người trở thành chăm chỉ một cách khác thường. Riêng với Tân, ngoài vấn-đề khảo-cứu, gợi hứng, Thư-viện là nơi tốt nhất để anh luyện óc quan-sát, vì chỉ có Thư-viện là chỗ duy nhất mà mọi người ngồi yên như phật.

Theo thói quen, Tân theo dõi từng cử-chỉ hành-dộng của cô gái « toán » trong khi anh vừa quan-sát thân hình cô ta để hiểu biết một cách đầy đủ. Anh nhận thấy cô ta có một vài điểm đặc-biệt mà mấy lần đầu, nhòa thoáng qua, anh chưa rõ được chơn giá-trị. Như phần đông, Tân phân biệt ở người con gái hai phương tiện căn-bản để thu-hút phái nam : sắc đẹp và duyên dáng. Riêng với cô gái này, Tân khó xếp trong hàng có sắc được, tuy không đúng là cô ta xấu. Thường đối với người con gái trẻ tuổi, Tân nhận nơi họ có một sắc đẹp già dặn, chính chạc, giống như một bông hoa đã nở và tỏa đầy đủ mùi thơm. Tân cho là họ tuy thiếu vẻ khiêu gợi mạnh mẽ của các cô gái dậy thì, nhưng cái dáng trầm lặng, nghiêm trang cũng tạo được một vẻ đẹp diễm-đạm, chắc-chắn, tao nhã, có thể nói là sắc sảo nữa.

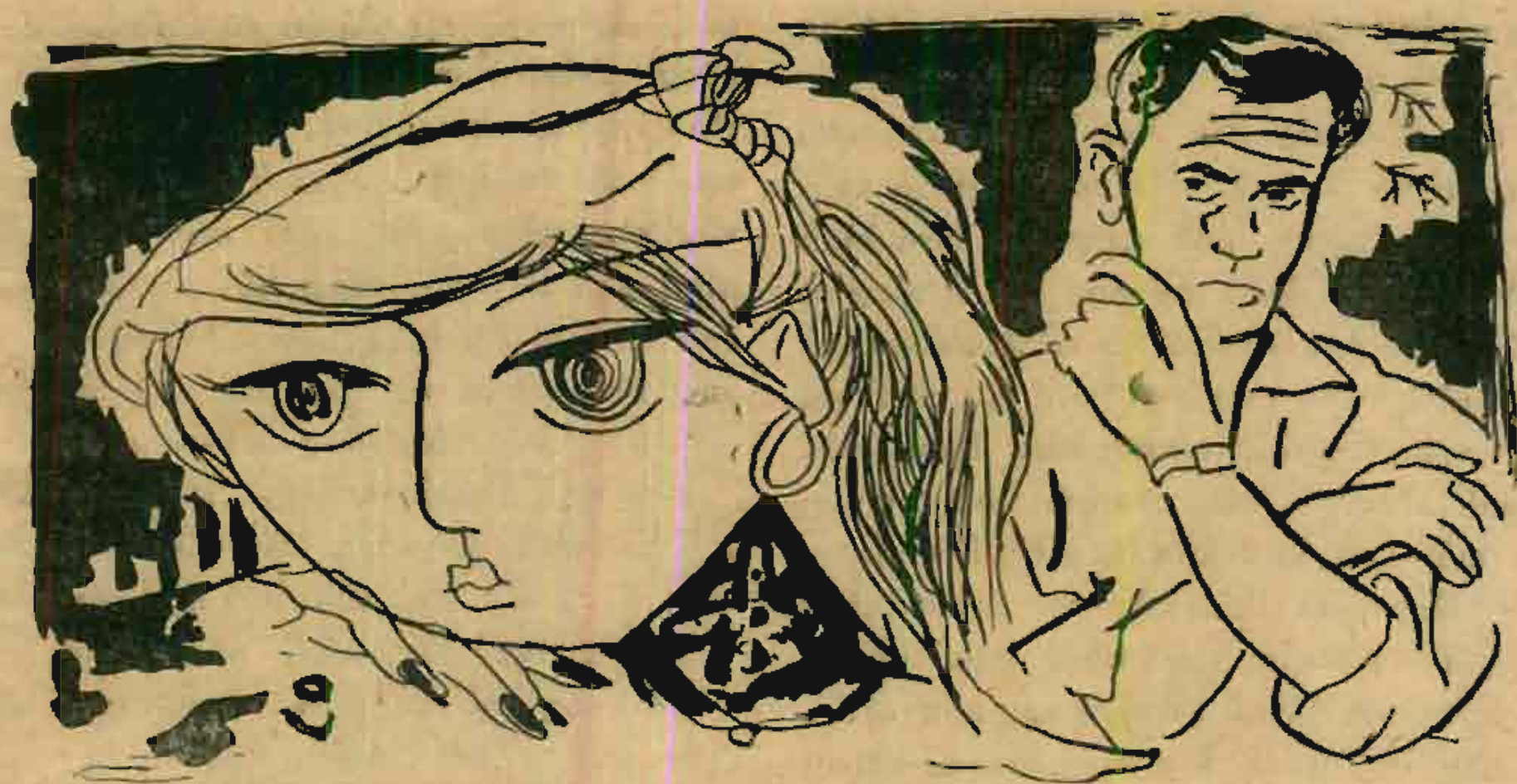
Tân thuộc hạng người chú-trọng cái đẹp về cả hai phương-diện : hình thể và nội dung. Có lẽ vì đó, anh ưa chuộng các gương mặt trầm tĩnh trong những bức tranh của Gauguin, Rembrandt, Vermeer... Ở cô gái này, anh lại nhận thấy những nét trầm lặng đó, tiềm tàng hơn ; cái vẻ trầm tĩnh bề ngoài nhưng chứa đựng một tâm tánh dôi-dào, tế nhị, phức tạp mà chắc chưa có cơ hội thuận-tiện để bộc lộ ra thôi. Nhiều lần, Tân thấy trong lúc ra về, cô ta lúng-túng, hấp tấp, như sợ-sệt, muốn lảng tránh cái nhìn của mấy người còn lại, những cặp mắt ranh-mánh, soi bói.

Người cô hơi cao, thân hình có thể tạm là cân đối, đều đặn ; một thân hình đã được phát triển đầy đủ, ổn định. Như một lần đứng gần chỗ cô ta, Tân liếc qua ập vào : những hàng chữ mịn, xiên qua

phía mặt, chứng tỏ con người trong thâm tâm tế nhị và có tình-cảm. Một đôi khi, Tân nghe cô ta nói chuyện với bạn gái, giọng nói của cô êm và ấm không cao không thấp. Đáng đi, nếu khi nào bình tĩnh, cũng có cái điệu uyển chuyển, dễ coi.



Phương nghi có người ngó mình, hơi khó chịu. Muốn chắc là không lầm, nàng liếc mau về phía Tân, bắt chợt tia mắt hướng ngay nàng, tuy bề ngoài có cái bộ vô tư nhưng đối với Phương, một người con gái đủ trí thông-minh và tinh ý, nàng biết chắc đó là một cặp mắt đang quan sát, dò xét một cách chăm chú, tỉ-mỉ, với một mục-dích nào thì nàng chưa chắc được. Từ xưa, ít khi người ta để ý tới Phương cho nên đầu đã học qua môn tâm lý ở trường, nàng hầu như quên lửng đi... (nếu có dịp thực dụng, không chừng Phương bình tĩnh hơn để suy xét), Phương thử liếc lên một lần nữa : cặp mắt đó ngó nàng không chớp, tỉnh táo, thản nhiên, hầu như không để ý việc đó có thể làm nàng phật ý. Phương cảm thấy có một sự gì bức - bội làm nàng ngọt-ngọt, khó thở ; nếu nàng đủ can đảm, nàng sẽ ngó ngay anh ta với cái nhìn đanh thép, nghiêm - nghị để coi anh ta làm quái gì. Ví dụ Phương có sắc đẹp, thì cái nhìn kia đối với nàng có nghĩa là một vinh hạnh, nhưng Phương tự biết kém coi về phương diện đó rồi. Từ nhỏ, Phương tia như vậy hơn nữa nàng đã tới cái tuổi mà người ta khó hi vọng có một người trai theo đuổi. Nhưng tại sao anh ta nhìn nàng như Phương chưa bao giờ thấy ai nhìn nàng cách đó ? Như những người sống nhiều về nội tâm, Phương hay thắc mắc, và nhất là nàng thiên về toán, nàng



lại là gái, thì điều thắc mắc đó cứ lần quần trong đầu nàng. Có phải anh ta thương hại cho sự cô độc của Phương? Nàng biết tại tánh nàng nhút nhát, do đó bạn trai nàng gần như không có, và bạn gái nàng ít khi giao thiệp vì ít khi có lợi cho nàng. Càng lớn tuổi, Phương càng trở nên lãnh đạm với mọi người, đó không phải là nàng thiếu tình cảm, cũng có khi nàng ao ước được một người trai nào đó thương nàng, nhưng hết năm này tới năm khác, niềm hi vọng của nàng lần lần trở thành mỏng manh hơn và tới nay, tuy chưa bao giờ nàng tự nhận một cách công khai, Phương cảm như hạnh-phúc sẽ không bao giờ tới với nàng. Học hành có kiến-thức rộng, dành rồi, nhưng nàng thấy không gì qua sắc đẹp để có thể hưởng một cuộc sống sung sướng, đầy đủ. Phương học, chẳng qua không thể làm gì khác hơn là để chiếm một địa-vị cao trong xã-hội. Nàng biết mơ mộng, ao ước, nhưng trước mặt mọi người, lòng tự ái cao, nàng phải giữ vẻ lãnh đạm để khỏi bị ai phiền nhiễu. Thường thì người ta đề nàng yên — hay

do óc chủ-quan mà nàng nghĩ vậy — nhưng cách đây hơn tuần, hình như có người dòm hành nàng, đề làm gì? Phương suy nghĩ: nàng không dính líu tới chánh-trị, không làm điều gì quấy, thì người ta đề ý tới nàng có lẽ một trong các lý do: anh ta thấy nàng có điều gì khác thường, chẳng hạn nàng luôn luôn cô độc... — anh ta là một nhà văn đương kiếm đề tài... — hay anh ta có cảm tình với nàng...? Nghĩ rằng mình trở thành một kẻ đóng trò cho người ta tự-do xem xét, bình phẩm, Phương nóng mặt. Nàng vụt ngó lên. « A! có điều gì lạ mà dòm kia? đề người ta yên coi! » nàng như muốn thốt ra nhưng không có can đảm và biết là không thể. Anh ta đương nghĩ gì về nàng? Anh ta cười thầm, thương hại nàng là gái già? về cái mũi trâu của nàng? Cái mũi làm Phương khờ sờ từ nhỏ, là dấu đề của những cuộc trêu ghẹo của các bạn học tàn ác của nàng, cái mũi mà có khi soi mặt trong gương, nàng muốn chảy nước mắt? Phương đề hai tay lên bàn, thấy trơ trẽn quá, lại rút xuống. Nàng cố giữ dáng ngồi thiết tự nhiên, nhưng

càng muốn, nàng càng thấy gương. Hằng bữa, nàng ngồi đây, có sao ? có bao giờ khổ tâm như nay đâu ? có lẽ Phương quá giàu tương tượng ? Những giòng số ở trước mắt nàng hình như rối hơn bình thường ; nàng đọc qua một lần, không rõ nghĩa, phải đọc trở lại. Tự nhiên, Phương liên tưởng tới một một câu nói nàng đã được nghe lâu rồi, nhưng như luôn luôn ám ảnh nàng : « đám con gái học cao xấu quá, mấy con khá khá họ cười hết ráo », nàng hiểu thắm thía câu nói đó, và thấy không tới nỗi sai sự thiệt bao nhiêu. Những người dở dở ương ương như nàng, đàn ông có địa-vị hay trí-thức cao không ai muốn ngó, còn những người học thấp, địa-vị kém hơn nàng thì không dám dèo bông...

Ừ, mà thiệt ra, làm gì Phương phải gương ngợ ? Sự xấu hổ của nàng thiệt không hợp lý, tại nàng tự ti mặc-cảm không chừng. Nàng cần tự chủ, coi như không có gì, như từ lâu nay nàng coi thường những người xung quanh. Mà kể ra, anh ta có cử-chỉ nào chứng tỏ chắc-chắn rằng có ác-cảm với nàng, như nàng đã nghĩ, biết đâu anh ta lại không... không vô lý, anh ta không thể thích nàng được, hay nếu có, chắc chẳng với mục-đích gì mờ ám ? Ồ nếu anh ta ngó nàng, kể anh ta, đó là quyền của anh, không lý bây giờ nàng gây với anh ta về một chuyện nhỏ nhặt không thể lấy gì làm bằng chứng cụ-thể đó ?...

Mấy ngày sau, Tân ngồi yên chỗ cũ, và Phương cũng vậy, nghĩa là họ dẫu mặt nhau, nhưng giữa hai người, có hai hàng ghế bỏ trống. Phương đã lấy lại bình tĩnh, và lạ một điều, thỉnh-thoảng nàng ngược mắt lên, và tuy không phân

tách được rõ rệt đã do vô tình hay cố ý, nàng thấy như cần phải ngó anh ta. Phương tự-nhiên hơn, bạo dạn hơn, gần như vui vẻ hơn. Anh chàng mà nàng vừa khó chịu vừa ghét mấy bữa đầu, hình như đối với nàng bớt chướng mắt : anh ta coi bộ hiền (như nàng ?) tầm vóc hơi nhỏ, trán vồ, mũi cao và mắt sâu, biểu-hiệu một đời sống tinh-thần dồi-dào, linh-dộng. Thỉnh-thoảng, Phương thấy anh ta nhú mày lại, cặp lông mày đen, rậm, xếch lên coi anh hơi nghiêm khắc. Tóc anh dài, dày, chải ngược lên sơ sài. Miệng anh nhỏ, và nàng chưa từng nghe anh ta nói chuyện với ai, hay cười lần nào. À, bây giờ Phương mới để ý điều đó, anh ta luôn luôn cô-độc, giống nàng ; và nàng lấy làm thỏa-mãn đã kiếm được một đồng bệnh. Vậy mà nàng hần-học, tội cho anh ta... Và lại, tại Phương khó tánh mới nghĩ như vậy, chớ nàng cấm người ta ngó mình được sao ?

Anh chàng bận quần áo coi hay hay : bao giờ cũng quần xám áo trắng, chẳng thay đổi ; nhưng nàng phải công nhận sắc xám đó anh ta lựa khéo. Nàng nhớ những người trai mà nàng thường thấy đi dạo từng đoàn quanh đường phố Lê-Lợi trong ngày nghỉ đã làm nàng cười thắm với cách ăn mặc giống rập của họ : quần đen pèche, áo trắng, giày vớ đen, không giày nịt. Nàng thường cho đó một đàn vịt « qui se suivent à la queue leu leu » như ngày xưa nàng học trong quyền tập đọc thì đúng hơn. Ồi chà, ít nhứt, trong phái nữ của nàng, dù có sự lơ lửng cách mấy đi nữa, cũng chứng tỏ phần nào sự cố gắng, óc thẩm-mỹ, sự gìn giữ bản tánh bằng cách lựa chọn theo ý riêng mình...

Phương không nhớ rõ từ ác cảm đã chuyển qua tình cảm với anh ta từ lúc nào, nhưng nàng chắc là hiện nay, có một điều nàng luôn luôn nghĩ tới với một cảm giác mới mẻ, một mối hi-vọng và sung-sướng ngấm mà nàng chưa dám tin là thiệt : đó là tình yêu. « Kìa điều thú là loài vạn vật, dẫu vô trí cũng biết dào bông » huống là nàng một người chưa hề yêu và được ai yêu. Proust cho rằng mới lớn lên, người ta bắt đầu có một tình yêu mơ hồ, nghĩ tới một hạng người lý-tưởng, rồi sau đó khi gặp người hợp ý, người ta yêu mãnh liệt và không biết tới người khác : nàng cũng ở trường-hợp đó ?

Chắc chắn là anh ta mến nàng mới đề ý tới nàng như vậy, và nàng nhận thấy điều đó trong cặp mắt anh ta. Phương nhớ cách đây không lâu, nàng mục kích một cảnh trong khi nàng có chuyện đi qua phố Nguyễn-Huệ : một cô gái lớn tuổi hơn nàng, lúc đi ngang mặt một ông sang trọng từ xe hơi bước xuống, đã làm ra bộ e-thẹn và cười duyên ý chừng muốn được ông ta đề ý, và lúc đó, nàng thấy tất cả cái tánh chất khôi hài hèn hạ, và tự hỏi tại sao cô ta có thể tự mâu-thuẫn như vậy vì nàng biết rõ cô gái đó là một người mà trước đây nàng từng nghe mặt sát đàn ông... Nay thì nàng thiệt hiểu rồi.

Phương quan sát anh ta kỹ càng hơn, và thấy anh ta không tới nỗi xấu trai, tuy không thể cho là bảnh trai được. Khi cặp mắt anh ta ngừng nơi bàn tay của nàng — có chừng hơi lâu một chút — thì nàng đột-nhiên có ý nghĩ muốn cho anh ta biết nàng không tới vô tình với cái nhìn đó. Nàng vén cổ tay áo lên, liếc đồng hồ rồi như quên lửng, cứ để nguyên cổ tay trắng trắng của nàng lộ ra như vậy trên bàn, ngược lên mỉm cười như muốn nói :

« đó, muốn coi thì coi đi, không cấm đâu... » Một lần khác, anh ta ngó ngay mặt nàng, và Phương thừa dịp để cười duyên, rồi nàng lấy khăn tay trắng tinh ra chấm chấm nơi miệng.

Những buổi chiều, trời gần tối, nhiều người đứng dậy sắp sửa về làm cho nàng có cảm tưởng như ngọt ngọt. Nàng hồi hộp, sơ cái giây phút anh ta đứng lên bỏ nàng ở lại một mình và không hiểu sao, nàng cảm thấy trong người nóng ran và khô ở cổ. Nàng xếp quyền vờ để sẵn, chỉ ngó trong sách, nhưng thiệt ra, nàng không còn đủ bình tĩnh để theo dõi mấy con số nữa. Cái giây phút chờ đợi đó kéo dài làm cho nàng như lên cơn nóng lạnh, thêm vô đó, tiếng máy quạt vù vù trên đầu nàng như phụ cho giây thần kinh nàng căng thẳng ra. Nhưng lần nào như lần nào, hễ anh ta đứng lên ra về thì tim nàng đập lũng bùng loạn xạ, mấy ngón tay nàng quít lại, và nàng cứ ngồi im chớ không có can đảm đứng dậy bước theo ngay, và bao dự tính của nàng — dự tính kiếm cơ hội quen anh ta — do đó chưa bao giờ thực hiện được. Một lần, Phương về trước, và anh ta đi kể sau nàng, khi xuống giữa thang lầu, nàng tưởng anh ta tính nói câu gì, tay nàng run lên, nàng cố ý đi thiệt chậm, thờ thiệt điều để giữ bình tĩnh, và như vô tình, nàng quay mặt lại. Nếu lúc đó anh ta chỉ mỉm cười với Phương thôi, có lẽ nàng đã dạn gan bắt chuyện với anh ta rồi ; nhưng không, anh ta vẫn giữ bộ mặt lãnh đạm làm nàng hơi ngượng. Phương về, trong lòng ấm ức, giận mình, giận người ; nàng tự trách là ngu, là tồi, đã hành-động dại cho người ta khinh. Biết đâu anh ta không cười thầm nàng, và không chừng sẽ kể chuyện lại cho

mấy người bạn, rồi họ cười với nhau, và mỗi lần thấy nàng, họ sẽ nheo mắt, ra dấu... ? Nàng lo rồi đây, mọi người ở Thư viện biết chuyện đó, nàng không còn dám tới ngồi học một cách yên ổn nữa.

Đường phố đông đặc người đi. Phương bước như máy, tai chỉ nghe văng vẳng tiếng xung quanh, nàng không còn đủ sáng suốt để quan sát thiên hạ như thường ngày nữa. Nàng muốn về thật mau; chiếc autobus đầu tiên tới, nàng bước đại lên, dù thấy đã hơi quá chật.

Nhưng rồi qua bữa sau, nàng cứ tới Thư viện. Ở nhà, nàng cứ thấy bồn chồn và làm việc không tiến tới đâu hết. Nàng kiếm cơ hội để đo thử coi cao hơn anh ta bao nhiêu, liếc qua sách anh đang đọc, điều tra để biết tông tích anh ta. Nàng săn sóc cách ăn bận hơn trước, đôi áo tím ra vàng cho trẻ trung, uốn lại mái tóc, cạo hết lông măng ở mặt và ót, đi một đôi dép mới.

★

Tân tin chắc là đã nắm được chiếc chìa khóa có thể giải quyết một vài thắc mắc mà lâu nay, anh chỉ cảm thấy và hiểu biết một cách mơ hồ, chưa phân tách và tìm được câu trả lời dứt khoát. Về đẹp già dặn kia, Tân quả thấy có một giá-trị vững chắc, thắm thía, đậm đà. Còn cái duyên tiềm tàng và tế nhị; đó chẳng khác một « harmonie sourde », một sự hòa hợp của các sắc trầm, ấm, đem lại cho người biết thưởng thức một thích thú bền bỉ. Do đó, Tân không còn làm lạ mình hơi « ghiền » cô gái toán. Giống như các bạn đồng nghiệp, Tân có một tánh tình sôi nổi. Thường ngày Tân tự chủ, đè nén sự sôi nổi đó dưới một lớp lý trí gắt gao, nhưng anh biết nó đang âm ỷ và khi gặp cơ hội,

có thể bùng lên một cách mãnh liệt. Tình cảm của anh là một phần của sự sôi nổi đó; anh nghi một ngày kia, khi anh quên được những khuyết điểm bề ngoài của cô gái đó thì tình cảm của anh được giải thoát và anh sẽ yêu cô ta không chừng. Anh cho là vô lý: cái đẹp nơi cô gái có một giá trị nghệ thuật, đối với anh là một phương-tiện để giúp trong việc thực hiện lý-tưởng hơn là có thể dùng trong đời sống thực-tế. Anh hiểu cô gái có cảm-tình với mình, nhưng anh không muốn điều đó có ảnh-hưởng tới anh, một phần do bản tánh ích kỷ không muốn có sự ràng buộc, một phần anh muốn tự đặt ra ngoài sức hấp dẫn của tình yêu không được anh dự tính và ham muốn thoát đầu. Những lúc cô ta hiện diện có thể nói là Tân thành-công: trước mặt anh, cô gái quả không đáng cho anh chú ý về khía cạnh tình-cảm. Hơn nữa, toán và vẽ, hai môn trái ngược nơi mục-dích, có thể nào hòa hợp nhau một cách dễ dàng?

Lúc anh mắc công việc không thể tới Thư viện trong vài ba ngày, những ngày đó anh cảm như thiếu thốn, và hình ảnh cô gái kia hiện lên trong trí anh một cách mơ hồ, nhưng mất đi những điểm xấu, chỉ còn giữ lại những gì đẹp để, đáng yêu...

*

Tân ngưng kể. Trời mưa đã lâu; tiếng nước chảy từ mái nhà xuống sân nghe như rót nước, mấy nhánh cây nhãn bị gió thổi cạ vô nhau loạt xoạt, tiếp theo là những giọt nước bị vụt xuống đất. Chắc Tân đã ngủ: tiếng anh thờ đều đều... Tôi đứng dậy, đi mở hai cánh cửa sổ: một luồng gió mát lạnh ùa vô thay đổi sự ngột-ngạt của gian phòng. Mưa vẫn tiếp tục rơi...

CHU-MINH-THỤY



TIẾNG VỌNG BÊN KIA

Người đi thưở trước, mình đi tiên.
Đến lượt mình đi, vắng mặt người.
Năm đất từ đây ai ấp ủ?
Gương thề, mặt đá, bóng trăng soi.

(Giã - từ)
PHẠM-TĂNG

Gửi anh họa-sĩ P.T.

*Gương thề, mặt đá, bóng trăng soi,
Đêm chửa tàn canh, mộng tỉnh rồi,
Sương thấm lòng hoa, hoa đã rụng,
Úa vàng, cỏ ngậm giọt chia phối.*

*Tha thiết yêu đương, túi phận mình,
Máu đào dâng hận ngập cao xanh,
Bão lòng một trận tan vàng đá,
Ba thước chôn sâu một mảnh tình.*

Hồn em u uất lạc chân mây,
Mộ vắng, hương thừa, thoảng khói bay...
Anh khóc thương em, em hối tiếc,
Nửa đường, phút chốc nở rời tay !
Vẫn tưởng ngàn thu ngậm oán hờn,
Nhìn anh gói chiếc với chăn đơn,
Dăm đêm trăng khuyết vừa ly biệt,
Đã ngỡ mười năm nhận lạc đàn.

Xa nhau mới biết rõ lòng nhau,
Trút nợ trần-duyên, nặng gánh sầu.
Kẻ ở người đi, ai đứt ruột ?
Suối vàng thánh thoát hạt mưa ngâu...

Thăm viếng canh trường mượn giấc mơ,
Trông nhau càng xót cảnh bơ vơ,
Trao thương gửi nhớ đôi hàng lệ,
Khuất nẻo u minh, ánh nguyệt mờ...

Đôi phen rung lá, động cành sương,
Nấp bóng chiều hôm, đứng cạnh giường ;
Em sát bên anh, anh chỉ thấy,
Ngàn trùng mây khói biệt âm dương...

Vì em, anh bỏ phí ngày xuân,
Giữa hội yên-hoa, tóc bạc dần...
Bao dóa hồng tươi, mong kẻ hái,
Tiếc chi ai-cúc chốn khâu-phấn !
Hương lửa cùng anh, ước tái lai,
Côi trần, em lại muốn đầu thai...
Nụ canh chưa nở, anh già cõi,
Chẳng lẽ yêu-đào sánh lão-mai ?
Mong anh sớm gặp khách thuyền-quyên,
Hình dáng như em, nét dịu hiền,
Nghĩa trước tình sau anh trọn vẹn,
Mắt còn, em đỡ túi tơ duyên.

Bạn gái thương em kiếp lỡ làng,
Đạp-thanh viếng mộ buổi xuân-quang :
Đuốc hoa sớm tắt, thân vùi dập,
Nghỉ ngút làm chi mấy nén nhang !

Chung tình, em luống ngại tiêu-vong,
Giữa mộ, xin ương một khóm hồng :
Thề-xác em tan thành nhựa sống
Nhuộm màu huyết lệ thấm đôi bông.

Anh chiết vài chi, cắm trước nhà,
Nhớ nhung, khỏi ngại quăng đường xa,
Nước trong anh tưới hồn em mát,
Muôn thuở, thôi dành một kiếp hoa...

HẰNG NƯƠNG

KIỀU-YIÊU (dịch)



HỒNG-ĐẠI-NGHIỆP người đất Đơ-trung, vợ là Chu thị, tư dung khá diễm lệ, ở với nhau thật là đầm ấm.

Sau, Hồng lấy tì-nữ Bảo-Đái làm bé, dung nhan kém Chu xa mà Hồng cũng lạ thường. Chu bất bình, và chính vì thế mà sanh ra hờn giận. Hồng tuy chẳng dám công nhiên ngủ ở buồng vợ lẽ, nhưng càng ngày càng khăng khít Bảo-Đái mà thưa thớt Chu.

Về sau dời đi chỗ khác, ở bên cạnh một người buôn hàng lụa họ Địch. Vợ Địch là HẰNG-NƯƠNG, qua nhà thăm Chu trước. HẰNG-NƯƠNG chừng ba mươi nhan sắc chỉ

thường thường bực trung, mà ngôn từ quả là duyên dáng. Chu đem lòng mến. Hôm sau đáp lễ, thấy nhà y cũng có người vợ bé, tuổi hai mươi trở lại, rất óng ả.

Ở lân cận nhau gần nửa năm, tuyệt không nghe một tiếng gì dỗi co. Địch riêng yêu chiều một mình HẰNG-NƯƠNG, cô vợ bực hai chỉ có hư vị mà thôi.

Chu một hôm đến thăm HẰNG-NƯƠNG mà hỏi « Tôi bấy lâu vẫn cho rằng làm chồng sỡ dĩ mê vợ bé, chỉ tại là vợ bé dẫy thối, nên thường muốn đem cái danh vợ lớn đòi lấy tiếng vợ bé. Nay mới biết là không phải vậy. Phu nhân có mẹo gì, nếu

có thể truyền dạy cho, thì xin nguyện chấp tay cúi đầu làm đệ tử. »

Hằng - Nương nói : « Ô hay ! Điều sơ sót chính là ở chị, lẽ đâu lại trách đàn ông ? Sớm chiều cứ rầy rà ồm tỏi, đó thật là chớ cúi cho rùng, xua chim cho rú vậy, sai lầm biết bao nhiêu. Chị về cứ việc buông rộng thả dài. Dầu người đàn ông có tự tìm đến, cũng đừng tiếp tap. Một tháng nữa, tôi lại sẽ lo liệu giùm chị. »

Chu nghe theo lời, càng chăm nom phục sức cho Bảo-Đái, kêu hãy sang buồng chõng mà ngủ. Bất cứ bữa ăn bữa uống nào của Hồng, cũng kêu Bảo-Đái cùng ngồi. Hễ bạn nào Hồng la cà bên Chu, Chu thảy đều hết sức cự tuyệt. Cho nên Hồng có lời khen Chu là vợ hiền.

Như thế hơn một tháng, Chu lại đến thăm Hằng-Nương. Hằng-Nương mừng nói « Được rồi đó. Chị về, hủy bỏ hẳn việc trang sức. Đừng ăn mặc diêm-duá, đừng tô son điểm phấn. Cứ để mặt lọ lem, cứ mang dép cũ rách, lẩn với bọn người nhà mà làm lụng tháo vát. Một tháng nữa, hãy lại. »

Chu làm theo lời. Y phục rách thì vá lấy, nên trông chẳng được sạch sẽ. Mà ngoài việc quay tơ đánh sợi ra, không đòi hỏi gì khác nữa. Hồng chạnh lòng thương xót, dặn Bảo-Đái tiếp tay đỡ nhọc giùm. Chu không chịu, cứ rầy bảo để mặc nàng.

Như thế được một tháng, lại sang thăm Hằng-Nương. Hằng-Nương nói : « Chị thật biết nghe lời. Bữa mốt là tết Thượng-tị (1), định rủ chị cùng thầy hội « Đạp

xuân-viên. Chị nên trút bỏ hết y phục cũ rách đi. Áo quần giày vớ, mỗi mỗi đều hoàn toàn thay mới, sáng sớm qua nhà tôi. » Chu ừ.

Đến ngày, soi sương dỗi phấn thoa son tiêm tăt, nhất nhất y lời Hằng-Nương dạy bảo. Trang điểm xong qua nhà Hằng-Nương. Hằng-Nương mừng nói : « Được lắm đấy ! » Rồi giùm bới tóc đuôi phụng, chải bóng đến có thể soi hình. Tay áo dài thấy không đúng thời trang, bèn tháo chỉ, sửa chữa lại. Chê giày Chu hình dáng thô vụng, bèn đi lấy trong tủ ra đôi giày làm còn bỏ dờ, cùng nhau khâu khâu vào đó, rồi bảo Chu thay ngay.

Lúc sắp chia tay, đem rượu ra mời uống, dặn rằng : « Chừng về, hễ thấy bóng chõng, là phải đóng cửa buồng ngủ sớm. Anh ấy có lại gõ cửa, hãy làm ngơ. Cứ ba lần gọi, có thể cho vào một lần. Đến như những trò gọi tình khác thì nên hẹp lượng một tí. Nửa tháng sau hãy lại. »

Chu về, phục trang, lộng lẫy để nguyên tìm đến Hồng. Hồng lặng ngắm nàng từ trên xuống dưới, nở nụ cười vui thích khác hẳn ngày thường. Chu chỉ nói sơ qua cuộc du lãm, rồi lấy tay chống cằm, thùy mị làm duyên. Trời chưa tối, đã sửa soạn vào buồng, đóng cửa mà ngủ. Chẳng bao lâu, Hồng quả nhiên đến gõ cửa. Chu vẫn nằm lì không đứng dậy, Hồng mới chịu lui gót.

Hôm sau cũng thế. Sáng ra Hồng có lời trách móc, thì Chu nói : « Tập ngủ một mình đã quen đi rồi, không thể chịu những sự phiền nhiễu chung đôi được

(1) Mồng 3 tháng III âm-lịch.

nữa.» Mặt trời vừa lặn, Hồng vào khuê phòng ngồi giữ riết, tắt nến (1) leo lên giường, giống như đùa cợt vợ mới cưới, sự quần quýt vui khôn kể xiết. Lại tính hẹn đêm sau, Chu không chịu, cứ một mực giao ước với Hồng lấy ba hôm làm định kì tái hội.

Độ nửa tháng sau lại sang thăm Hằg - Nươg. Hằg - Nươg đóng cửa cùng nhau chuyện trò, nói rằng : « Từ nay rất có thể giành thú chung phòng về phầu mình rồi. Có điều chị tuy tươi đẹp, mà chẳng hấp dẫn. Tư dung của chị, một khi thêm được sức hấp dẫn, thì cũng tranh đoạt nổi tình sủng ái với cả Tây-Thi, huống hồ là với kẻ thấp kém.»

Bèn bảo Chu liếc thử mà rằng : « Không phải thế. Còn khuyết điểm ở đuôi mắt.» Lại bảo cười nụ, mà nói : « Không phải thế. Còn khuyết điểm ở khước miệng bên trái.» Đoạn chính mình gợn thu ba đưa duyên, chúm chím đôi hàm răng hột bầu hé lộ, bảo Chu bắt chước theo. Làm tất cả có đến mấy mươi bận, mới thấy phương phất giống chút đỉnh.

Hằg-Nươg nói : « Thôi chị về. Rán soi gương mà tập cho nhuần. Bí thuật

(1) Nguyễn-văn là : *Diệt chúc đang sàng*. Đa số từ điển Hán-Việt cổ lệ phải nói toàn thể mới đúng — đều dịch Chúc là Đuốc. Thật ra chúc là đèn cây, nến. Còn cái mà ta gọi là đuốc, thì Hán-văn gọi là Hỏa Bá, âm Quảng-dông là Fô-Pá, âm Bắc-kinh là Huô-Pá, Viết chữ Chúc lên một mảnh giấy, vào tiệm tạp-hóa Hoa-kiều hỏi mua cái vật ghi tên trên giấy đó, thì cứ nơi nào chủ hiệu cũng đưa đèn cây cho ta, mà tuyệt-nhiên chẳng bao giờ đưa cây đuốc — Một sự sai lầm trong phạm-vi những khái niệm cụ thể, rất dễ kiểm soát, thế mà học-giả nước ta cứ thân-nhiên lưu truyền cho những người cầu học từ thế-hệ này sang thế-hệ khác, sự ấy thật không làm sao không khiến ta ngạc-nhiên được.

không còn sót gì nữa đâu. Đến như việc gối chăn, thì hãy tùy cơ mà xiêu động lòng anh ấy. Cố tìm biết sở thích mà làm cho hợp ý. Cái ấy không phải là cái nó thể dùng lời nói truyền cho được.»

Chu về, nhất thiết đều như Hằg-Nươg chỉ vẽ. Hồng rất thỏa dạ, thể xác tâm thần đều mê đắm, chỉ nom nớp sợ bị cự tuyệt. Hễ trời sụp tối là cùng nhau cười giỡn, không rời khỏi buồng khuê nửa bước. Lâu ngày lấy thế làm thương, thết rồi chẳng tài nào xô ông ta đi chỗ khác được.

Chu càng xử với Bảo-Đái rất tử tế. Mỗi lần yến ẩm trong phòng đều gọi lại ngồi chung giường, nhưng Hồng thì xem Bảo-Đái càng ngày càng xấu, không đợi tàn tiệc đã kêu đi đi. Chu tìm cách lừa chõng vào phòng Bảo-Đái, gài cửa tại bên ngoài, Hồng suốt đêm không hề xúc động.

Bấy giờ Bảo-Đái đem lòng hờn giận Hồng, gặp người quen là thỏ lộ niềm phẫn oán. Hồng càng thêm chán ghét, dần dần dùng đến roi vọt. Bảo-Đái tủi thân, không lo gì đến trang sức. Y phục lọ lem, giày dép cũ rách, đầu bù tóc rối, không làm sao gọi được là người nữa.

Hằg-Nươg một bảo Chu rằng : « Bí thuật của tôi, thấy ra thế nào ? » Thừa : « Thuật quả kỳ diệu. Có điều đệ tử này đủ sức làm theo mà cuối cùng vẫn không tài nào hiểu thấu. « Buông rộng thả dài », là ý gì ? » Nói : « Chị há chẳng nghe sao ? Nhân tình chán cũ mà thích mới, chuộng khó mà khinh dễ. Làm chõng mà yêu vợ bé, nào phải luôn luôn tại đẹp đâu. Ấy chỉ do cái lòng hễ được của bất ngờ thì cho là của ngon, hễ gặp cái khó gặp thì lấy

làm hạnh phúc. Buông rộng thả dài cho người ta no nê, thì trần cam cũng cháu, nũa là canh suông. »

« Còn trước hủy bỏ, rồi sau lại tô chuốt là ý gì ? » Đáp : « Bỏ luống chẳng ghé mắt, thì có khác nào xa cách lâu ngày : chợt nhìn thấy phục trang rực rỡ, thì giống hệt như mới lại lã đầu, tí như kẻ nghèo bỗng được thịt bùi mỡ béo, thì còn coi tếp lược cá kho vào đầu. Đến như chẳng ban cho một cách dễ dàng, thì hóa ra cũ người mà mới ta, dầy để có mà dày khó được. Ấy tức là cách đòi vợ lớn thành ra vợ bé vậy. » Chu thích thú vô cùng, từ đó hai người trở nên mật hữu chồn phòng khuê.

Được vài năm, hốt nhiên bảo Chu rằng : « Người chúng ta tuy hai, mà tình

như là một, chẳng nên giấu giếm đôi tư với nhau làm gì. Trước kia muốn nói, lại e ngờ vực. Nay sắp chia tay, dám xin thưa thật. Tôi đây là hồ. Thuở nhỏ mắc phải nạn mẹ ghẻ, đem bán tôi cho người đất Đô-trung. Chồng tôi xử với tôi rất hậu, nên chẳng nở cự tuyệt, quyến luyến nhau cho đến mái hôm nay. Ngày mai là ngày cha già qua đời, bổn phận tôi là phải về viếng, không trở lại đây được nữa. »

Chu nắm lấy tay, ngậm ngùi. Sáng sớm đi xem thử, thấy cả nhà bối rối, mà Hằng-Nương thì tuyệt mù tăm bóng.

BỒ-TÙNG-LINH
(KIỀU-YIÊU dịch)



Tặng « HẰNG-NƯƠNG »

*Bì kịch muôn đời diễn :
Vi lâm tướng yêu đương
Miễn thĩ chung như nhất
Là giữ mãi dạ chàng,
Nên bao lòng chắt phác
Nghe ân tình phai hương,
Nên bao người thiếu phụ
Thăm khóc duyên bẽ bàng.
Cỏ dè dàu luyến ái,
Ngoài một quả tim vàng,
Còn cần bao xảo trá*

*Của mắt biếc môi hương,
Còn cần bao tiểu tiết
Che giấu nơi chiếu giường.
Tình sống bằng lý tưởng
Họa có trong mộng trường.
Tâm hồn và nhục thể
Lià sao được tư vương ?
Dám nói ra điều ấy,
Duy có một Hằng-Nương.*

PING-HSIN nữ-sĩ
(KIỀU-YIÊU dịch)

★ Phải tiếp-tục cho tới khi nào đạt được kết-quả. Không nên bỏ khi chưa đi tới cùng. Chưa đạt được kết-quả thì chưa đạt được gì hết. (Foch)

★ Đường dài trăm dặm, tuy đi được chín mươi, song mới là một nửa. (Chiến-quốc sách).

CALTEX (ASIA) LIMITED

*Phát hành ở Việt-Nam
tất cả nguyên liệu có giá trị*



và đặc biệt nhất là dầu

RPM

THE PREMIUM MOTOR OIL

H. D.



Long Size



Thuốc Thơm *điều dài*

HƯƠNG-VỊ HOA-KỲ

Thư-Quán XUÂN-THU

185/193 đường Tự Do Saigon — Đ. T. : 20.051

đầy đủ :

— Sách, Báo quốc tế

— Dụng cụ văn-phòng

Đồng hồ Mỹ **TIMEX**

Đúng Chắc Đẹp



Bán ở khắp các tiệm đồng hồ và tại
VIỆT - NAM KHUẾCH TRƯƠNG KỸ - NGHỆ
ĐỒNG HỒ CÔNG TY

176, Hai Bà Trưng — Sài Gòn

VOYAGEZ PAR QUADRIMOTEUR STRATOLINER

AIR LAOS

RENSEIGNEMENTS - RÉSERVATIONS
65, RUE LE-THANH-TON, - SAIGON

TÉL: { 22.102
SGN. 34



CÂY ĐA ĐÒN CŨ

☆ — NGUYỄN-VĂN-XUÂN

NƯỚC lụt đục ngầu, bọt nổi trắng xóa, đổ xuống như thác về róc suốt đêm ở dưới sông. Nước tràn lên các bãi dâu, nà bắp. Bọn người đứng cá, hằng năm chờ sẵn, đã mang « nhứt » ra, kéo cho được những con cá « trôi » lớn nhất, béo nhất từ nguồn trôi về và họ đã bị đánh lật lên khỏi các chỗ thấp, phải rút dần lên những nơi gò đồng.

Nước cứ róc mãi. Nước đen thăm thăm dưới những cơn mưa, tạnh không chừng trong một đêm trăng mờ càng làm cảnh-trí thêm vẻ âm-đạm mà vĩ-đại, buồn rầu mà mêh-mông.

Suốt một đêm trời đất cảm lạnh, nhường tất cả vang-động cho dòng nước với những tiếng dạt lờ ầm ầm, với tiếng mõ, tiếng trống mơ hồ vẳng lên xa xa. Cảnh vật lạ hẳn đi, nhất là vào lúc tờ mờ sáng, chân trời nhợt nhạt tỏa ra cái màu mờ mờ xanh bệnh hoạn, càng lúc càng soi tỏ cơn giận sùng sục sô của dòng nước lũ ở vùng kế cận núi rừng.

☆

Khi những gò đồng cao nhất không dung nổi bọn người đứng cá, khiến họ phải rút về, tay xách theo những con cá bằng ống chân, vảy lớn, mình bạc trắng,

cũng là lúc người ta gặp anh Năm Cụt đang lúi húi đóng bè. Cả buổi sáng nay, anh Năm đã đi rảo trong làng để mua năm, sáu chục cây chuối mốc, chuối sứ to lớn. Ở đây, chuối rẻ mạt. Với lối hạ cây chuối nhanh nhẹn quen thuộc bằng một lát dao, anh Năm sắp cho chúng nằm sẵn trong các vườn ở gần nhà anh. Rồi khi lượm kéo vào vườn, anh lấy răng xách một đống lạt, dùng cánh tay cụt khuôn những cọc tre, tay mặt cầm rựa, anh đi kéo đôn lư chuối nằm ngổn ngang, đóng cọc sắp chúng lại thành hàng rồi lần lượt điu chúng về nhà. Ở đây, anh đôn chúng thành bốn lớp, lấy lạt lớn cột kỹ vào nhau làm chiếc bè chuối bốn tầng kiên cố, vững vàng.

— Anh Năm, đi đâu đó ?

Bọn đứng cá hỏi. Anh đáp :

— Xuôi về Bến Điện.

— Hốt bạc nghe, anh Năm !

— Thì cũng khá hơn ngày thường thôi.

Anh Năm nói úp úp, mờ mờ không ai hiểu. Sự thật, mỗi cây chuối ở đây giá chỉ vài đồng, song ngày lượm lặt này mà mang được về những chợ hoặc thành phố ở đồng bằng, giá tiền có thể lên gấp hai mươi hay ba mươi lần. Muốn được cái giá đó, còn phải đem chơi với sông nước, với sóng gió, với bão lụt một mạng người. Không có tính nhẫn nại, lòng can đảm và biết rõ dòng sông con nước như bàn tay, để mấy ai dám liều lĩnh mà suy bì ?

Trên cánh đồng đến chân núi cao gheêu gheêu màu lam xanh đang tỏa những làn khí đá chông chắt lên nhau, che mờ hết núi non phía sau, nước ngập hết chỉ còn nổi lênh bênh các xóm nhà và những hàng cây xanh. Cây xanh, xanh thắm như mới được lau rửa sau những trận mưa

tầm tã. Nước không kể một sức chống đối cũng như bất chấp không gian vô hạn, cứ tràn, cứ ngập, muốn xóa bỏ hết sự sống của muôn loài. Dòng sông vẫn rùng rùng tháo nước đi, làm thành một đường hoạt-động kỳ bí giữa một biển nước đục ngầu. Trong các xóm, sự giao-thông, vận-tải đã hoàn-toàn trông vào mấy chiếc ghe. Trên không gian, vài con chim lớn nhón-nhác cất tiếng hải hùng bay qua những nơi quen thuộc thốt nhiên trở nên hoàn-toàn xa lạ.

Anh Năm cứ thong thả chuyền lẩn những thức cần thiết cho công việc bơi chèo và ăn uống lên bè. Việc chèo chống chỉ trông cậy vào một cây sào dài và thức ăn chỉ là cơm mắm, muối mè và ít thịt rang gói trong lá chuối khô.

Giờ khởi hành cũng giản-dị. Không có ai để từ-giã, dặn dò, anh chỉ khép cửa nhà lại — một cái nhà gân như trống không — rồi lạng lẽ leo lên bè. Lúc ấy đã vào độ xế chiều.

Có tiếng gọi hỏi hả từ xa.

— Anh Năm !

Người lái bè ngạc nhiên quay lại.

Trên một chiếc thuyền gỗ nhỏ, hai người đàn ông lực-lượng đang ra sức chèo. Người lên tiếng gọi ngồi nơi lái, phía sau hai bao hành lý. Anh ta trạc bốn mươi, bận một bộ bà ba bằng thao. Mặt chữ điền, xương cằm lồi hẳn ra ngoài, anh có vẻ võ dũng, quả quyết. Nước da xam-xám, hai con mắt hơi đỏ đục như mắt ngủ — nhưng vẫn rất tinh anh — dưới đôi lông mày lười mác. Miệng anh rộng, khi nói thì để lộ cả hàm răng không ra đen, ra trắng viền quanh là hai làn môi hơi thâm vì bệnh sốt chứ không phải vì nghiện.

— Anh Cát. Anh làm gì mà rối rít vậy ?

— Tôi tìm anh. Nghe nói chiều nay, anh xuôi Bến Điện ?

— Phải.

— May quá ! Anh cho tôi « quá giang » với.

Năm cười một cái cười độ lượng, niềm nở mà cũng đầy lo ngại :

— Tôi không muốn khó dễ với anh, anh Cát à. Nhưng anh có chịu nổi cái cảnh phải ngồi ngó trời nước mênh mông này không ? Mà còn nhiều nỗi nguy-hiêm bất ngờ dọc đường nữa.

Cát cười :

— Không muốn ngó rồi cũng phải ngó. Chớ anh bảo còn cách nào để về xuôi hôm nay nữa ? Tôi có việc hết sức cần.

Không để chủ-nhân nhọc lòng mời, Cát điem nhiên cùng người phụ việc khiêng hai bao hàng khá nặng, buộc dây mây chung quanh rất cẩn thận đưa lên bè. Ba lần, Cát sửa đổi lại chỗ để bao hàng cho vững vàng. Cuối cùng, chính Năm phải góp ý-kiến :

— Anh cứ để ngay giữa bè là tiện hơn hết.

Người phụ việc của Cát rút lui. Cát đặt cây rựa cầm trên tay xuống, lấy hai lá thuốc thật to mời Năm một lá còn lá kia thì anh quấn thành một điếu khá lớn, thong thả đánh diêm phỉ phà ít khói.

— Thôi, chúng ta đi.

Tháo dây buộc bè vào một gốc cây lớn trước nhà, Năm từ từ đẩy bè ra ngoài :

— Ngồi cho vững nghe, anh Cát.

Cát cười :

— Anh Năm, bộ anh quên tôi là tay lái ghe à ?

Nhưng người lái ghe giật mình : cái bè công kênh bắt đầu lênh bênh trôi ra giữa dòng, rồi thoát cái lao đầu về phía trước như bay, như được đẩy đi không phải bằng cả trăm mái chèo mà phải bằng một động cơ lớn, mở hết tốc lực. Cát biết ngay mình chưa ước đoán được tốc độ của bè là bao, cũng như sự nguy hiểm của con người nếu vô phước phải bị rúi ro ở dọc đường. Mạng con người ở trên bè chỉ còn cái giá-trị của mạng một cây chuối và tất cả hoàn toàn phụ thuộc cánh tay thuần thực của người lái bè. Người lái bè thật ra cũng không thể tin vào sức lực của mình. Sức lực của người, của trăm nghìn người, của cả dân cư hai bên duyên giang họp hết lại nào có nghĩa lý gì đối với vật nặng trôi theo tốc độ nhanh chóng phi thường của nước miền nguồn đang đổ xuống bè đông trong một ngày núi non ngập ú ? Mà sông không phải là bè. Bình thường, lòng bè dễ dề, lòng sông đã khó, huống chi một ngày lụt lội, lòng sông cũng bí mật như không biết bao nhiêu khối bờ sông lở đang di chuyển với cây gỗ đổ xuống từ rừng già. Thế mà người cần phải vượt thắng. Nhưng vượt thắng thiên nhiên không có nghĩa là đi ngược lại mà chỉ là nhờ cậy sức nước để thực hiện những công-trình của mình, con người cần có nhiều cơ mưu, phải có sức lực dẻo dai để chiều theo dòng nước, để tồn tại, để thành-công.

Chiếc bè mặc dầu rộng bốn năm thước, cao một thước, chỉ còn là chiếc lá giữa dòng, tưởng như nước muốn đưa đến đâu thì đưa, mặc ý. Sự thật, chiếc lá ấy vững

như bàn thạch dưới sự bơi lượn khôn khéo và dũng mãnh của một con sào.

Và con sào ấy điều khiển bởi cánh tay duy nhất của con người có cái tên giản-dị của nông thôn : Năm Cụt.



Sở-dĩ người ta gọi anh Năm là Năm Cụt vì một điều ai cũng biết : anh chỉ có một tay. Anh bị cụt do một trận đánh nhau khá kịch-liệt giữa hai bên. Anh không tham dự vào cuộc chiến của bên này hay bên kia, vì tính anh vốn vô sự, vì anh chỉ là người thợ rừng, không thích biết những cái cao xa hơn việc đốn củi, buôn gỗ, cời bè. Nhưng một viên đạn trái phá không nghĩ như anh, không nghĩ chiến tranh là của riêng ai nên đã nổ ngay phía sau anh, hơi mạnh của nó đẩy nhào anh ngã sấp, đập mặt xuống vũng bùn. Cho đến khi trận đánh tan, anh mới lai tỉnh, lớp ngộp bò dậy về nhà. Anh nghe tay trái đau thắt lên, trở nên khó điều khiển. Anh hết sức dùng tay mặt để xoay cái thân thể cứng tráng đi tới và kéo lê cánh tay kia đã bất động như một que củi tàn.

May sao, giữa lúc bơ vơ, có quân lính nhật thương binh, từ sĩ đi qua. Họ bỏ anh lên một chiếc băng-ca, đưa anh về bệnh viện cứu chữa cho anh rồi trả anh về với xóm làng, thiếu đi mất một cánh tay.

Cái danh hiệu Cụt, kèm theo tên Năm, không làm anh dễ chịu tí nào. Nhưng nhờ người ta mỗi ngày mỗi kêu nên anh nghe dần quen tai, có cảm-tưởng cha mẹ đã đặt thêm nó từ bé để các ác thần làng quên đứa con « xấu náy ». Cũng như cánh tay cụt, đáng lẽ cứ được anh du dú dẫu mãi trong tay áo rộng cũng

dần dần được thò ra và — có ai ngờ cái ngược ngạo của cuộc đời ? — Chính nhờ nó mà anh nổi tiếng.

Ban đầu, người ta đề ý đến cánh tay kia vì cuối chỗ cưa, có lòi ra hai tí thịt. Năm dùng hai tí thịt đó để cầm đồng bạc, nâng diều thuốc hay xách quần bút viết nguệch ngoạc cho vui. Tiếng đồn vang ra, bọn trẻ con mặc sức tìm đến chơi thân với anh để được anh cho xem cái trò lạ lùng này. Nhưng đó chỉ là tiểu xảo để lòi cuốn những kẻ mộ danh anh. Người ta khâm-phục anh thực sự vì cái tài làm việc, cái sức chịu đựng kỳ lạ của con người tàn tật. Bởi vì từ khi bị mất tay, anh vẫn dư cần sống một mình và làm tròn hết công việc của mình, nhiều khi quá đáng, nhiều khi phí sức một cách thâm thương. Cô-độc. Anh thích sự cô-độc như chỉ có nhờ nó anh mới có thể suy nghĩ và hoạt-động dễ dàng. Thà nhọc xác, đau thân thêm một chút, anh bằng lòng tự làm khổ mình, không phải động chạm đến ai. Cho nên biết bao lần, người ta gặp anh lấy đầu đội một cái cối xay bột bằng đá đi trả cho chủ hàng bánh tráng, hay trong đêm khuya, người ta bắt gặp anh lấy răng cắn dây dừa, chuyền cho tay mặt kéo nước dưới giếng sâu. Chuyện anh Năm nhiều vô kể và làm cho cả giới nữ cũng hết sức chú ý. Đó là phần thưởng đối với kẻ khác, song với anh, nó làm cho con người có bề ngoài dạn dày, đã khá tuổi nghe thấy là đồ mặt, đồ tai, sừng sừng. Thật ra, trong cái thời nhân công càng ngày càng khó khăn này, biết bao gia đình muốn có một người rề quáo xuyên như anh ; giữa thời đại đồng tiền trở nên khó khăn này, biết bao thanh nữ, nếu cần,

sẽ thấy kẻ khác thừa một cánh tay khi nghĩ đến anh với tài tháo vát của anh...

Trời vẫn không ra mưa, ra nắng. Bè vẫn trôi phăng phăng. Ở đầu dây, xa xa văng tiếng nước réo l-ầm, như có muôn vàn lượn sóng ào ào đập vào nhau. Cát đang ngồi bó gối nhìn bên ngoài, bỗng quay lại hỏi :

— Hình như mình sắp qua xoáy, anh Năm ? Thấy Năm gật đầu, Cát lo ngại :

— Liệu lụt lội này, mình có tránh khỏi bị rút vào xoáy không ?

— Được chớ. Anh không thấy tôi cho bè qua bên kia giòng sông à. Lái cái thứ bè này trong ngày lụt lội bao giờ cũng phải hết sức phòng xa anh Năm à. Nếu như mình muốn đến một cái bến nào, mình phải liệu trước ít nhất là bốn năm cây số mới đưa bè được từ bờ bên này sang bên kia sông để gặp nó. Coi như cái xoáy này, tôi đã liệu tránh nó trước đây cả giờ rồi nên bè mình mới phải lách qua hữu ngạn đây.

Quả nhiên chiếc bè tuy vẫn chạy hết tốc lực mà mũi nó có hơi nghiêng nghiêng theo một con nước dẫn về phía hữu ngạn. Cuốn theo bè cả đoạn đường là những rong, rêu, bèo bọt, cả những khúc gỗ, những cành lớn lá xanh nghìn nghít. Vật nào được vướng vào bè thì chạy nhanh thoăn thoắt, còn những vật khác bập bênh trôi rồi lụi dần về phía sau.

Thốt nhiên, Cát kêu lên :

— Anh liệu mà tránh hàng tre kia chớ ?

Đúng lời Cát, một hàng tre đột ngột đứng chặn ngay trên đường tiến của bè. Hàng tre chừng bốn năm chục cây, dày chừng hai ba gốc giăng ngang như một bức tường kiên cố. Năm lắc đầu :

— Tránh sao được ! Bè mình phải chiều theo con nước.

— Vượt qua nó bằng cách gì ?

Cát vừa hỏi xong câu thì bè đã đến ngay dưới bụi tre, cành lá tua tủa đâm ra với những cái gốc nhọn chỉ chực xóc qua thịt da người như xóc ếch nhái, Cát la hoảng lên một tiếng nằm sấp xuống bè hai tay ôm chặt một bao hành lý. Rẹt... rẹt... rẹt ! Tiếng rắc rắc chuyền động mạnh như vũ bão dưới chiếc bè đang phóng qua. Chỉ một giây, Cát vừa kịp định thần nhìn lại thì thấy đám tre vô cùng kiên cố bị khuyết đi một hàng ở giữa như hàm răng bị gãy mấy cái răng cửa. Những ngọn tre bị bè đập ngã liệt xuống giờ chỉ còn thấy là đồng lá xanh đang mắt hút vào trong sóng nước.

Cát tặc lưỡi, thả cái bao hành lý ra :

— Ghê thật. Cho biết là bè chạy mau đến đâu. Giá mình có một chiếc to gấp mười lần, toàn bằng gỗ thì với tốc độ này, e mình có thể phá tan núi như không.

Năm cười :

— Đừng có chơi với núi, anh Năm ! Bọn tôi đã bị một lần rồi. Đạo ấy, chúng tôi đi bè gỗ, cũng theo con nước về xuôi. Qua chỗ vòng C... nước chảy xiết, người điều khiển bè chỉ vô ý một tí mà bè đâm vào chân núi.

Cát cười ròn rã :

— Tôi bảo đâm vào ngọn núi, chớ có bảo đâm vào chân núi đâu ? Vậy rồi làm sao phá núi cho nổi ?

— Mình phá nó không nổi thì đành để cho nó phá mình vậy. Anh cũng biết là một chiếc bè gỗ đang được nước đẩy tới, (nước ngày thường chớ không nói nước

lụt) bây giờ muốn rút lui ít ra cũng phải mất mấy chục thớt voi chưa chắc đã làm nổi. Mà bọn tôi chỉ có sáu người. Nhưng làm sao để cứu bè gỗ ở giữa chỗ chỉ có khi ho cò gáy ?

— Ừ, làm sao ?

— Chúng tôi nhất định đào cái chân núi ấy.

— Đào núi ?

— Chớ biết cách gì nữa, anh ? Ròng rã năm ngày, năm đêm không ngủ, bọn tôi phải đào, phải bới, phải xúc, phải đồ. Thật hết sức vất vả mới đem cái đầu bè ra được, anh Cát à.

Sau câu chuyện, Cát lại bó gối ngồi yên. Gió đánh vào đầu tóc rối bù của anh, càng làm cho anh có vẻ suy nghĩ lung lăm.

Có tiếng gà gáy đầu đây. Gà rừng hay gà nhà ? Xóm làng cũng như núi non yên vắng quá ở xa, xa lắm mới thoáng thấy bóng ghe thuyền.

Cát bỗng cất tiếng hỏi.

— Chiến tranh hết rồi, anh có thấy dễ chịu không, anh Năm ?

— Dễ chịu lắm chớ ! Tôi định đi buôn luôn ít chuyến cho có tiền.

Cát hỏi, đôi mắt dõi từ về đát, dăm suy tư ra vẻ cười cợt.

— Thì cũng có tiền cho nó sướng vậy thôi.

— Chớ không phải có tiền để cưới vợ sao ?

Cả hai người cùng cười. Cát hỏi tiếp, giọng ân cần !

— Anh Năm có muốn cưới vợ, tôi làm ông mai dong cho. Anh có biết con Niên, cháu vợ anh Cả tôi không ?

Cát thấy cần phải gây cảm tình với Năm nên gọi ra chuyện vợ chồng. Niên, người con gái mà chàng vẫn mơ ước mà không bao giờ dám tự thú... Thốt nhiên, Năm đỏ mặt hai tai nóng bừng, ngón tay run run. Đề đánh trống lảng, Năm quay sang chuyện khác !

— Anh Cát à. Mình sắp đi ngang qua xoáy rồi. Anh có nghe tiếng nước réo không ?

Tiếng nước ầm ầm vang động, có lúc tưởng như từ trên cao đổ xòa xuống, có lúc tưởng muôn ngàn lượn sóng tới tấp đuổi nhau, đề lên nhau rồi cùng đánh ầm xuống một cái hố sâu vô tận.

Ở xa xa, người ta đã thấy những làn sóng chạy quanh một cái xoáy vĩ đại, réo mãi không ngừng. Những tiếng hang sâu, vực thẳm không gọi được cảm giác ghê rợn của kẻ đi qua đây, khi nghĩ rằng, chỉ một sự vô ý nhỏ, vì không tránh được dòng nước, người lái thuyền đành để cho thuyền bị hút vào dẫn vào xoáy. Thuyền cứ từ từ vòng mãi, vòng mãi ; xoáy cứ thu hẹp dần lại theo từng cấp bậc quanh rốn nước, từ cao xuống thấp, thấp dần. Con thuyền tuân tự mà đi, khá nhanh, như có bàn tay của định mệnh dẫn lối theo một con đường khu ốc, khép lại hăng một giòng nước không bao giờ ngớt gào thét hải hùng. Người ta không biết sự gì đã xảy ra cho đến hôm sau, lại thấy những con chim lạ quàng trên cao, phát ra những tiếng kêu lạnh lạnh ; ở các bến xa, người thuyền chài vô danh nhặt được từng tấm ván của một chiếc thuyền nát lừng thưng trôi về. Không ai biết xoáy đã đập, đã phá, đã xé nát những con thuyền ra sao và theo lối nào, những tấm ván nhẹ đã vượt được ra ngoài hiểm nguy.

Năm nói :

— Cảnh này cũng đáng ghê gớm không khác gì cảnh chiến-tranh. Cho nên hết chiến-tranh, con người sung-sướng thật :

Cát lắc đầu, xoa mạnh tay trên cái đầu tóc bị gió thổi bạt cả về phía sau ;

— Hết chiến-tranh chưa hẳn đã hết chết chóc. Sao anh quá lạc quan vậy ? Tôi tưởng là hết chiến-tranh...

— Thì hết hận thù, thì...

— Anh lầm rồi. Lúc này mới là lúc rửa hận thù đó. Anh có biết đã ba hôm nay, có việc gì không ?

— Ba hôm nay, quân đội bên kia kéo đi, quân đội bên này sắp đến...

— Thời kỳ vô chính-phủ. Phải, ở đâu không rõ, chứ trên vùng chúng ta, thật là thời kỳ vô chính-phủ.

— Nhưng mọi người vẫn làm ăn như thường. Nào có gì lạ đâu. Đã thế, nhân-dân còn đỡ phải nghe tiếng máy bay, tiếng bom đạn.

— Đó là bề ngoài... bề ngoài. Anh làm ăn lương-thiện, anh tưởng thế. Chớ ba hôm nay có biết bao việc làm trong bóng tối... những việc chỉ có trời và kẻ làm ra nó biết mà thôi.

Năm thờ dài : Tại sao còn gây mãi việc đổ máu, gây mãi oán thù. Mười năm khói lửa, chết chóc như thế còn chưa vừa hay sao ?

Cát lắc đầu, hai con mắt đỏ đục cứ nhia chăm chặp vào bao hành-lý, lát sau đưa mắt đảo qua bèo bọt trên mặt nước, anh thong thả nói :

— Anh nghĩ thế vì anh chỉ biết chí thú làm ăn. Anh chưa thật hiểu thế nào là đau khổ, nhục nhã. Khổ, nhục.

Hai tiếng ấy thật khó giảng giải quá. Vì người đời nghe nó quen tai mất rồi, nên người cũng chỉ xem nó như mọi sự việc vẫn thường xảy ra trong đời như khi ta nghe những tiếng thiếu đạo đức, vô lương tâm. Nhưng đối với kẻ đã bị khổ, nhục, tôi tưởng không bao giờ họ quên được đâu. Kẻ yếu đuối, hèn nhát, buông xuôi tuy vẫn không quên, song họ cố tình làm ra quên, cố tình ngoảnh mặt lại sự thật để khỏi phải đau đớn nghĩ tới những việc mà động nhớ đến là tâm can như bị vò xé. Còn kẻ có can đảm hơn, dám suy nghĩ tới thì cái khổ nhục như mụn nhọt mọc ngay giữa xương sống, chỉ chực lở loét ra và không bao giờ làm mình hết nhức nhối... Cái khổ nhục cứ trum lên đầu con người — xin lỗi anh — như tấm quần đơ màu đen chỉ có khi nào xé toạc được cái quần, tháo tung được nó vứt đi, người ta họa chăng mới quên được dĩ vãng dở phải bị ám ảnh...

Cát nói với Năm mà mắt không rời những bao hành lý, có lúc trợn mắt, có lúc nghiêng rặng như trong lòng rạo rạt những mối xúc động mãnh liệt... Người ta có cảm tưởng anh đang bày tỏ những nỗi đau khổ mà thốt nhiên một vật kỷ-niệm vô tình gợi lại trong óc... Một kỷ-niệm ? Ở bên ngoài chỉ có dòng nước mãnh liệt đồ xuống không mang theo cây lá, rau cỏ, bèo bọt những mái nhà, những bàn ghế. Nhưng mấy vật này không hề được Cát đoái nhìn. Còn trong bè thì chỉ có vài con rựa, mấy cây sào, một ít thức ăn và hai bao hành lý, đúng hơn, hàng hóa của Cát. Hai cái bao tời có lẽ đựng đầy nghệt những gì mà Năm đoán là đậu phụng và bắp vì thấy nhiều hạt nhoai mình muốn vượt ra khỏi những sợi gai đan.

Cát hỏi :

— Độ bao giờ thì mình đến đồn xã Bường, anh Năm ?

— Có phải cái đồn thời trước Tây tới chiếm không ?

— Phải.

— Tối hẳn mới đến.

— Tôi muốn xem cây đa cũ ở đó có còn không.

— Cây nho nhỏ ở phía trước mặt đồn à ? Vẫn còn đấy.

— Tốt quá. Bè mình có đi về phía ấy không ?

— Có. Cứ đi thế này là mình phải qua ngã đó,

Cát gật gù cái đầu nhiều lần để tỏ lòng sung-sướng vì một điều ước ao được thoả mãn :

— Anh Năm à, Anh có biết ngày xưa Tây nó dùng cây đa đó để làm gì không ?

— Có. Tôi nghe nhiều người kể lại...

— Ừ, chắc anh chỉ nghe qua thôi. Chính tôi, tôi đã ở tại đồn đó trong ba tháng trời.

— Anh bị bắt ?

— Phải. Tôi bị bắt, bị giam rồi mấy lần suýt bị xử tử nữa kia. Anh có biết cái nhà giam ở đó không ? Tại Tây lập nó ngay phía trái đồn. Nói là nhà giam, thật sự chúng chỉ lấy ván kê cao trên mặt đất chừng một thước, bít kín ba mặt, chỉ chừa một lối xuống hầm thôi. Bọn tôi phải ở luôn trong hầm. Nhiều hôm Tây lừa người về chỉ đứng cũng không có chỗ dựa. Trời nóng, người nào người nấy vã mồ hôi ra, rồi mạnh ai nấy phóng uế, hơi thối nồng nặc cả lên. Đúng là một là một cái chuồng heo, heo người. Còn tệ hơn thế vì giá

được giam trong một cái chuồng heo chung với heo thật, có lẽ còn sung-sướng hơn nhiều. Đã thế mà nhiều hôm chẳng được ăn uống gì rồi còn bị nhiều tên lính gác chòi ác, cứ đi tiêu cả bên trên, nước tiểu theo các chỗ lũng tí-tách rơi lên đầu, lên cổ chúng tôi, ngứa gãi phồng da. Trời nhiều hôm nóng quá, hơi đất nồng nặc xông lên, da dẻ bọn tôi cứ đen xạm dần lại như cháy rồi gờ lằn ra từng mảnh được. Dưới chân người, có hôm sinh dòi rĩa rói trong những cái mụn lở loét rất dễ sợ, mùi hôi không thể tả... Tình cảnh như thế mà đôi ba hôm, bọn tôi lại phải ra ngoài để chúng kiến những vụ xử tử rợn người. Tây muốn giết ai, chúng bảo người ấy leo dần lên trên một cành cây bàng, vờ bảo bẻ cái này, lấy cái nọ. Nhưng ai ai cũng thừa biết số phận mình ra sao, nên có người chưa leo lên đã nằm ngã lăn dưới gốc cây. Những người liều lĩnh thì nhảy phóc xuống sông. Nhưng cái chết nước vẫn nặng nhọc khổ sở hơn cái chết đạn, nên đa số đều chịu cố gắng vịn cành đu mình theo các nhánh cây vươn ra ngoài mặt nước. Bọn lính nhắm vào « tội nhân » xả súng bắn bừa. Một tiếng kêu ! Một cái thân người rơi tòm xuống nước kéo theo mớ nhựa da trắng phều. Chúng tôi cứ đứng dưới này mà run lẩy bẩy, nuốt nước mắt, cắn chặt hàm răng chờ đến lượt mình. Quả thật, thà chết đi vẫn khỏe hơn bị giam cầm dưới mồ chôn sống vô nhân đạo kia rất nhiều. Nhưng nghĩ thế, chớ phải chúng kiến cái cảnh leo lên cây đa để chờ một phát súng... gan ruột chúng tôi cứ như chảy ra nước đắng, nước cay hết, Bọn chúng nó bắn người để xử tử, những kẻ chúng cho có tội, để thủ tiêu những người chúng tình nghi ấy thế mà

nhiều khi tôi ngờ chúng còn dùng người để làm cái « dịch sống » mà tập bản... Số người chết dần dà nhiều, nhựa cây đã chảy mãi, chày mãi, rồi thân cây khô héo dần. Cuối cùng, cây đã chết đứng trên bờ sông.

— Phải. Cây đã chết khô từ lâu, nhưng không ai dám chặt vì họ đều kiêng cử, sợ oan hồn vật chết. Ngày rằm, mong một lần thấy có thắp hương khắp gốc đa. Bởi nó giết người nhiều nên về mới có câu « Treo cây nó bản như là bản chim », anh Cát à.

Trong lúc nói chuyện, sự uất ức nhiều lúc làm Cát nghẹn ngào. Đã hai lần, mắt Cát nhìn sừng vào gánh hàng, đứng hơn vào cái bao đặt bên tay phải. Không biết mắt Năm có bị hoa không chứ chính Năm cũng hai lần thấy cái bao bị rung rất mạnh như thể có cái vật gì cựa quậy trong đó. Năm muốn kiểm tra mắt nhìn của mình có đúng không, mới dòm bao quát hai cái bao một lần để so sánh. Hình như cái bao ấy lại rung ; Năm vừa định thẩn thì nó cũng vừa yên. Đồng thời, trong tiếng gió thổi ngược về sau bè, Năm nghe thoang thoang có tiếng rên khi khi... Tiếng rên không đều, chỉ lâu lâu mới khe phát ra và người nghe khó phân biệt là tiếng con vật hay tiếng con người.

Thốt nhiên, một tiếng rên « khò khò » to hơn phát ra, rồi cái bao hàng tự nhiên

đào qua, đảo lại. Cát vẫn ngồi yên, chỉ cầm con sào ngắn đập thành thịch lên cái bao và quát giận dữ :

— Con vật này ! nó muốn tỉnh hồn rồi sao ?

Từ đấy về sau, cái bao nhiều lúc như muốn lỏng lộn lên. Lần nào, Cát cũng đánh bằng những cán sào quyết liệt và miệng không ngớt quát tháo. Năm nghe rờn rợn cả tâm hồn : vì anh đoán trong bao hàng hóa, không phải con vật mà chính là con người.

(Còn tiếp)

NGUYỄN-VĂN-XUÂN

★

SÁCH MỚI

Chúng tôi vừa nhận được :

«*Đường thi trích dịch*» (Xuân tập: Thi) do Ô. Bùi-Khánh-Đản dịch văn, Ô. Đỗ-Bằng-Đoàn dịch nghĩa và chú giải. Tập I về Thi này có 503 bài gồm cả thơ thất ngôn lẫn ngũ ngôn và có 4 phần : Tiểu chuyện tác-giả, Dịch văn, Dịch nghĩa và Chú thích. Một công-trình sưu-tầm, trích dịch, và chú thích rất công-phu. Sách dày 792 trang, in Ronéo hai mặt, khổ 20 X 26, trình bày trang nhã.

Xin trân-trọng cảm-tạ Ô. Bùi-Khánh-Đản và Đỗ-Bằng-Đoàn và ân-cần giới-thiệu cùng bạn đọc quyền sách giá-trị trên.

B. K.

- ★ Nên nhân-từ, nhưng không nên « ngây thơ » ; sẵn sàng tin cậy, nhưng tin cậy một cách thông-minh, sáng suốt.
- ★ Tin người không cần phải tin một cách mù quáng.
- ★ Kẻ làm đầu là kẻ không để cho ai thao túng được.

Những bài đã nhận được : Một chiều yêu ; Cao-Bá-Quát , Tinh chất lãng mạn (Phong-Võ) — Khi người mẹ trốn (Minh - Quân) — Hiện - tượng phát-triển của trẻ thơ, Sơ lược về tâm bệnh (Nguyễn-Hữu-Thông) — Thú chơi tem (Nguyễn-Văn-Thế) — Xưa ; Anh sẽ về (Võ-Thùy-Lam) — Mùa xuân căn gác đầy người ; Sau khi cháy nhà (Hồ-Nam) — Đưa con ; Điềm sáng ; Bertrand Russel (Vũ-Trung) Đốt sống (Phan-Huy-Doanh) Nắng cuối thôn (Hy-Vũ) Tuổi hai mươi (Mai-Khắc-Hải) — Sản-phẩm thời-đại ; Thiếu lễ sống (Nguyễn-Vũ).

Tiếng rừng đêm (Huyền-Hồ), Biệt hành, Nét mặt sầu đau, Nỗi đau làm người, Nỗi đau sáng - tác (Huyền-Vi), Người chết đêm mưa — Tần đêm chuyển cuối, Tôi gọi tên các anh (Mai - Vi - Phúc) Trường Thành — Chiều vắng (Thạch-Trần). Thu sơn cước, Bút Máu (Trần-Trần Mặc-Lang). Thơ say (Nguyễn-Thanh-Quế), Xin Mẹ, Tinh Mương Giang, Vi sao (T.V). Hoa xuân — Mừng Bách - Khoa chẵn ba tuổi (Đông-Xuyên). Thanh thần kiếm (Hoàng - Minh - Ngọc). Ta chờ em Xuân ơi (Trường-Linh). Tiếng còi sớm (N.T.Q). Mồ hoang (Tổ-Ngọc) Cách Ngăn (và 9 bài thơ) Thế-Hà). Tân xuân — Men xuân — Xuân Cầm (Kim-Thư).

Xin trân-trọng cảm ơn các bạn.

Sẽ đăng : Tôi chẳng bao giờ cô-độc (Hương Quy).

Những bài không đăng : Triết-ly lộn-tại (H.V) Ông Tào-hóa (Đ.H.) Đưa con lưu lạc (N.L.G.) Máy bài thơ ; Nhớ mẹ, Tiền... (V.L.M.) Một tâm hồn ; Thày Thịnh (N.V) Luận về cái lợi cái hại của báo chí (L.V.P.)

Điên đảo (D. A). Hơi thở — Giác ngủ — Áo trắng (H.L.H) Kiếp sống — Xê dịch (D.Y). Có ai cầu nguyện, Trăng (T.D.T). Ngày xuân để thơ trên hồ (Q.T.). Lũn thối (P.H.D). Thân phận (T.Đ). Trăng (X.D). Xưa (T.H.T) Gãy viên phấn (K. Dz.). Ngư Ông — Khúc ca ai oán mùa thu — Vịnh Vũ hầu — Nhớ cảnh Đông-sơn (Quân-Thành).

Những bài trên đây vì nhiều lý do nên rất tiếc không đăng ngay được. Mong đợi các bạn gửi thêm cho những bài khác nữa.

Ô. B. Q. Y : — Ý kiến ông đề nghị rất hay, chúng tôi đã xin ghi lại để nghiên-cứu.

Bạn Sao trên rừng : Sao mà nóng nảy thế. Bạn hãy cho biết tên thực và địa chỉ hiện tại đi, rồi sẽ xin có thư riêng.

Bạn Ngọc-Túy (Huế) : Đã nhận được thư của bạn. Các báo cũ vẫn còn đủ các số. Mua 12 số trở lên sẽ hưởng giá mua dài hạn (90% mười hai số).

Bạn Nguyễn - Văn - Thế (Vĩnh-long) . — Đã gửi Mục-lục cho bạn. Danh-từ địa-phương sẽ đăng trong số tới. Xin cảm ơn bạn và mong bạn tiếp tục.

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

Bách-Khoa vừa nhận được :

- « Trăng treo đầu súng » Thi - phẩm thứ 3 của Trường-Linh do tác-giả gửi tặng gồm 30 bài thơ của Trường-Linh đã đăng trên Chiến sĩ Cộng-hòa, Giáo-dục phổ-thông, Bách-Khoa. . Bản đặc-biệt không ghi giá bán.
- « Vạn vật học » lớp đệ lục do Nguyễn - Hữu - Hồng soạn và nhà xuất-bản Yển-sơn gửi tặng. Đây 176 trang, giá 35\$
- « Người xưa » của Ô. Trần-Đình-Khải bình dịch và khảo-luận do Cơ-sở Báo-chí xuất-bản Tự-do gửi tặng, đây 191 trang, bản đặc-biệt.
- « Nữ sinh Phật tử » bài giảng của Cư-sĩ Thiện-chí do Hội Việt-Nam Phật giáo miền Nam ấn hành và gửi tặng.
- « Học báo trau dồi Anh-ngữ » các số 11, 12, 13, do ông Lê-Bá-Kông gửi tặng, giá mỗi tập 7\$.

— « Có nói cũng không không cùng » thi-phẩm của Nhân-Hậu do tác-giả gửi tặng. Sách ấn-loạt đẹp, trình bày mỹ-thuật. Giá bán 60\$00.

— « Phương-pháp làm văn nghị-luận » (trung-học, đệ-nhất và đệ-nhị cấp) của *Thăm-Thế-Hà* tựa của ông Nguyễn-Văn-Kiệt, sách giáo-khoa đây 180 trang, in đẹp, giá 38\$, do nhà *Sống Mới* xuất-bản và gửi tặng.

Trân trọng cảm ơn các tác giả và xin ân cần giới thiệu với độc-giả thân mến.



CẦN DÙNG

Chúng tôi cần hai tập thơ : « *Tiếng thu* » của *Lưu-Trọng-Lưu* và « *Điều tàn* » của *Chê-Lan-Viên*, qui bạn nào còn xin cho chúng tôi mượn sao lại — tại chỗ, hay được đem về —, chúng tôi rất đổi đa tạ.

B. K.

ĐÍNH CHÁNH

Bách-Khoa số 68 : Bài « *Tiếng địa-phương* » trang 32, cột 2 *Bao cổ* (danh-từ) xin sửa... (*thành-ngữ*).

- « *Trả lời cuộc phỏng-vấn văn-nghệ* » trang 44, tiểu-sử Võ-Phiến, dòng đầu : « *Phù-mỹ* », xin sửa : « *Phù-mỹ* » trang 45, cột 1, dòng 4 ; « *Bản Vịt trời (1)* », xin sửa lại « *Bản vịt trời (2)* » ; và chú thích (1) ở cuối cột, xin bỏ.
- trang 47, cột 2, dòng 16 : « *quân - tích một tâm-trạng* », xin sửa : « *phân-tích một tâm-trạng* ».
- trang 48, cột 1, dòng 7 : « *tự chọn lựa* », xin sửa : « *sự chọn lựa* ».
- Số thứ tự đề trước các nhà văn, xin sửa : XXII. — Nguyễn - Phúc, XXIII. — Lê-Văn-Trương, XXIV. — Võ-Phiến,

Bách-Khoa số 68 : *Cơn giông*

- trang 74, cột 2, dòng 29 : *Kiểm như một đứa trẻ*, xin đọc : *kiều như một đứa trẻ*.
- trang 75, cột 1, dòng 3 : bao nhiêu thi kiểm, xin đọc : bao nhiêu thi với kiểm.
- trang 77, cột 2, dòng 28 : nhìn qua đường đi, xin đọc : nhìn người qua đường đi.

TIN THƠ

Thi-sĩ Vũ-Hoàng-Chương đang cho tái bản :

THƠ SAY và MÂY

Hai thi-tập này xuất-bản lần thứ nhất tại Hà-nội năm 1940 và 1943.

Nay in gồm vào một tập lấy tên là :

MÂY

Tất cả những bài thơ của Vũ-Hoàng-Chương thời Tiền-Chiến đều có mặt trong đó. Sách in hai màu bìa bốn màu do thi-sĩ Đinh-Hùng trình bày. Sẽ có bán vào dịp lễ Giáng-sinh. Ngoài những bản thường, chỉ in 100 bản quý dành cho các bạn đặt mua trước. Bản quý in trên giấy đặt-biệt, có mang thư bút của tác-giả (hay câu thơ và chữ ký) Các bạn yêu thơ nên dành trước ngay từ bây giờ. Và bạn nào tra hai câu thơ nào của tác-giả (Việt hay Hán) xin cho biết trong thư ; tác-giả tự tay đề những câu đó vào sách dành cho bạn.

Thư và Bưu-phấn xin đề :

Vũ-Hoàng-Chương, 53/18 Nguyễn-Khắc-Nhu Saigon

Sách sẽ đến tay các bạn đã đặt tiền trước, từ ngày 25-12-1959 sắp đi.

Nên đọc và cổ động Tạp chí :

VĂN - HÓA NGUYỆT - SAN

*Cơ-quan Nghiên-cứu và Phổ-thông
Văn-hóa Việt-Nam và Văn-hóa Đông Tây*

Đã phát hành :

VĂN-HÓA NGUYỆT-SAN số 44

với nội-dung phong-phú, gồm nhiều bài vở chọn lọc, vui lạ và bổ-ích của những cây bút giá-trị.

Tạp chí dày 180 trang, giá 12\$, có bán lẻ khắp các hiệu sách lớn tại Thủ-đô, các tỉnh và nhà sách Thống-Nhất, Tổng-phát-hành —

329, Đường Trần-Hung-Đạo, Sài-gòn.

VIỆT NAM BẢO HIỂM PHẬT BÀ



Công Ty bảo hiểm người Việt

Đầy đủ Uy Tín và Kinh Nghiệm



Bao bọc tất cả hiểm nguy

Trụ sở: 13 Đ. Pasteur Saigon

Đ.T.: 23529



HÃNG

NAM-THANH

và

THERMOR

31 Nguyễn-Văn-Thỉnh

SAIGON

Đ. T. 23.951

Chuyên bán đồ điện,
máy điện, máy nấu ăn.

Lãnh cất nhà đèn,
chạy dây đèn nhà,
đèn đường, và lập
hệ-thống điện.

Chủ nhân :

NGUYEN-HUU-THAT

BÁCH-KHOA ĐÓNG TẬP

Hiện nay Bách - khoa đóng thành tập
cuốn thứ V (từ số 49 đến số 60) đã
có bán tại các hiệu sách và tại tòa báo
160 Phan - Đình - Phùng Saigon.

Giá mỗi tập 105 đ.

Ở xa xin gửi cước phí bảo đảm
mỗi tập 15 đ.



BÁCH-KHOA ĐÓNG TẬP

Từ 1 - 60 : 5 tập : 525 đ.

Một tặng phẩm giá trị và trang nhã

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE pour le Commerce et l'Industrie

SAIGON

135, *Đại-lộ* NGUYỄN - HUỆ
(ex Charner)

Téléphones : 21.902 — (3 Lignes)
22.797 — B.P. E 5

PHNOM - PENH

26, *Moha Vithei Preah Bat Norodom*
(Ex Doudart de Lagrée)

Téléphones : 385 et 543
B. P 122

Succursale de Hongkong

8/8 *A Queen's Road Central*

Tel. 21.000 et 23.000

P. O. Box no 763

La B.N.C.I. et ses filiale possèdent plus de 1.000 sièges en France, dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F., A.E.F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. • A •); à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN); à Londres, Lagos, Apapa, Kano, Zibute Matta (British and French Bank); à Bâle (Banque pour le Commerce International); à Mexico (Banco del Atlantico); à Panama (Panama Trust Co. Inc.).

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME - ORIENT (INDEO)

Adresse Tél. IDEORIENT - SAIGON
Tél : 20.821 — Boite postale : 276
1, Duong Nguyen-Sieu — SAIGON



IMPRESSION DE TOUS OUVRAGES REVUES, BROCHURES,
CATALOGUES TOUS IMPRIMÉS DU COMMERCE
REGISTRES, FACTURES, CARNETS EN TÊTE DE LETTRES,
ENVELOPPES ACTIONS, OBLIGATIONS, CHÈQUES
CONDITIONNEMENTS, ÉTIQUETTES PAQUETAGES TOUS
MODÈLES FAIRE PART NAISSANCE, MARIAGE, CARTES
DE VISITE ET D'INVITATION CALENDRIERS DE FIN
D'ANNÉE TOUS TRAVAUX

NOIR ET COULEUR, TYPO — OFFSET

REPRÉSENTANT EXCLUSIF :

MACHINES A ÉCRIRE **"HERMES"**

PAPIER HELIO **"DOREL"**

XE

AUSTIN - HEALEY

"SPRITE"



Một kiểu xe thể-thao rất tân-kỳ và sẽ làm cho qui ngài
ngạc - nhiên với

- một giá rất hạ : 169.000\$. Kể luôn các sắc thuế.
- một tốc-lực khá cao : Trong 34 sao đồng-hồ, có thể vượt lên
đến 115 cây số một giờ.
- một tổn-phí rất hạ : Mỗi 100 cây số chỉ tốn có 7 lít xăng.
- và tất cả bảo-đảm về vững-vàng, êm-ái và chắc-chắn.

Sắp trưng-bày tại: Hãng GARAGE CHARNER

131-133, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — SAIGON

ĐT. 20.423 — 22.531 — 21.124

Đại lý độc-quyền xe **AUSTIN**

Hãng TRƯỜNG

XUẤT-NHẬP-CẢNG

Đại-Lý

Văn-Phòng tại SAIGON :

11, đường Pasteur

Điện-thoại : 20.432

Địa-chỉ Điện-tín: ETRUNIMEX SAIGON:

: NHA-TRANG :

39, đường Phan-bội-Châu

: QUI-NHƠN : 29, đường Gia-Long

ĐÀ-NẴNG : 52 Bến Bạch-Đề

TÀU :

«NHỰT-LỆ» — «TRƯỜNG-SƠN» — «ĐẠI-HẢI» — «THĂNG-LONG»

«TIỀN-PHONG» — «THỐNG-NHỨT» — «PHÚ-QUỐC»

Thường xuyên : SAIGON — NHA-TRANG — QUI-NHƠN — ĐÀ-NẴNG

Chuyên chở cẩn thận và mau chóng

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S . O . A . E . O .)



DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 — 23.742



Fabrication : Oxygène — Acétylène — Gaz Carbonique.

Vente : Hydrogène - Ammoniaque - Cyclopropane
— Protoxyde d'Azote — Argon etc...

Matériel pour soudure oxy-acétylénique et électrique.

Installations de gazothérapie.

Notre service technique d'application est à la disposition de la clientèle pour toutes études et installations.

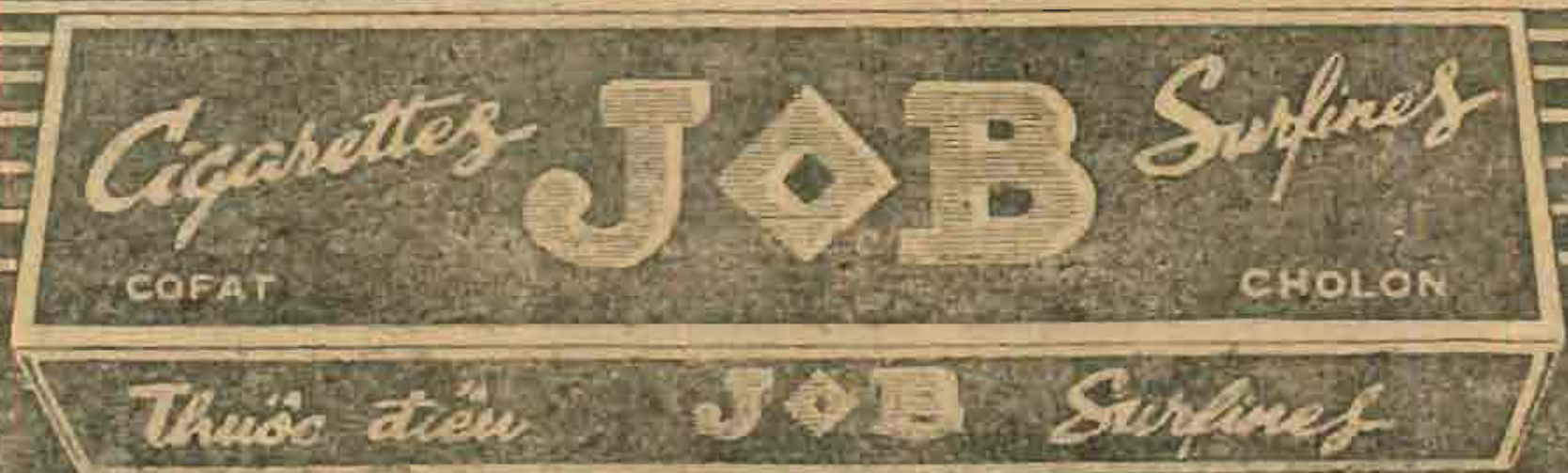
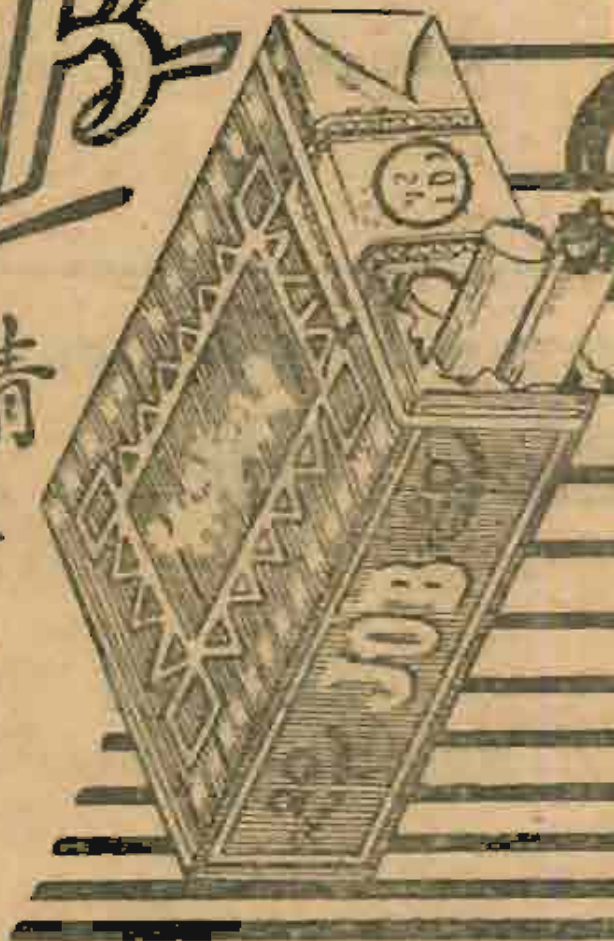
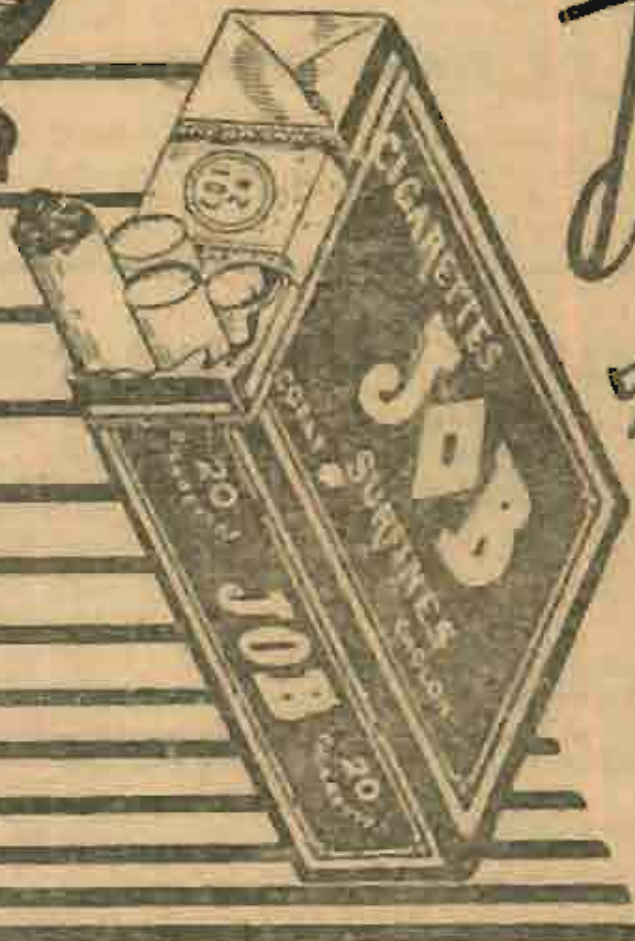
高發烟廠出品

THUỐC LÁ JOB
 MÙI ỀM DỊU
 KHÓI THƠM SẠY
 HƯƠNG - VỊ NGỌT - NGÀO
 KHẮP GIỮN XÃ NƯỚC VIỆT NAM

NÊN HÚT THUỐC LÁ

Job

請吸
 金字烟



« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN »

DESCOURS ET CABAUD

Bảo-Hiểm

1-3-5 Bến Chương-Dương — Saigon

Điện - Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23739

ACCIDENTS — INCENDIE

Tai-nạn

Hỏa-Hoạn

TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Hàng-Hải

Linh-Tinh

ĐẠI - LÝ

của

MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

L'OCEAN — CENTRALE — HAVRAISE — PROVIDENCE

— RHONE MEDITERRANEE — L'INTEROCEANE

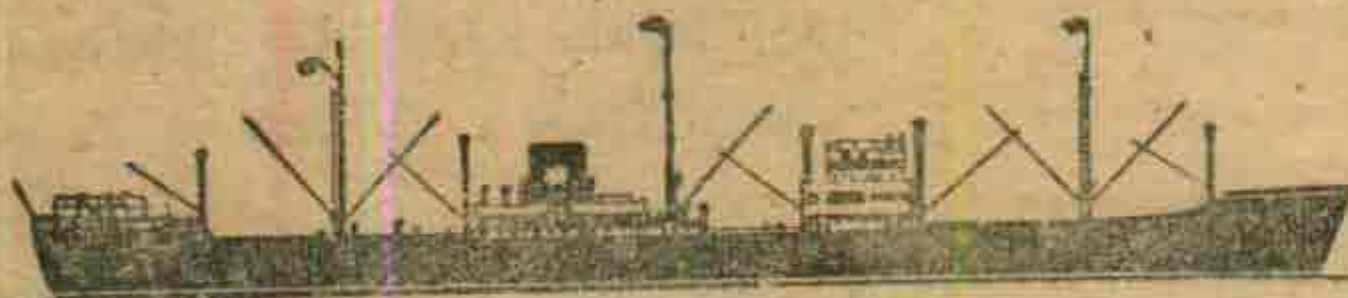
LA MUTUELLE DU MANS

Chi Ngành : PARIS - TOURANE - CHOLON - DALAT - CANTHO - VIENTIANE

HONGKONG TANANARIVE - TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

MAERSK

LINE



A. P. Moller

8. Kongens Nytorv

COPENHAGEN, K. Denmark

Services réguliers entre Est Canada-Côtes Est et Ouest
des USA avec les principaux Ports d'Extrême-Orient

AGENTS AU VIETNAM

PLANTATIONS DES TERRES ROUGES

236, Duong Cong-Ly — Saigon

Tél. : 20,338 - 39 - 40

GIAO - THÔNG NGÂN - HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hãng Chính (Siège Social)

ĐÀI - BẮC — TRUNG - QUỐC

Phân-hãng Saigon (succursale de S aigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87

Điện-thoại 21.549 và 24.547

AGENCE DE CHOLON

158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)

Điện-Thoại : 36.268 và 36.269.

Danh sách điện báo : COMMUBANK

✽

Các hãng Đại - lý thiết lập trên các thành thị lớn khắp thế giới, chuyên doanh tất cả các nghiệp vụ ngân hàng : và có tử bảo hiểm cho thuê, mỗi tử tiền thuê mỗi năm từ 300\$ đồng trở lên.



SILENCE TOTAL

à 800 km-heure

AIR FRANCE

présente

Caravelle

Dans le bleu limpide des hautes altitudes, Caravelle glisse paisiblement, tel un planeur, dont il évoque la ligne pure, fonctionnelle et racée.

Musique en plein ciel

Caravelle est l'avion le plus silencieux du monde. Aucune vibration : dans la cabine, on ne perçoit pas le bruit des réacteurs (placés à l'arrière du fuselage). Détendus, les passagers d'Air France écoutent la musique de Mozart dans une ambiance aussi calme que celle d'un chalet de haute montagne...

L'Europe à 800 km-heure

Caravelle équipe aujourd'hui les lignes européennes d'Air France (*) Parmi les premières lignes desservies : la liaison Paris - Istanbul, grâce à laquelle Paris est seulement à :

1 h 40 de vol de Milan, 2 h 30 de vol d'Athènes
2 h 00 — — Rome, 3 h 30 — d'Istanbul

Air France réalise actuellement le plus vaste programme d'expansion de son histoire, après les "Caravelle", mise en ligne des quadrireacteurs Boeing 707 "Intercontinental"

AIR FRANCE

LE PLUS GRAND RÉSEAU DU MONDE

CONSULTEZ VOTRE AGENT DE VOYAGES OU AIR FRANCE 122, 130 RUE TU-DO SAIGON TEL. 20.981 à 84



NUỐC-NGỌT
HIỆU
CON-CỌP

- VỆ-SINH
- TỊNH-KHIẾT
- BỔ-DƯỠNG



CIGARETTES

MÉLIA



MITAC

А В А С Н К Н О А В А С Н К Н О А В А С Н К Н О А

В А С Н К Н О А В А С Н К Н О А В А С Н К Н О А В А С Н К Н О А

百
科
雜
誌

Chủ-nhiệm : HUỖNH-VĂN-LANG
Quản-nhiệm :

Tòa Soạn :

160, Phan-Đĩnh-Phùng — Sài Gòn
Điện thoại : 25.539

Giá Công Sở : 15\$
GIÁ : 10\$

In tại nhà in VĂN - HÓA
412-414, Trần-Hưng-Đạo — SAIGON